



KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM HỒ SƠ XÉT THĂNG HẠNG CDNN GIÁO VIÊN NĂM 2023
Khối THPT

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1	BĐ569	Nguyễn Công Dương	02/10/1968	GDNN-GDTX	Ba Đình	100	
2	BĐ570	Lê Thị Thuý Bắc	10/12/1975	GDNN-GDTX	Ba Đình	100	
3	BĐ571	Phùng Thị Thu Thuý	28/06/1969	GDNN-GDTX	Ba Đình	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)
4	BĐ572	Đoàn Thị Thảo Nga	06/01/1979	GDNN-GDTX	Ba Đình	100	
5	BĐ573	Trần Thị Hồng Nhung	05/10/1980	GDNN-GDTX	Ba Đình	100	
6	BĐ574	Nguyễn Thị Hải Đường	21/9/1969	GDNN-GDTX	Ba Đình	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)
7	BĐ575	Nguyễn Thanh Bình	07/02/1976	GDNN-GDTX	Ba Đình	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)
8	BĐ576	Nguyễn Thị Tươi	04/06/1986	GDNN-GDTX	Ba Đình	100	
9	BV1286	Hoàng Trọng Tài	01/12/1969	GDNN-GDTX	Ba Vì	100	
10	BV1287	Phùng Văn Hải	26/07/1978	GDNN-GDTX	Ba Vì	100	
11	BV1288	Nghiêm Xuân Sơn	06/01/1971	GDNN-GDTX	Ba Vì	100	
12	BV1289	Bùi Xuân Tuyền	28/12/1965	GDNN-GDTX	Ba Vì	100	
13	BV1290	Nguyễn Thị Lý	31/07/1969	GDNN-GDTX	Ba Vì	100	
14	BV1291	Nghiêm Thị Hồng Phúc	01/09/1978	GDNN-GDTX	Ba Vì	100	
15	BV1292	Trần Quốc Trung	01/11/1979	GDNN-GDTX	Ba Vì	100	
16	BV1293	Đỗ Thị Thu Hiền	17/08/1982	GDNN-GDTX	Ba Vì	100	
17	CG477	Trần Thị Mai Huê	01/01/1981	GDNN-GDTX	Cầu Giấy	100	
18	CG478	Vương Quốc Bình	15/08/1984	GDNN-GDTX	Cầu Giấy	100	
19	CG479	Phạm Thị Thu Hiền	20/08/1975	GDNN-GDTX	Cầu Giấy	100	
20	CG480	Đinh Văn Đồng	26/01/1977	GDNN-GDTX	Cầu Giấy	100	
21	CG481	Nguyễn Công Thị Kim Thoa	03/11/1975	GDNN-GDTX	Cầu Giấy	95	Giám đốc Trung tâm không đánh giá, xếp loại đối với GV năm học 2021-2022
22	CG482	Nguyễn Thị Việt Hà	03/03/1974	GDNN-GDTX	Cầu Giấy	100	
23	CG483	Bùi Thị Hồng Vân	11/26/1971	GDNN-GDTX	Cầu Giấy	100	
24	CG484	Vương Thị Ánh	15/03/1975	GDNN-GDTX	Cầu Giấy	100	
25	CG485	Nguyễn Thị Thu Hà	06/01/1969	GDNN-GDTX	Cầu Giấy	100	
26	CG486	Nguyễn Thị Vân	12/17/1969	GDNN-GDTX	Cầu Giấy	100	
27	CM675	Nguyễn Thị Nhung	07/10/1990	GDNN-GDTX	Chương Mỹ	100	
28	ĐP509	Nguyễn Thị Liên	05/11/1976	GDNN-GDTX	Đan Phượng	100	
29	ĐP510	Tạ Kiên Trung	06/01/1982	GDNN-GDTX	Đan Phượng	100	
30	ĐP511	Nguyễn Thị Thanh Thủy	07/05/1986	GDNN-GDTX	Đan Phượng	100	
31	ĐP512	Nguyễn Thị Thuý Hằng	23/06/1989	GDNN-GDTX	Đan Phượng	100	
32	ĐP513	Trần Phương Thuý	06/08/1986	GDNN-GDTX	Đan Phượng	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)
33	ĐP514	Vũ Bích Thủy	25/01/1978	GDNN-GDTX	Đan Phượng	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)
34	ĐP515	Lê Mạnh Đoàn	01/10/1979	GDNN-GDTX	Đan Phượng	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)
35	ĐP516	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	26/07/1978	GDNN-GDTX	Đan Phượng	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)
36	ĐP517	Nguyễn Thị Hải	10/10/1986	GDNN-GDTX	Đan Phượng	100	
37	ĐP518	Đinh Thị Kim Xuân	25/11/1977	GDNN-GDTX	Đan Phượng	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)
38	ĐP519	Trần Thị Xuyên	16/09/1983	GDNN-GDTX	Đan Phượng	100	
39	ĐP520	Bùi Ngọc Xác	04/01/1982	GDNN-GDTX	Đan Phượng	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)
40	ĐĐ739	Dương Thị Thanh Bình	08/12/1977	GDNN-GDTX	Đống Đa	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
41	ĐĐ 740	Đặng Thị Thu	10/6/1987	GDNN-GDTX	Đồng Đa	100	
42	ĐĐ 741	Lê Thu Hằng	10/10/1978	GDNN-GDTX	Đồng Đa	100	
43	ĐĐ 742	Phí Thúy Nga	01/11/1989	GDNN-GDTX	Đồng Đa	100	
44	ĐĐ 743	Nguyễn Thị Liên	20/02/1986	GDNN-GDTX	Đồng Đa	100	
45	ĐĐ 744	Phạm Thị Mai Trang	16/12/1979	GDNN-GDTX	Đồng Đa	100	
46	ĐĐ 745	Trần Trần Trọng	30/3/1979	GDNN-GDTX	Đồng Đa	100	
47	ĐĐ 746	Đỗ Thị Bích Hằng	24/6/1978	GDNN-GDTX	Đồng Đa	100	
48	ĐĐ 747	Nguyễn Thị Thanh Hòa	24/12/1986	GDNN-GDTX	Đồng Đa	100	
49	GL 564	Dương Thị Lộc	27/06/1978	GDNN-GDTX	Gia Lâm	100	
50	GL 565	Nguyễn Thị Huyền	22/08/1977	GDNN-GDTX	Gia Lâm	100	
51	GL 566	Nguyễn Thị Huyền	02/11/1983	GDNN-GDTX	Gia Lâm	100	
52	GL 567	Lê Thị An	22/02/1988	GDNN-GDTX	Gia Lâm	100	
53	GL 568	Vũ Thị Ngọc	24/10/1990	GDNN-GDTX	Gia Lâm	100	
54	HB 529	Nguyễn Thị Tuyết	03/04/1972	GDNN-GDTX	Hai B.Trung	100	
55	HB 530	Đỗ Thị Ngọc Minh	10/10/1983	GDNN-GDTX	Hai B.Trung	100	
56	HB 531	Nguyễn Thị Mỹ Trang	26/01/1986	GDNN-GDTX	Hai B.Trung	100	
57	HB 532	Đỗ Thị Thu Hà	11/04/1987	GDNN-GDTX	Hai B.Trung	100	
58	HC 540	Trần Thị Hải Yến	8/13/1973	GDNN-GDTX	Hoài Đức	100	
59	HC 541	Nguyễn Thị Châm	10/2/1975	GDNN-GDTX	Hoài Đức	100	
60	HC 542	Nguyễn Mạnh Trang	11/25/1982	GDNN-GDTX	Hoài Đức	100	
61	HC 543	Phạm Đình Cường	12/7/1975	GDNN-GDTX	Hoài Đức	100	
62	HC 544	Trịnh Thị Quyên	8/18/1978	GDNN-GDTX	Hoài Đức	100	
63	HC 545	Nguyễn Gia Huy	5/29/1978	GDNN-GDTX	Hoài Đức	100	
64	HC 546	Hồ Thị Lan	6/11/1978	GDNN-GDTX	Hoài Đức	100	
65	HC 547	Thạc Thị Quyên	1/2/1989	GDNN-GDTX	Hoài Đức	100	
66	HC 548	Trương Thị Minh Tân	4/8/1980	GDNN-GDTX	Hoài Đức	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CE 7, 8)
67	HC 549	Nguyễn Thị Vân	10/20/1986	GDNN-GDTX	Hoài Đức	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CE 7, 8)
68	HC 550	Nguyễn Thị Thu	11/1/1985	GDNN-GDTX	Hoài Đức	100	
69	HC 551	Phạm Hương Thu	2/15/1978	GDNN-GDTX	Hoài Đức	100	
70	HK 306	Phạm Đức Nam	20/09/1971	GDNN-GDTX	Hoàn Kiếm	100	
71	HK 307	Trịnh Thị Hồng Hà	19/9/1978	GDNN-GDTX	Hoàn Kiếm	100	
72	HK 308	Nguyễn Bích Ngọc	08/7/1978	GDNN-GDTX	Hoàn Kiếm	100	
73	HK 309	Lưu Thị Kim Anh	03/8/1983	GDNN-GDTX	Hoàn Kiếm	100	
74	HK 310	Nguyễn Thị Thùy Dung	27/6/1986	GDNN-GDTX	Hoàn Kiếm	100	
75	LB 790	Nguyễn Thu Thủy	14/05/1978	GDNN-GDTX	Long Biên	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CE 7, 8)
76	LB 791	Trịnh Thị Chuyên	05/03/1978	GDNN-GDTX	Long Biên	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CE 7, 8)
77	LB 792	Trương Thị Mỹ Hạnh	01/04/1979	GDNN-GDTX	Long Biên	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CE 7, 8)
78	LB 793	Nguyễn Thị Thu Huyền	04/11/1978	GDNN-GDTX	Long Biên	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CE 7, 8)
79	LB 794	Nguyễn Thị Tuyết Nga	10/01/1984	GDNN-GDTX	Long Biên	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CE 7, 8)
80	LB 795	Trần Thị Quỳnh Nga	29/05/1979	GDNN-GDTX	Long Biên	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CE 7, 8)
81	LB 796	Nguyễn Thị Ngân	18/04/1987	GDNN-GDTX	Long Biên	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CE 7, 8)
82	LB 797	Chữ Văn Quyền	14/10/1985	GDNN-GDTX	Long Biên	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CE 7, 8)
83	ML 857	Nguyễn Thị Công Thức	10/8/1978	GDNN-GDTX	Mê Linh	100	
84	ML 858	Nguyễn Thị Thảo	17/02/1981	GDNN-GDTX	Mê Linh	100	
85	ML 859	Nguyễn Thị Thùy	11/05/1981	GDNN-GDTX	Mê Linh	100	
86	ML 860	Đinh Thị Thiết	10/11/1988	GDNN-GDTX	Mê Linh	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
87	ML861	Lê Thị Tố	08/02/1984	GDNN-GDTX	Mê Linh	100	
88	ML862	Trần Thị Bích Phượng	12/20/1980	GDNN-GDTX	Mê Linh	100	
89	ML863	Trương Thị Thơm	20/12/1976	GDNN-GDTX	Mê Linh	100	
90	ML864	Nguyễn Thị Liên	11/11/1980	GDNN-GDTX	Mê Linh	100	
91	ML865	Nguyễn Thị Thu Hương	06/10/1983	GDNN-GDTX	Mê Linh	100	
92	ML866	Nguyễn Thị Liên	21/10/1981	GDNN-GDTX	Mê Linh	100	
93	ML867	Nguyễn Thị Ánh Thu	24/05/1979	GDNN-GDTX	Mê Linh	100	
94	ML868	Bùi Thị Hường	04/11/1984	GDNN-GDTX	Mê Linh	100	
95	ML869	Nguyễn Minh Hiền	26/08/1982	GDNN-GDTX	Mê Linh	100	
96	ML870	Hoàng Thị Phương	22/02/1982	GDNN-GDTX	Mê Linh	100	
97	ML871	Phạm Văn Dương	02/11/1983	GDNN-GDTX	Mê Linh	100	
98	MD422	Vương Văn Chính	31/7/1977	GDNN-GDTX	Mỹ Đức	100	
99	MD423	Nguyễn Bình Nam	06/10/1976	GDNN-GDTX	Mỹ Đức	100	
100	MD424	Nguyễn Ngọc Khương	05/11/1975	GDNN-GDTX	Mỹ Đức	100	
101	MD425	Đỗ Văn Bình	12/10/1977	GDNN-GDTX	Mỹ Đức	100	
102	MD426	Nguyễn Thị Hồng Trang	20/8/1981	GDNN-GDTX	Mỹ Đức	100	
103	MD427	Vũ Thị Thu Hoài	06/9/1985	GDNN-GDTX	Mỹ Đức	100	
104	MD428	Ngô Mạnh Đạt	10/9/1982	GDNN-GDTX	Mỹ Đức	100	
105	MD429	Nguyễn Trung Thành	10/01/1982	GDNN-GDTX	Mỹ Đức	100	
106	MD430	Nguyễn Thị Xuân	26/4/1986	GDNN-GDTX	Mỹ Đức	100	
107	MD431	Hồ Thị Hạnh	19/12/1983	GDNN-GDTX	Mỹ Đức	100	
108	MD432	Nguyễn Thị Sen	20/6/1972	GDNN-GDTX	Mỹ Đức	100	
109	MD433	Đỗ Thị Nhiên	11/10/1987	GDNN-GDTX	Mỹ Đức	100	
110	MD434	Lê Thị Hoàng Thảo	25/12/1985	GDNN-GDTX	Mỹ Đức	100	
111	MD435	Hoàng Văn Nam	25/5/1980	GDNN-GDTX	Mỹ Đức	100	
112	MD436	Lê Trung Hiếu	14/6/1986	GDNN-GDTX	Mỹ Đức	100	
113	MD437	Nguyễn Thị Huệ	18/01/1982	GDNN-GDTX	Mỹ Đức	100	
114	NL452	Nguyễn Thị Thu Hường	12/11/1978	GDNN-GDTX	NamT.Liêm	100	
115	NL453	Nguyễn Thị Thanh Phượng	17/5/1986	GDNN-GDTX	NamT.Liêm	100	
116	PX1076	Đào Thị Thu Hà	03/10/1974	GDNN-GDTX	Phú Xuyên	95	Bản đánh giá, xếp loại viên chức năm học 2021 - 2022 không đúng thẩm quyền
117	PX1077	Lương Ngọc Huy	10/11/1976	GDNN-GDTX	Phú Xuyên	95	Bản đánh giá, xếp loại viên chức năm học 2021 - 2022 không đúng thẩm quyền
118	PX1078	Phùng Thị Tuyết Mai	27/4/1975	GDNN-GDTX	Phú Xuyên	95	Bản đánh giá, xếp loại viên chức năm học 2021 - 2022 không có dấu
119	PX1079	Nguyễn Thị Thanh Loan	21/9/1984	GDNN-GDTX	Phú Xuyên	100	
120	PX1080	Nguyễn Thị Đào	02/2/1982	GDNN-GDTX	Phú Xuyên	100	
121	PX1081	Nguyễn Thị Biên Thùy	25/11/1982	GDNN-GDTX	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua, khen thưởng
122	PT852	Phạm Thị Thu	25/08/1981	GDNN-GDTX	Phúc Thọ	100	
123	PT853	Nguyễn Thị Thơm	14/09/1978	GDNN-GDTX	Phúc Thọ	100	
124	PT854	Nguyễn Quang Vinh	03/09/1978	GDNN-GDTX	Phúc Thọ	100	
125	PT855	Nguyễn Quang Sự	20/03/1979	GDNN-GDTX	Phúc Thọ	100	
126	PT856	Nguyễn Thị Thu Lan	01/11/1977	GDNN-GDTX	Phúc Thọ	100	
127	PT857	Lê Đức Dũng	01/04/1985	GDNN-GDTX	Phúc Thọ	100	
128	PT858	Vũ Thị Phúc Lộc	18/02/1977	GDNN-GDTX	Phúc Thọ	100	
129	PT859	Nguyễn Văn Lưu	25/12/1979	GDNN-GDTX	Phúc Thọ	100	
130	PT860	Khuất Thị Thìn	09/06/1988	GDNN-GDTX	Phúc Thọ	100	
131	PT861	Nguyễn Thanh Nga	20/09/1986	GDNN-GDTX	Phúc Thọ	100	
132	PT862	Nguyễn Thanh Phương	15/01/1990	GDNN-GDTX	Phúc Thọ	100	
133	PT863	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	02/11/1986	GDNN-GDTX	Phúc Thọ	100	
134	PT864	Lê Thị Mai Hường	03/07/1987	GDNN-GDTX	Phúc Thọ	100	
135	QA482	Đỗ Thị Nguyệt	02/10/1975	GDNN-GDTX	Quốc Oai	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
136	QA483	Kiều Thị Xuân	22/4/1982	GDNN-GDTX	Quốc Oai	100	
137	QA484	Nguyễn Thị Hồng	28/7/1978	GDNN-GDTX	Quốc Oai	100	
138	QA485	Kiều Thị Huệ	24/01/1979	GDNN-GDTX	Quốc Oai	100	
139	QA486	Bùi Nguyệt Anh	20/02/1978	GDNN-GDTX	Quốc Oai	100	
140	QA487	Nguyễn Thị Lệ Quyên	14/12/1987	GDNN-GDTX	Quốc Oai	100	
141	QA488	Tạ Đức Lâm	17/9/1985	GDNN-GDTX	Quốc Oai	100	
142	SS948	Vương Thị Thanh Hương	31/8/1972	GDNN-GDTX	Sóc Sơn	100	
143	SS949	Ngô Thị Thanh Hương	04/9/1972	GDNN-GDTX	Sóc Sơn	100	
144	ST352	Nguyễn Văn Toàn	7/4/1979	GDNN-GDTX	TX Sơn Tây	100	
145	ST353	Cao Thị Mỹ Hạnh	18/10/1980	GDNN-GDTX	TX Sơn Tây	100	
146	ST354	Nguyễn Thị Vân Hà	08/04/1984	GDNN-GDTX	TX Sơn Tây	100	
147	ST355	Phan Thị Mai Hương	27/06/1984	GDNN-GDTX	TX Sơn Tây	100	
148	ST356	Trịnh Thị Thu Hường	16/07/1987	GDNN-GDTX	TX Sơn Tây	100	
149	TH238	Vũ Thị Hồng Vân	28/4/1982	GDNN-GDTX	Tây Hồ	100	
150	TH239	Phan Tuấn Anh	21/08/1977	GDNN-GDTX	Tây Hồ	100	
151	TH240	Nguyễn Thị Thanh Huyền	23/11/1977	GDNN-GDTX	Tây Hồ	100	
152	TH241	Đỗ Thị Khánh Huyền	07/02/1979	GDNN-GDTX	Tây Hồ	100	
153	TH242	Phạm Thị Hồng Nhung	21/03/1986	GDNN-GDTX	Tây Hồ	100	
154	TH243	Nguyễn Hồng Thanh	12/07/1979	GDNN-GDTX	Tây Hồ	100	
155	TH244	Nguyễn Thị Toan	02/3/1981	GDNN-GDTX	Tây Hồ	95	Năm 2022 được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ
156	TT996	Cần Xuân Thắng	04/10/1972	GDNN-GDTX	Thạch Thất	100	
157	TT997	Dương Ngọc Kiên	02/11/1963	GDNN-GDTX	Thạch Thất	100	
158	TT998	Nguyễn Thị Nhung	10/9/1978	GDNN-GDTX	Thạch Thất	100	
159	TT999	Khuông Thị Minh Hiền	21/03/1975	GDNN-GDTX	Thạch Thất	100	
160	TT1000	Phạm Thị Minh Thu	30/6/1979	GDNN-GDTX	Thạch Thất	100	
161	TT1001	Nguyễn Thị Hiền	19/9/1973	GDNN-GDTX	Thạch Thất	100	
162	TT1002	Nguyễn Thị Hồng	20/01/1985	GDNN-GDTX	Thạch Thất	100	
163	TT1003	Nguyễn Thị Vũ Oanh	14/01/1979	GDNN-GDTX	Thạch Thất	100	
164	TT1004	Vũ Thị Thanh Vân	01/10/1983	GDNN-GDTX	Thạch Thất	100	
165	TT1005	Đỗ Thị Duyên	20/12/1983	GDNN-GDTX	Thạch Thất	100	
166	TT1006	Nguyễn Thị Thuỳ Dung	06/11/1986	GDNN-GDTX	Thạch Thất	100	
167	TT1007	Nguyễn Thị Thơ	02/12/1987	GDNN-GDTX	Thạch Thất	100	
168	TT1008	Nguyễn Thị Thanh	06/6/1990	GDNN-GDTX	Thạch Thất	100	
169	TT1009	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	26/3/1991	GDNN-GDTX	Thạch Thất	100	
170	TT1010	Vũ Hữu Đạt	23/12/1980	GDNN-GDTX	Thạch Thất	100	
171	TT1011	Nguyễn Thị Xuân	16/01/1985	GDNN-GDTX	Thạch Thất	100	
172	TA563	Hà Thuý Nga	02/09/1973	GDNN-GDTX	Thanh Oai	100	
173	TA564	Lê Văn Định	03/05/1987	GDNN-GDTX	Thanh Oai	100	
174	TA565	Đỗ Thị Kiều	22/02/1982	GDNN-GDTX	Thanh Oai	100	
175	TR519	Tạ Thị Vân Anh	17/10/1976	GDNN-GDTX	Thanh Trì	100	
176	TR520	Nguyễn Văn Khánh	02/11/1966	GDNN-GDTX	Thanh Trì	100	
177	TR521	Trần Thị Giang	16/10/1985	GDNN-GDTX	Thanh Trì	100	
178	TR522	Phạm Thị Tô Uyên	09/04/1983	GDNN-GDTX	Thanh Trì	100	
179	TR523	Thái Thị Thu Hạnh	27/07/1984	GDNN-GDTX	Thanh Trì	100	
180	TR524	Nguyễn Thị Lý	04/12/1977	GDNN-GDTX	Thanh Trì	100	
181	TX547	Tô Thị Trà Ly	02/09/1973	GDNN-GDTX	Thanh Xuân	100	
182	TX548	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh	19/09/1980	GDNN-GDTX	Thanh Xuân	100	
183	TX549	Lê Thị Thu Hiền	27/11/1974	GDNN-GDTX	Thanh Xuân	100	
184	TX550	Nguyễn Huyền Trang	05/09/1983	GDNN-GDTX	Thanh Xuân	100	
185	TX551	Nguyễn Thanh Tâm	28/06/1972	GDNN-GDTX	Thanh Xuân	100	
186	TX552	Trần Thị Thanh Hương	10/01/1987	GDNN-GDTX	Thanh Xuân	100	
187	TN1263	Mai Thanh Huệ	22/12/1983	GDNN-GDTX	Thường Tín	100	
188	TN1264	Trần Thị Mai	3/7/1979	GDNN-GDTX	Thường Tín	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
189	TN1265	Đào Thu Huyền	25/01/1988	GDNN-GDTX	Thường Tín	100	
190	TN1266	Tạ Thị Thu Hường	22/11/1979	GDNN-GDTX	Thường Tín	100	
191	TN1267	Nguyễn Thu Hiền	25/06/1986	GDNN-GDTX	Thường Tín	100	
192	TN1268	Nguyễn Thị Thủy Bình	29/07/1977	GDNN-GDTX	Thường Tín	100	
193	UH1021	Nguyễn Thị Kim Liên	07/03/1975	GDNN-GDTX	Ứng Hòa	100	
194	UH1022	Lê Thị Bạch Tuyền	23/08/1984	GDNN-GDTX	Ứng Hòa	100	
195	UH1023	Đỗ Thị Lương	10/6/1982	GDNN-GDTX	Ứng Hòa	100	
196	UH1024	Đỗ Thị Thu Huyền	09/01/1978	GDNN-GDTX	Ứng Hòa	100	
197	UH1025	Nguyễn Thị Thanh Nga	30/01/1989	GDNN-GDTX	Ứng Hòa	100	
198	UH1026	Lê Tiến Lập	26/09/1974	GDNN-GDTX	Ứng Hòa	100	
199	UH1027	Nguyễn Văn Ba	06/05/1985	GDNN-GDTX	Ứng Hòa	100	
200	UH1028	Nguyễn Viết Tiến	30/09/1987	GDNN-GDTX	Ứng Hòa	100	
201	UH1029	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	10/03/1988	GDNN-GDTX	Ứng Hòa	100	
202	GD063	Trần Thị Mai	13/10/1972	BDCBGDHN	Sở GD&ĐT	100	
203	GD064	Nguyễn Thu Phương	02/05/1990	BDCBGDHN	Sở GD&ĐT	100	
204	GD065	Lê Thanh Hiền	26/12/1990	BDCBGDHN	Sở GD&ĐT	100	
205	GD066	Hoàng Thị Hoài Linh	26/3/1986	BDCBGDHN	Sở GD&ĐT	100	
206	GD067	Mai Thu Thuý	17/8/1977	BDCBGDHN	Sở GD&ĐT	100	
207	GD068	Đỗ Ngọc Quỳnh	15/3/1985	BDCBGDHN	Sở GD&ĐT	100	
208	GD069	Nguyễn Quốc Cường	03/02/1980	BDCBGDHN	Sở GD&ĐT	100	
209	GD070	Nguyễn Văn Quế	9/28/1971	PTDT Ntru	Sở GD&ĐT	90	Thiếu chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm (có bằng cử nhân ngoại ngữ)
210	GD071	Đào Minh Nguyệt	5/19/1979	PTDT Ntru	Sở GD&ĐT	100	
211	GD072	Đinh Đức Thuận	11/20/1978	PTDT Ntru	Sở GD&ĐT	100	
212	GD073	Nguyễn Thị Hồng	8/10/1975	PTDT Ntru	Sở GD&ĐT	90	Thiếu chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm (có bằng cử nhân ngoại ngữ)
213	GD074	Hà Văn Thìn	6/2/1976	PTDT Ntru	Sở GD&ĐT	100	
214	GD075	Trần Văn Nghiên	10/18/1984	PTDT Ntru	Sở GD&ĐT	100	
215	GD076	Đinh Đức Thịnh	4/22/1978	PTDT Ntru	Sở GD&ĐT	100	
216	GD077	Đinh Thị Hân	5/4/1977	PTDT Ntru	Sở GD&ĐT	100	
217	GD078	Tạ Thị Mai Trang	6/24/1986	PTDT Ntru	Sở GD&ĐT	100	
218	GD079	Lã Văn Hạnh	7/28/1975	PTDT Ntru	Sở GD&ĐT	100	
219	GD080	Khà Thị Lan	12/27/1981	PTDT Ntru	Sở GD&ĐT	100	
220	GD081	Nguyễn Thị Hoa Chi	7/15/1975	LC Khương Hạ	Sở GD&ĐT	100	
221	GD082	Đỗ Hoài Phương	3/14/1982	LC Khương Hạ	Sở GD&ĐT	85	Thiếu QĐ bổ nhiệm CDNN V.07.05.15
222	GD083	Hoàng Thị Hà	7/26/1970	LC Khương Hạ	Sở GD&ĐT	100	
223	GD084	Nguyễn Thị Minh Thư	11/15/1988	LC Khương Hạ	Sở GD&ĐT	100	
224	GD085	Nguyễn Thị Liên	03/12/1974	THPT Ba Vì	Sở GD&ĐT	100	
225	GD086	Phùng Thị Thanh Huệ	08/12/1974	THPT Ba Vì	Sở GD&ĐT	100	
226	GD087	Đinh Văn Toàn	13/01/1975	THPT Ba Vì	Sở GD&ĐT	100	
227	GD088	Bùi Thị Đỗ Thùy	29/06/1978	THPT Ba Vì	Sở GD&ĐT	100	
228	GD089	Lê Trung Dũng	22/11/1980	THPT Ba Vì	Sở GD&ĐT	100	
229	GD090	Đỗ Thị Hải Vân	09/04/1979	THPT Ba Vì	Sở GD&ĐT	100	
230	GD091	Nguyễn Thị Sinh	04/06/1979	THPT Ba Vì	Sở GD&ĐT	100	
231	GD092	Phùng Anh Dũng	18/11/1977	THPT Ba Vì	Sở GD&ĐT	100	
232	GD093	Lê Thị Thu Hằng	30/08/1975	THPT Ba Vì	Sở GD&ĐT	100	
233	GD094	Vũ Thị Thu Hà	29/10/1978	THPT Ba Vì	Sở GD&ĐT	100	
234	GD095	Nguyễn Thị Nguyên	01/10/1987	THPT Ba Vì	Sở GD&ĐT	100	
235	GD096	Trần Thị Sen	27/01/1982	THPT Ba Vì	Sở GD&ĐT	100	
236	GD097	Đinh Thị Lương	10/03/1978	THPT Ba Vì	Sở GD&ĐT	100	
237	GD098	Nguyễn Thị Như Quỳnh	19/06/1985	THPT Ba Vì	Sở GD&ĐT	100	
238	GD099	Tạ Quang Dương	21/03/1980	THPT Ba Vì	Sở GD&ĐT	100	
239	GD100	Phương Thị Đào	27/08/1978	THPT Ba Vì	Sở GD&ĐT	100	
240	GD101	Nguyễn Thị Huyền	28/11/1982	THPT Ba Vì	Sở GD&ĐT	100	
241	GD102	Khuất Thị Hồng	08/04/1981	THPT Ba Vì	Sở GD&ĐT	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
242	GD103	Đào Thị Bích Duyên	15/10/1981	THPT Ba Vì	Sở GD&ĐT	100	
243	GD104	Nguyễn Văn Dũng	25/9/1969	Bắc Lương Sơn	Sở GD&ĐT	100	
244	GD105	Phạm Duy Hồng Thắng	12/7/1975	Bắc Lương Sơn	Sở GD&ĐT	100	
245	GD106	Hoàng Thị Sáu	10/07/1985	Bắc Lương Sơn	Sở GD&ĐT	100	
246	GD107	Nguyễn Thị Ngọc Tú	30/9/1979	Bắc Lương Sơn	Sở GD&ĐT	100	
247	GD108	Kiều Thị Hải Yến	19/12/1985	Bắc Lương Sơn	Sở GD&ĐT	100	
248	GD109	Bùi Thị Hoa	04/8/1979	Bắc Lương Sơn	Sở GD&ĐT	100	
249	GD110	Hà Thị Hoài	5/18/1983	Bắc Lương Sơn	Sở GD&ĐT	100	
250	GD111	Bùi Đào Hồng Nghĩa	17/10/1982	Bắc Lương Sơn	Sở GD&ĐT	100	
251	GD112	Hà Lâm Phương	8/23/1977	Bắc Thăng Long	Sở GD&ĐT	100	
252	GD113	Lê Thị Sửu	9/27/1975	Bắc Thăng Long	Sở GD&ĐT	100	
253	GD114	Nguyễn Thị Thuý Hằng	10/24/1986	Bắc Thăng Long	Sở GD&ĐT	100	
254	GD115	Nguyễn Trọng Hiệp	9/2/1982	Bắc Thăng Long	Sở GD&ĐT	100	
255	GD116	Nguyễn Thị Hoà	1/20/1986	Bắc Thăng Long	Sở GD&ĐT	100	
256	GD117	Nguyễn Thành Chung	8/20/1983	Bắc Thăng Long	Sở GD&ĐT	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)
257	GD118	Đàm Duy Thoan	2/28/1984	Bắc Thăng Long	Sở GD&ĐT	100	
258	GD119	Trịnh Đức Thắng	4/18/1984	Bắc Thăng Long	Sở GD&ĐT	100	
259	GD120	Nguyễn Văn Tiến	12/8/1987	Bắc Thăng Long	Sở GD&ĐT	100	
260	GD121	Nguyễn Hải Dương	8/15/1983	Bắc Thăng Long	Sở GD&ĐT	100	
261	GD122	Trừ Thị Lan	3/12/1980	Bắc Thăng Long	Sở GD&ĐT	100	
262	GD123	Vương Thu Hằng	5/23/1978	Bắc Thăng Long	Sở GD&ĐT	100	
263	GD124	Đặng Thị Hằng	9/9/1985	Bắc Thăng Long	Sở GD&ĐT	100	
264	GD125	Nguyễn Ngọc Tiến	6/28/1974	Bắc Thăng Long	Sở GD&ĐT	80	Không có CC bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm; Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)
265	GD126	Nguyễn Thị Kim Len	3/26/1976	Bắc Thăng Long	Sở GD&ĐT	100	
266	GD127	Đỗ Thị Hồng Dung	12/29/1984	Bắc Thăng Long	Sở GD&ĐT	100	
267	GD128	Nguyễn Thị Lương	2/13/1972	Bắc Thăng Long	Sở GD&ĐT	100	
268	GD129	Lê Ngọc Minh	10/16/1982	Bất Bạt	Sở GD&ĐT	100	
269	GD130	Lê Kim Dung	1/14/1979	Bất Bạt	Sở GD&ĐT	100	
270	GD131	Nguyễn Vũ Hồng Hạnh	12/18/1978	Bất Bạt	Sở GD&ĐT	100	
271	GD132	Nguyễn Thị Thuý Dung	6/15/1984	Bất Bạt	Sở GD&ĐT	100	
272	GD133	Phùng Công Anh	9/29/1972	Bất Bạt	Sở GD&ĐT	100	
273	GD134	Tăng Thị Hà	10/10/1986	Bất Bạt	Sở GD&ĐT	100	
274	GD135	Hoàng Tuấn Anh	10/12/1981	Bất Bạt	Sở GD&ĐT	100	
275	GD136	Lương Đình Tấn	11/16/1986	Bất Bạt	Sở GD&ĐT	100	
276	GD137	Trần Thị Diệp Anh	8/15/1977	CaoBáQuát-GL	Sở GD&ĐT	100	
277	GD138	Mai Thị Phương Chung	11/15/1984	CaoBáQuát-GL	Sở GD&ĐT	100	
278	GD139	Lê Đức Dương	12/28/1976	CaoBáQuát-GL	Sở GD&ĐT	100	
279	GD140	Bùi Văn Đăng	3/8/1975	CaoBáQuát-GL	Sở GD&ĐT	100	
280	GD141	Lê Thị Hồng Diệp	2/10/1979	CaoBáQuát-GL	Sở GD&ĐT	100	
281	GD142	Đỗ Thị Giang	6/25/1976	CaoBáQuát-GL	Sở GD&ĐT	100	
282	GD143	Vũ Thị Thanh Hải	1/12/1978	CaoBáQuát-GL	Sở GD&ĐT	100	
283	GD144	Đỗ Thị Bích Hạnh	5/4/1976	CaoBáQuát-GL	Sở GD&ĐT	100	
284	GD145	Lê Thị Thu Hằng	12/27/1990	CaoBáQuát-GL	Sở GD&ĐT	100	
285	GD146	Bùi Thị Hiền	12/5/1977	CaoBáQuát-GL	Sở GD&ĐT	100	
286	GD147	Nguyễn Đăng Hùng	19/3/1982	CaoBáQuát-GL	Sở GD&ĐT	100	
287	GD148	Đào Thị Hương	8/3/1979	CaoBáQuát-GL	Sở GD&ĐT	100	
288	GD149	Đặng Thị Huyền	7/16/1981	CaoBáQuát-GL	Sở GD&ĐT	100	
289	GD150	Ngo Thị Thu Huyền	2/1/1984	CaoBáQuát-GL	Sở GD&ĐT	100	
290	GD151	Trần Thị Thu Huyền	26/10/1982	CaoBáQuát-GL	Sở GD&ĐT	100	
291	GD152	Dương Thị Bích Hường	12/8/1979	CaoBáQuát-GL	Sở GD&ĐT	80	Thiếu minh chứng về thi đua, khen thưởng
292	GD153	Nguyễn Viết Khá	21/12/1976	CaoBáQuát-GL	Sở GD&ĐT	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
293	GD154	Nguyễn Bích Khải	9/5/1977	CaoBáQuát-GL	Sở GD&ĐT	100	
294	GD155	Đỗ Thị Ngọc Lan	12/7/1981	CaoBáQuát-GL	Sở GD&ĐT	100	
295	GD156	Nguyễn Thị Thùy Linh	1/19/1983	CaoBáQuát-GL	Sở GD&ĐT	100	
296	GD157	Phạm Thị Tổ Loan	1/23/1977	CaoBáQuát-GL	Sở GD&ĐT	100	
297	GD158	Hoàng Thị Lưu Luyện	8/23/1979	CaoBáQuát-GL	Sở GD&ĐT	100	
298	GD159	Lê Thị Thu Mai	20/12/1980	CaoBáQuát-GL	Sở GD&ĐT	100	
299	GD160	Nguyễn Thị Tuyết Minh	8/29/1977	CaoBáQuát-GL	Sở GD&ĐT	100	
300	GD161	Phí Thị Nho	27/7/1980	CaoBáQuát-GL	Sở GD&ĐT	100	
301	GD162	Hoàng Thị Nhung	2/9/1976	CaoBáQuát-GL	Sở GD&ĐT	80	Thiếu minh chứng về thi đua, khen thưởng
302	GD163	Trương Thị Minh Nguyệt	1/30/1979	CaoBáQuát-GL	Sở GD&ĐT	100	
303	GD164	Bùi Thị Hồng Sâm	4/26/1977	CaoBáQuát-GL	Sở GD&ĐT	100	
304	GD165	Nguyễn Thị Minh Tâm	1/23/1979	CaoBáQuát-GL	Sở GD&ĐT	100	
305	GD166	Nguyễn Thị Thắm	24/12/1988	CaoBáQuát-GL	Sở GD&ĐT	100	
306	GD167	Tạ Thị Thảo	2/16/1988	CaoBáQuát-GL	Sở GD&ĐT	100	
307	GD168	Nguyễn Thị Thủy	2/19/1977	CaoBáQuát-GL	Sở GD&ĐT	100	
308	GD169	Vũ Văn Tình	5/29/1968	CaoBáQuát-GL	Sở GD&ĐT	100	
309	GD170	Nguyễn Thị Thu Trang	10/20/1986	CaoBáQuát-GL	Sở GD&ĐT	100	
310	GD171	Nguyễn Thị Hải Vân	7/11/1972	CaoBáQuát-GL	Sở GD&ĐT	100	
311	GD172	Nguyễn Thị Huệ	13/9/1976	CaoBáQuát-Q.Oai	Sở GD&ĐT	100	
312	GD173	Tổng Thị Hà	08/02/1977	CaoBáQuát-Q.Oai	Sở GD&ĐT	100	
313	GD174	Nguyễn Quang Ngọc	28/02/1985	CaoBáQuát-Q.Oai	Sở GD&ĐT	100	
314	GD175	Từ Trung	14/02/1968	CaoBáQuát-Q.Oai	Sở GD&ĐT	100	
315	GD176	Nguyễn Đăng Thuyết	22/11/2983	CaoBáQuát-Q.Oai	Sở GD&ĐT	100	
316	GD177	Nguyễn Thị Kim Oanh	14/6/1973	CaoBáQuát-Q.Oai	Sở GD&ĐT	100	
317	GD178	Nguyễn Thị Nghiêm	28/11/1971	CaoBáQuát-Q.Oai	Sở GD&ĐT	100	
318	GD179	Nguyễn Huy Hiếu	28/02/1979	CaoBáQuát-Q.Oai	Sở GD&ĐT	100	
319	GD180	Nguyễn Thị Thanh	28/02/1983	CaoBáQuát-Q.Oai	Sở GD&ĐT	100	
320	GD181	Phạm Thị Thùy Linh	28/3/1987	CaoBáQuát-Q.Oai	Sở GD&ĐT	100	
321	GD182	Ngô Thị Nhàn	15/4/1979	CaoBáQuát-Q.Oai	Sở GD&ĐT	100	
322	GD183	Phùng Văn Minh	04/5/1987	CaoBáQuát-Q.Oai	Sở GD&ĐT	100	
323	GD184	Nguyễn Đình Hữu	14/12/1978	CaoBáQuát-Q.Oai	Sở GD&ĐT	100	
324	GD185	Đỗ Kế Thành	26/6/1977	CaoBáQuát-Q.Oai	Sở GD&ĐT	100	
325	GD186	Nguyễn Thị Ánh	23/4/1985	CaoBáQuát-Q.Oai	Sở GD&ĐT	100	
326	GD187	Nguyễn Thị Hoa	13/11/1986	CaoBáQuát-Q.Oai	Sở GD&ĐT	100	
327	GD188	Vương Thị Yến	10/3/1984	CaoBáQuát-Q.Oai	Sở GD&ĐT	100	
328	GD189	Nguyễn Trọng Nhiên	20/3/1976	CaoBáQuát-Q.Oai	Sở GD&ĐT	100	
329	GD190	Nguyễn Thị Thanh Tâm	02/02/1988	CaoBáQuát-Q.Oai	Sở GD&ĐT	100	
330	GD191	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	04/10/1990	CaoBáQuát-Q.Oai	Sở GD&ĐT	100	
331	GD192	Nguyễn Thị Diệp	09/10/1988	CaoBáQuát-Q.Oai	Sở GD&ĐT	100	
332	GD193	Lê Thị Hương	02/12/1978	CaoBáQuát-Q.Oai	Sở GD&ĐT	100	
333	GD194	Mai Thị Ánh Vân	29/7/1975	CaoBáQuát-Q.Oai	Sở GD&ĐT	100	
334	GD195	Nguyễn Bích Hạnh	28/11/1981	Cầu Giấy	Sở GD&ĐT	100	
335	GD196	Nguyễn Huy Diệm	1/4/1969	Cầu Giấy	Sở GD&ĐT	100	
336	GD197	Nguyễn Thị Lan	16/10/1978	Cầu Giấy	Sở GD&ĐT	100	
337	GD198	Trịnh Thị Thu	12/5/1980	Cầu Giấy	Sở GD&ĐT	100	
338	GD199	Lê Thị Hằng	7/12/1981	Cầu Giấy	Sở GD&ĐT	100	
339	GD200	Nguyễn Thị Bình	14/12/1975	Cầu Giấy	Sở GD&ĐT	100	
340	GD201	Nguyễn Thị Thu Hương	4/11/1978	Cầu Giấy	Sở GD&ĐT	100	
341	GD202	Trần Thị Hà Anh	7/22/1987	Cầu Giấy	Sở GD&ĐT	100	
342	GD203	Phạm Khánh Hưng	4/1/1976	Cầu Giấy	Sở GD&ĐT	100	
343	GD204	Lê Đại Hải	17/04/1973	Chu Văn An	Sở GD&ĐT	100	
344	GD205	Bùi Thị Quỳnh Anh	24/11/1972	Chu Văn An	Sở GD&ĐT	100	
345	GD206	Nguyễn Kim Cương	03/10/1983	Chu Văn An	Sở GD&ĐT	100	
346	GD207	Đỗ Thị Thu Hương	03/11/1975	Chu Văn An	Sở GD&ĐT	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
347	GD208	Hoàng Thị Lan Hương	29/02/1976	Chu Văn An	Sở GD&ĐT	100	
348	GD209	Nguyễn Thị Vân Khánh	21/07/1979	Chu Văn An	Sở GD&ĐT	100	
349	GD210	Trương Văn Bình	23/03/1989	Chu Văn An	Sở GD&ĐT	100	
350	GD211	Phùng Thị Hiền Lương	21/11/1987	Chu Văn An	Sở GD&ĐT	100	
351	GD212	Nguyễn Thị Giang	25/10/1986	Chu Văn An	Sở GD&ĐT	100	
352	GD213	Trần Thị Yên	20/01/1980	Chu Văn An	Sở GD&ĐT	100	
353	GD214	Nguyễn Bảo Trâm	11/12/1991	Chu Văn An	Sở GD&ĐT	100	
354	GD215	Đinh Thị Giá	10/06/1970	Chu Văn An	Sở GD&ĐT	100	
355	GD216	Phạm Tuất Đạt	24/02/1982	Chu Văn An	Sở GD&ĐT	100	
356	GD217	Trần Thị Mai	08/09/1989	Chu Văn An	Sở GD&ĐT	100	
357	GD218	Lê Thị Hợp	02/11/1971	Chu Văn An	Sở GD&ĐT	100	
358	GD219	Phan Thị Phương Khánh	06/05/1974	Chu Văn An	Sở GD&ĐT	100	
359	GD220	Nguyễn Thị Thanh Thuỷ	28/06/1980	Chu Văn An	Sở GD&ĐT	100	
360	GD221	Đỗ Thị Ngọc Mai	21/09/1989	Chu Văn An	Sở GD&ĐT	100	
361	GD222	Lê Thị Mai Hương	21/03/1973	Chu Văn An	Sở GD&ĐT	100	
362	GD223	Phan Huy Minh	27/02/1977	Chu Văn An	Sở GD&ĐT	100	
363	GD224	Võ Thị Hải Lý	21/12/1970	Chu Văn An	Sở GD&ĐT	100	
364	GD225	Nguyễn Thị Liên	15/08/1987	Chu Văn An	Sở GD&ĐT	100	
365	GD226	Nguyễn Bá Tuấn	03/11/1986	Chu Văn An	Sở GD&ĐT	85	Không có CC bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm
366	GD227	Trần Thị Phương	22/11/1989	Chu Văn An	Sở GD&ĐT	100	
367	GD228	Nguyễn Huy Châu	18/09/1985	Chúc Động	Sở GD&ĐT	90	Chưa đủ thời gian giữ CDNN hạng III
368	GD229	Vương Tất Châu	07/02/1971	Chúc Động	Sở GD&ĐT	100	
369	GD230	Nguyễn Văn Chiến	09/04/1972	Chúc Động	Sở GD&ĐT	100	
370	GD231	Lê Đình Khá	13/08/1975	Chúc Động	Sở GD&ĐT	100	
371	GD232	Đỗ Bình Thanh	09/05/1979	Chúc Động	Sở GD&ĐT	100	
372	GD233	Trịnh Thị Thu Hà	02/02/1986	Chúc Động	Sở GD&ĐT	100	
373	GD234	Nguyễn Trọng Dũng	17/05/1977	Chúc Động	Sở GD&ĐT	100	
374	GD235	Đào Thị Lan	05/12/1985	Chúc Động	Sở GD&ĐT	100	
375	GD236	Quách Phương Nga	04/11/1978	Chúc Động	Sở GD&ĐT	100	
376	GD237	Trịnh Thị Nga	20/04/1981	Chúc Động	Sở GD&ĐT	100	
377	GD238	Đặng Thị Phương	02/12/1984	Chúc Động	Sở GD&ĐT	100	
378	GD239	Nguyễn Thị Hồng Vân	13/02/1977	Chúc Động	Sở GD&ĐT	100	
379	GD240	Đỗ Công Bình	06/04/1980	Chúc Động	Sở GD&ĐT	100	
380	GD241	Nguyễn Thị Mai Hoa	29/10/1981	Chúc Động	Sở GD&ĐT	100	
381	GD242	Lê Mạnh Hùng	24/03/1982	Chúc Động	Sở GD&ĐT	100	
382	GD243	Nguyễn Thị Lịch	28/08/1983	Chúc Động	Sở GD&ĐT	100	
383	GD244	Trần Thị Ngoi	30/06/1982	Chúc Động	Sở GD&ĐT	90	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN cấp sau ngày 31/8/2023
384	GD245	Đặng Thị Phương	17/08/1978	Chúc Động	Sở GD&ĐT	100	
385	GD246	Nguyễn Thị Bích Phượng	04/01/1982	Chúc Động	Sở GD&ĐT	100	
386	GD247	Đỗ Minh Thắm	26/06/1977	Chúc Động	Sở GD&ĐT	90	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN cấp sau ngày 31/8/2023
387	GD248	Vũ Thị Tuyền	08/02/1982	Chúc Động	Sở GD&ĐT	100	
388	GD249	Tô Trung Kiên	1/16/1974	Chương Mỹ A	Sở GD&ĐT	100	
389	GD250	Nguyễn Anh Đức	26/11/1975	Chương Mỹ A	Sở GD&ĐT	100	
390	GD251	Đào Huy Quyển	0108/1983	Chương Mỹ A	Sở GD&ĐT	100	
391	GD252	Đào Văn Nam	07/07/1982	Chương Mỹ A	Sở GD&ĐT	100	
392	GD253	Lê Thị Thu	18/01/1979	Chương Mỹ A	Sở GD&ĐT	100	
393	GD254	Trương Thị Hồng Hà	01/09/1977	Chương Mỹ A	Sở GD&ĐT	100	
394	GD255	Nguyễn Thị Hương	08/04/1980	Chương Mỹ A	Sở GD&ĐT	100	
395	GD256	Đỗ Công Lạng	06/07/1977	Chương Mỹ A	Sở GD&ĐT	100	
396	GD257	Phạm Thị Tuyết Thu	04/10/1975	Chương Mỹ A	Sở GD&ĐT	100	
397	GD258	Hoàng Văn Nguyên	22/11/1983	Chương Mỹ A	Sở GD&ĐT	100	
398	GD259	Bùi Thị Tính	18/04/1979	Chương Mỹ A	Sở GD&ĐT	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
399	GD260	Nguyễn Thị Thanh Lan	31/07/1985	Chương Mỹ A	Sở GD&ĐT	100	
400	GD261	Nguyễn Thị Nga	26/06/1984	Chương Mỹ A	Sở GD&ĐT	100	
401	GD262	Trần Văn Long	25/02/1970	Chương Mỹ A	Sở GD&ĐT	100	
402	GD263	Huỳnh Thanh Minh	25/10/1977	Chương Mỹ A	Sở GD&ĐT	100	
403	GD264	Nguyễn Thị Thắm	10/01/1986	Chương Mỹ A	Sở GD&ĐT	100	
404	GD265	Trịnh Viết Lượng	10/30/1976	Chương Mỹ B	Sở GD&ĐT	100	
405	GD266	Nguyễn Tiến Dục	12/12/1975	Chương Mỹ B	Sở GD&ĐT	100	
406	GD267	Bùi Văn Minh	3/13/1974	Chương Mỹ B	Sở GD&ĐT	100	
407	GD268	Đỗ Lan Khánh	4/16/1979	Chương Mỹ B	Sở GD&ĐT	100	
408	GD269	Nguyễn Xuân Vinh	12/25/1984	Chương Mỹ B	Sở GD&ĐT	100	
409	GD270	Tạ Minh Hiền	12/7/1979	Chương Mỹ B	Sở GD&ĐT	100	
410	GD271	Lê Ngọc Soạn	10/8/1989	Chương Mỹ B	Sở GD&ĐT	100	
411	GD272	Nguyễn Thị Thủy	8/29/1977	Chương Mỹ B	Sở GD&ĐT	100	
412	GD273	Trịnh Thị Nhung	9/23/1983	Chương Mỹ B	Sở GD&ĐT	100	
413	GD274	Hoàng Thanh Thủy	9/5/1981	Chương Mỹ B	Sở GD&ĐT	100	
414	GD275	Nguyễn Minh Huyền	4/25/1987	Chương Mỹ B	Sở GD&ĐT	100	
415	GD276	Trần Bích Hồng	10/1/1988	Chương Mỹ B	Sở GD&ĐT	100	
416	GD277	Vương Thị Hải Hậu	5/25/1979	Chương Mỹ B	Sở GD&ĐT	100	
417	GD278	Nguyễn Thị Thắm	9/8/1986	Chương Mỹ B	Sở GD&ĐT	100	
418	GD279	Vũ Thị Quý	7/18/1982	Chương Mỹ B	Sở GD&ĐT	100	
419	GD280	Đỗ Thị Ngọc	2/20/1979	Chương Mỹ B	Sở GD&ĐT	100	
420	GD281	Trịnh Thị Tính	1/8/1989	Chương Mỹ B	Sở GD&ĐT	100	
421	GD282	Bùi Thị Thu Dung	9/16/1986	Chương Mỹ B	Sở GD&ĐT	100	
422	GD283	Quách Thu Hường	4/7/1980	Chương Mỹ B	Sở GD&ĐT	100	
423	GD284	Lê Thị Huệ	10/21/1987	Chương Mỹ B	Sở GD&ĐT	100	
424	GD285	Nguyễn Thị Ngọc Chi	6/23/1985	Chương Mỹ B	Sở GD&ĐT	100	
425	GD286	Lê Xuân Toàn	6/28/1981	Chương Mỹ B	Sở GD&ĐT	100	
426	GD287	Nguyễn Thị Minh Thu	7/13/1988	Chương Mỹ B	Sở GD&ĐT	100	
427	GD288	Khuất Duy Dũng	8/23/1979	Hà Nội - Ams	Sở GD&ĐT	90	Không có CC bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm
428	GD289	Bùi Ánh Dương	11/13/1987	Hà Nội - Ams	Sở GD&ĐT	90	Không có CC bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm
429	GD290	Mai Thị Tình	10/23/1978	Hà Nội - Ams	Sở GD&ĐT	100	
430	GD291	Bùi Thanh Hương	9/13/1985	Hà Nội - Ams	Sở GD&ĐT	100	
431	GD292	Nguyễn Văn Bắc	1/1/1984	Hà Nội - Ams	Sở GD&ĐT	100	
432	GD293	Nghiêm Thị Hồng Hạnh	11/16/1985	Hà Nội - Ams	Sở GD&ĐT	100	
433	GD294	Trần Mạnh Hùng	9/2/1976	Hà Nội - Ams	Sở GD&ĐT	100	
434	GD295	Lê Thị Thanh Huyền	8/21/1985	Hà Nội - Ams	Sở GD&ĐT	100	
435	GD296	Phạm Ngọc Hùng	9/10/1977	Hà Nội - Ams	Sở GD&ĐT	100	
436	GD297	Lê Mạnh Cường	12/30/1981	Hà Nội - Ams	Sở GD&ĐT	100	
437	GD298	Đỗ Hồng Vân	3/9/1975	Hà Nội - Ams	Sở GD&ĐT	90	Không có CC bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm
438	GD299	Nguyễn Thị Phương Trà	9/1/1977	Hà Nội - Ams	Sở GD&ĐT	100	
439	GD300	Nguyễn Thị Việt	6/18/1977	Hà Nội - Ams	Sở GD&ĐT	100	
440	GD301	Vũ Thị Kiều Anh	7/2/1976	Hà Nội - Ams	Sở GD&ĐT	100	
441	GD302	Bùi Thị Thu Hà	12/21/1989	Hà Nội - Ams	Sở GD&ĐT	100	
442	GD303	Nguyễn Thị Quyên	8/10/1977	Hà Nội - Ams	Sở GD&ĐT	100	
443	GD304	Nguyễn Thị Thu Hà	9/15/1987	Hà Nội - Ams	Sở GD&ĐT	95	Chỉ có phiếu tự đánh giá xếp loại viên chức học kỳ 1 năm học 2021-2022; không có nhận xét của Hiệu trưởng Bản đánh giá, xếp loại viên chức năm học 2021 - 2022 không có
444	GD305	Tạ Quỳnh Trang	2/6/1985	Hà Nội - Ams	Sở GD&ĐT	100	
445	GD306	Nguyễn Văn Mạnh	2/24/1986	Hà Nội - Ams	Sở GD&ĐT	100	
446	GD307	Cao Thị Vân Oanh	3/28/1980	Hà Nội - Ams	Sở GD&ĐT	100	
447	GD308	Vũ Tuấn Anh	9/20/1979	Hà Nội - Ams	Sở GD&ĐT	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
448	GD309	Nguyễn Thị Thu Ngân	1/16/1980	Hà Nội - Ams	Sở GD&ĐT	100	
449	GD310	Lê Khả Chiến	6/10/1976	Hà Nội - Ams	Sở GD&ĐT	100	
450	GD311	Nguyễn Thị Thùy Trang	7/10/1979	Ch Nguyễn Huệ	Sở GD&ĐT	100	
451	GD312	Doãn Thị Đông	3/10/1975	Ch Nguyễn Huệ	Sở GD&ĐT	100	
452	GD313	Nghiêm Thị Thanh Huyền	11/9/1978	Ch Nguyễn Huệ	Sở GD&ĐT	100	
453	GD314	Vũ Thị Phương Thảo	6/21/1986	Ch Nguyễn Huệ	Sở GD&ĐT	100	
454	GD315	Đỗ Thị Huệ	05//071985	Ch Nguyễn Huệ	Sở GD&ĐT	100	
455	GD316	Đoàn Thị Hiền	12/8/1982	Ch Nguyễn Huệ	Sở GD&ĐT	100	
456	GD317	Nguyễn Thị Phương Loan	4/18/1978	Ch Nguyễn Huệ	Sở GD&ĐT	100	
457	GD318	Nguyễn Thị Hạnh	12/16/1980	Ch Nguyễn Huệ	Sở GD&ĐT	100	
458	GD319	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	9/17/1974	Ch Nguyễn Huệ	Sở GD&ĐT	100	
459	GD320	Nguyễn Thị Hạnh Thúy	8/1/1980	Ch Nguyễn Huệ	Sở GD&ĐT	100	
460	GD321	Dương Thị Cúc	01/8/1974	Cổ Loa	Sở GD&ĐT	100	
461	GD322	Nguyễn Khả Thụ	15/8/1975	Cổ Loa	Sở GD&ĐT	90	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN cấp sau ngày 31/8/2023
462	GD323	Hoàng Minh Vũ	11/3/1982	Cổ Loa	Sở GD&ĐT	100	
463	GD324	Nguyễn Kim Thủy	08/01/1988	Cổ Loa	Sở GD&ĐT	100	
464	GD325	Phạm Thị Hồng Cẩm	02/9/1980	Cổ Loa	Sở GD&ĐT	100	
465	GD326	Trịnh Thị Hoa	04/3/1984	Cổ Loa	Sở GD&ĐT	100	
466	GD327	Tào Thị Hà	05/10/1988	Cổ Loa	Sở GD&ĐT	100	
467	GD328	Chữ Thị Ngọc Tú	15/6/1984	Cổ Loa	Sở GD&ĐT	100	
468	GD329	Lê Thị Châu	11/11/1986	Cổ Loa	Sở GD&ĐT	95	Năm học 2021-2022 được đánh giá là hoàn thành nhiệm vụ
469	GD330	Hoàng Thị Thanh	17/01//1977	Cổ Loa	Sở GD&ĐT	100	
470	GD331	Ngô Thuý Hà	24/4/1976	Cổ Loa	Sở GD&ĐT	100	
471	GD332	Đinh Thị Loan	22/6/1975	Cổ Loa	Sở GD&ĐT	100	
472	GD333	Trần Thị Diệu Thuý	07/8/1978	Cổ Loa	Sở GD&ĐT	100	
473	GD334	Nguyễn Thương Quân	07/11/1975	Cổ Loa	Sở GD&ĐT	100	
474	GD335	Vũ Thị Hương	02/8/1981	Cổ Loa	Sở GD&ĐT	100	
475	GD336	Nguyễn Thị Hằng	14/11/1981	Cổ Loa	Sở GD&ĐT	100	
476	GD337	Bùi Thị Linh	20/9/1984	Cổ Loa	Sở GD&ĐT	100	
477	GD338	Trần Thị Hà	01/11/1986	Cổ Loa	Sở GD&ĐT	100	
478	GD339	Vũ Thị Thanh Thủy	13/3/1976	Cổ Loa	Sở GD&ĐT	100	
479	GD340	Trần Thị Nhung	22/7/1980	Cổ Loa	Sở GD&ĐT	100	
480	GD341	Hoàng Ngọc Tuy	13/4/1973	Cổ Loa	Sở GD&ĐT	100	
481	GD342	Trần Thị Thanh Vân	13/10/1986	Cổ Loa	Sở GD&ĐT	100	
482	GD343	Hoàng Thị Kim Liên	07/7/1983	Cổ Loa	Sở GD&ĐT	100	
483	GD344	Nguyễn Thị Phong Lan	30/3/1978	Đa Phúc	Sở GD&ĐT	100	
484	GD345	Nguyễn Thị A My	16/3/1977	Đa Phúc	Sở GD&ĐT	100	
485	GD346	Đồng Thị Đức Hạnh	07/3/1975	Đa Phúc	Sở GD&ĐT	100	
486	GD347	Nguyễn Duy Hiền	20/8/1974	Đa Phúc	Sở GD&ĐT	100	
487	GD348	Nguyễn Thị Mai Phương	20/3/1976	Đa Phúc	Sở GD&ĐT	100	
488	GD349	Nguyễn Thanh Hải	18/06/1968	Đại Cường	Sở GD&ĐT	100	
489	GD350	Tạ Thị Thu Hoài	20/08/1969	Đại Cường	Sở GD&ĐT	100	
490	GD351	Nguyễn Thị Oanh	07/02/1977	Đại Cường	Sở GD&ĐT	100	
491	GD352	Lê Xuân Hoạt	19/05/1965	Đại Cường	Sở GD&ĐT	100	
492	GD353	Nguyễn Thị Lạc	05/03/1975	Đại Cường	Sở GD&ĐT	100	
493	GD354	Nguyễn Thị Thu Thanh	17/04/1979	Đại Cường	Sở GD&ĐT	100	
494	GD355	Ngô Anh Toàn	05/10/1980	Đại Cường	Sở GD&ĐT	100	
495	GD356	Lê Đại Hành	07/08/1966	Đại Cường	Sở GD&ĐT	100	
496	GD357	Nguyễn Thị Phương Đông	15/11/1982	Đại Cường	Sở GD&ĐT	100	
497	GD358	Trần Thị Thúy Hồng	15/12/1984	Đại Cường	Sở GD&ĐT	100	
498	GD359	Nguyễn Văn Toàn	9/2/1982	Đại Cường	Sở GD&ĐT	100	
499	GD360	Phạm Thị Loan	6/23/1984	Đại Cường	Sở GD&ĐT	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
500	GD361	Đinh Quang Lượng	25/07/1978	Đại Cường	Sở GD&ĐT	100	
501	GD362	Dương Thị Bích	09/01/1989	Đại Cường	Sở GD&ĐT	100	
502	GD363	Nguyễn Lan Anh	14/10/1984	Đại Cường	Sở GD&ĐT	100	
503	GD364	Phạm Thị Như Hoa	13/03/1976	Đại Cường	Sở GD&ĐT	100	
504	GD365	Nguyễn Vũ Thành	9/29/1972	Đại Mỹ	Sở GD&ĐT	100	
505	GD366	Bùi Thị Hoàng Anh	3/11/1981	Đại Mỹ	Sở GD&ĐT	100	
506	GD367	Bùi Thị Mơ	5/24/1975	Đại Mỹ	Sở GD&ĐT	100	
507	GD368	Nguyễn Thị Lệ Thủy	10/15/1982	Đại Mỹ	Sở GD&ĐT	100	
508	GD369	Đinh Thị Thanh Loan	5/21/1984	Đại Mỹ	Sở GD&ĐT	100	
509	GD370	Vũ Thị Thúy Vân	4/14/1978	Đại Mỹ	Sở GD&ĐT	100	
510	GD371	Phạm Thành Công	10/29/1970	Đan Phượng	Sở GD&ĐT	100	
511	GD372	Đặng Thị Minh Nguyệt	14/7/1972	Đan Phượng	Sở GD&ĐT	100	
512	GD373	Trần Thị Hải Ninh	19/2/1975	Đan Phượng	Sở GD&ĐT	100	
513	GD374	Đinh Xuân Cường	30/11/1973	Đan Phượng	Sở GD&ĐT	100	
514	GD375	Đoàn Công Hoàng	28/3/1985	Đan Phượng	Sở GD&ĐT	95	Không có bản đánh giá xếp loại viên chức năm học 2021-2022
515	GD376	Nguyễn Hữu Tuyên	25/8/1985	Đan Phượng	Sở GD&ĐT	100	
516	GD377	Nguyễn Thị Thanh Thảo	11/1/1976	Đan Phượng	Sở GD&ĐT	95	Thiếu QĐ bổ nhiệm CDNN V.07.05.15
517	GD378	Đào Thị Cẩm Phương	8/20/1973	Đan Phượng	Sở GD&ĐT	100	
518	GD379	Nguyễn Thị Kim Chung	31/3/1977	Đan Phượng	Sở GD&ĐT	100	
519	GD380	Phan Thị Thu Hà	7/5/1985	Đan Phượng	Sở GD&ĐT	100	
520	GD381	Tạ Thị Thu Thảo	11/10/1978	Đan Phượng	Sở GD&ĐT	100	
521	GD382	Bùi Thị Hằng	19/10/1986	Đan Phượng	Sở GD&ĐT	100	
522	GD383	Đặng Thị Ánh Tuyết	12/17/1976	Đoàn Kết-HBT	Sở GD&ĐT	100	
523	GD384	Phan Thị Thu Hiền	9/17/1972	Đoàn Kết-HBT	Sở GD&ĐT	100	
524	GD385	Trần Thị Thu Hiền	8/10/1973	Đoàn Kết-HBT	Sở GD&ĐT	100	
525	GD386	Phạm Thị Thanh Mai	11/29/1976	Đoàn Kết-HBT	Sở GD&ĐT	100	
526	GD387	Nguyễn Thị Thúy Hạnh	9/7/1975	Đoàn Kết-HBT	Sở GD&ĐT	100	
527	GD388	Võ Thị Thu Hương	12/20/1978	Đoàn Kết-HBT	Sở GD&ĐT	100	
528	GD389	Ngô Thị Hằng	1/15/1981	Đoàn Kết-HBT	Sở GD&ĐT	100	
529	GD390	Nguyễn Xuân Thùy	4/3/1980	Đoàn Kết-HBT	Sở GD&ĐT	100	
530	GD391	Nguyễn Thị Mùi	2/2/1983	Đoàn Kết-HBT	Sở GD&ĐT	100	
531	GD392	Đào Thị Ngọc Hằng	1/22/1978	Đoàn Kết-HBT	Sở GD&ĐT	100	
532	GD393	Đỗ Thị Thanh Tinh	9/3/1977	Đoàn Kết-HBT	Sở GD&ĐT	100	
533	GD394	Cao Thị Tân	4/26/1977	Đoàn Kết-HBT	Sở GD&ĐT	100	
534	GD395	Nguyễn Thị Hằng	11/1/1977	Đoàn Kết-HBT	Sở GD&ĐT	100	
535	GD396	Lê Thị Bích Vân	3/11/1981	Đoàn Kết-HBT	Sở GD&ĐT	100	
536	GD397	Luyện Thị Oanh	6/9/1981	Đoàn Kết-HBT	Sở GD&ĐT	100	
537	GD398	Hoàng Thị Tuyết Lan	4/18/1988	Đoàn Kết-HBT	Sở GD&ĐT	100	
538	GD399	Phạm Hữu Đoàn	18/01/1976	Đông Anh	Sở GD&ĐT	100	
539	GD400	Hoàng Thị Ninh	04/02/1984	Đông Anh	Sở GD&ĐT	95	Thiếu QĐ bổ nhiệm CDNN V.07.05.15
540	GD401	Nguyễn Thị Thanh Loan	10/04/1983	Đông Anh	Sở GD&ĐT	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CD 7, 8)
541	GD402	Nguyễn Thị Hằng	08/11/1982	Đông Anh	Sở GD&ĐT	100	
542	GD403	Ngô Thạch Tú	10/20/1976	Đông Anh	Sở GD&ĐT	100	
543	GD404	Nguyễn Thị Thơm	26/04/1977	Đông Anh	Sở GD&ĐT	100	
544	GD405	Trần Thị Kim Thoa	17/10/1979	Đông Anh	Sở GD&ĐT	100	
545	GD406	Trần Thị Toan	29/07/1977	Đông Anh	Sở GD&ĐT	100	
546	GD407	Ngô Thị Mỹ Bình	07/04/1973	Đông Anh	Sở GD&ĐT	100	
547	GD408	Đỗ Thị Lan	20/09/1978	Đông Anh	Sở GD&ĐT	100	
548	GD409	Hữu Thị Thanh Huyền	14/02/1981	Đông Anh	Sở GD&ĐT	100	
549	GD410	Nguyễn Thị Ngoan	17/09/1981	Đông Anh	Sở GD&ĐT	100	
550	GD411	Nguyễn Văn Dự	29/05/1970	Đông Anh	Sở GD&ĐT	100	
551	GD412	Lại Thị Thanh Hường	24/10/1984	Đông Anh	Sở GD&ĐT	100	
552	GD413	Nguyễn Tiến Hùng	27/10/1974	Đông Anh	Sở GD&ĐT	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
553	GD414	Nguyễn Văn Tường	27/7/1973	Đồng Đa	Sở GD&ĐT	100	
554	GD415	Vũ Thị Thu Hiền	27/01/1978	Đồng Đa	Sở GD&ĐT	100	
555	GD416	Hoàng Thị Minh Hiền	10/10/1980	Đồng Đa	Sở GD&ĐT	100	
556	GD417	Phạm Văn Hồng	19/03/1977	Đồng Đa	Sở GD&ĐT	100	
557	GD418	Trương Văn Lự	12/10/1977	Đồng Đa	Sở GD&ĐT	100	
558	GD419	Vương Thị Thúy	03/7/1976	Đồng Đa	Sở GD&ĐT	100	
559	GD420	Nguyễn Hương Ly	10/9/1982	Đồng Đa	Sở GD&ĐT	100	
560	GD421	Nguyễn Ngọc Hoàn	06/06/1979	Đồng Đa	Sở GD&ĐT	100	
561	GD422	Bùi Văn Điều	28/01/1970	Đồng Đa	Sở GD&ĐT	100	
562	GD423	Hoàng Quốc Định	23/01/1978	Đồng Đa	Sở GD&ĐT	100	
563	GD424	Nguyễn Thị Tuyết Lan	28/02/1980	Đồng Đa	Sở GD&ĐT	100	
564	GD425	Vũ Thị Phương Nam	18/8/1978	Đồng Đa	Sở GD&ĐT	100	
565	GD426	Phạm Thùy Linh	22/4/1984	Đồng Đa	Sở GD&ĐT	100	
566	GD427	Phạm Thị Ngọc Huyền	16/10/1979	Đồng Đa	Sở GD&ĐT	100	
567	GD428	Nguyễn Thị Thúy Nga	02/12/1974	Đồng Đa	Sở GD&ĐT	100	
568	GD429	Trịnh Thị Thu Huyền	03/4/1978	Đồng Đa	Sở GD&ĐT	100	
569	GD430	Doãn Thanh Nhân	28/7/1979	Đồng Đa	Sở GD&ĐT	100	
570	GD431	Nguyễn Thị Hiệp	26/4/1977	Đồng Đa	Sở GD&ĐT	100	
571	GD432	Đỗ Thị Thu Huyền	18/6/1981	Đồng Đa	Sở GD&ĐT	100	
572	GD433	Nguyễn Thành Đô	02/11/1983	Đồng Đa	Sở GD&ĐT	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CD 7, 8)
573	GD434	Nguyễn Thị Đức	28/03/1985	Đồng Đa	Sở GD&ĐT	100	
574	GD435	Kiều Thị Thu	12/5/1985	Đồng Đa	Sở GD&ĐT	100	
575	GD436	Trần Anh Tuấn	20/6/1976	Đồng Đa	Sở GD&ĐT	100	
576	GD437	Vũ Thị Ngọc Lan	16/3/1979	Đồng Đa	Sở GD&ĐT	100	
577	GD438	Cần Thị Thu Thủy	20/04/1978	Đồng Mỹ	Sở GD&ĐT	100	
578	GD439	Mai Quân	23/05/1982	Đồng Mỹ	Sở GD&ĐT	100	
579	GD440	Lương Thị Toàn	30/9/1979	Đồng Mỹ	Sở GD&ĐT	100	
580	GD441	Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	24/01/1976	Đồng Mỹ	Sở GD&ĐT	100	
581	GD442	Đặng Thị Thu Trang	26/01/1979	Đồng Mỹ	Sở GD&ĐT	100	
582	GD443	Trần Thị Minh Hiếu	10/6/1977	Đồng Mỹ	Sở GD&ĐT	100	
583	GD444	Nguyễn Thị Thanh	21/11/1974	Đồng Mỹ	Sở GD&ĐT	100	
584	GD445	Trần Thị Hồng Nhung	9/6/1984	Đồng Mỹ	Sở GD&ĐT	100	
585	GD446	Nguyễn Phương Linh	21/10/1987	Đồng Mỹ	Sở GD&ĐT	100	
586	GD447	Nguyễn Thanh Bình	6/29/1977	Đồng Quan	Sở GD&ĐT	100	
587	GD448	Nguyễn Đình Minh	5/10/1973	Đồng Quan	Sở GD&ĐT	100	
588	GD449	Nguyễn Thị Hường	9/30/1976	Đồng Quan	Sở GD&ĐT	100	
589	GD450	Doãn Thị Sen	4/21/1978	Đồng Quan	Sở GD&ĐT	100	
590	GD451	Lê Thị Mai Hường	1/5/1974	Đồng Quan	Sở GD&ĐT	100	
591	GD452	Dương Văn Xuyên	7/18/1982	Đồng Quan	Sở GD&ĐT	100	
592	GD453	Đinh Thị Thu Hà	7/24/1978	Đồng Quan	Sở GD&ĐT	100	
593	GD454	Đinh Thị Bích Nguyệt	8/1/1984	Đồng Quan	Sở GD&ĐT	100	
594	GD455	Nguyễn Thị Minh Ngoan	4/21/1983	Đồng Quan	Sở GD&ĐT	100	
595	GD456	Đỗ Thị Yên	4/3/1976	Đồng Quan	Sở GD&ĐT	100	
596	GD457	Nguyễn Thị Loan	10/14/1985	Đồng Quan	Sở GD&ĐT	100	
597	GD458	Nguyễn Thị Thu Vân	8/17/1971	Dương Xá	Sở GD&ĐT	100	
598	GD459	Nguyễn Thị Thu Thủy	1/9/1975	Dương Xá	Sở GD&ĐT	100	
599	GD460	Nguyễn Mạnh Hòa	23/1/1977	Dương Xá	Sở GD&ĐT	100	
600	GD461	Đỗ Thị Linh	02/05/1988	Dương Xá	Sở GD&ĐT	100	
601	GD462	Nguyễn Thị Thu Hiền	1/21/1983	Dương Xá	Sở GD&ĐT	100	
602	GD463	Nguyễn Thị Thu Thủy	2/8/1986	Dương Xá	Sở GD&ĐT	100	
603	GD464	Bùi Thị Thục	6/24/1986	Dương Xá	Sở GD&ĐT	100	
604	GD465	Nguyễn Ích Hiếu	29/11/1980	Dương Xá	Sở GD&ĐT	100	
605	GD466	Nguyễn Ngọc Tùng	20/10/1984	Dương Xá	Sở GD&ĐT	100	
606	GD467	Dương Thị Ngọc Anh	8/9/1984	Dương Xá	Sở GD&ĐT	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
607	GD468	Nguyễn Thu Tiềm	7/11/1982	Dương Xá	Sở GD&ĐT	100	
608	GD469	Vũ Thị Lan Anh	10/16/1982	Dương Xá	Sở GD&ĐT	100	
609	GD470	Nguyễn Thị Thúy	29/11/1976	Dương Xá	Sở GD&ĐT	100	
610	GD471	Thắm Bích Phượng	21/7/1982	Dương Xá	Sở GD&ĐT	100	
611	GD472	Đàm Thị Minh Huệ	11/3/1976	Dương Xá	Sở GD&ĐT	100	
612	GD473	Phùng Thị Thu Hương	20/7/1977	HaiBàTrung-T.Thất	Sở GD&ĐT	100	
613	GD474	Khuất Thị Lan	25/02/1974	HaiBàTrung-T.Thất	Sở GD&ĐT	100	
614	GD475	Nguyễn Tuấn Anh	26/3/1972	HaiBàTrung-T.Thất	Sở GD&ĐT	100	
615	GD476	Trần Thị Loan	01/08/1977	HaiBàTrung-T.Thất	Sở GD&ĐT	100	
616	GD477	Nguyễn Thị Thủy	03/08/1977	HaiBàTrung-T.Thất	Sở GD&ĐT	100	
617	GD478	Kiều Văn Luân	27/3/1979	HaiBàTrung-T.Thất	Sở GD&ĐT	100	
618	GD479	Cần Duy Phúc	17/12/1984	HaiBàTrung-T.Thất	Sở GD&ĐT	100	
619	GD480	Kiều Thị Thủy	09/10/1980	HaiBàTrung-T.Thất	Sở GD&ĐT	100	
620	GD481	Nguyễn Thị Dương	13/10/1979	HaiBàTrung-T.Thất	Sở GD&ĐT	100	
621	GD482	Đặng Thị Phượng	9/10/1981	HaiBàTrung-T.Thất	Sở GD&ĐT	100	
622	GD483	Nguyễn Thị Tứ	8/1/1984	HaiBàTrung-T.Thất	Sở GD&ĐT	100	
623	GD484	Bùi Thị Kim Tuyến	22/10/1978	HaiBàTrung-T.Thất	Sở GD&ĐT	100	
624	GD485	Cần Thị Ánh Tuyết	14/3/1978	HaiBàTrung-T.Thất	Sở GD&ĐT	100	
625	GD486	Nguyễn Thị Thu Hương	3/11/1978	HaiBàTrung-T.Thất	Sở GD&ĐT	100	
626	GD487	Nguyễn Thị Hoa Hường	8/5/1977	HaiBàTrung-T.Thất	Sở GD&ĐT	100	
627	GD488	Đỗ Ngọc Ninh	31/5/1981	HaiBàTrung-T.Thất	Sở GD&ĐT	100	
628	GD489	Nguyễn Thị Lành	20/7/1984	HaiBàTrung-T.Thất	Sở GD&ĐT	100	
629	GD490	Đỗ Thanh Hải	8/4/1980	HaiBàTrung-T.Thất	Sở GD&ĐT	100	
630	GD491	Lê Thị Yến	12/12/1983	HaiBàTrung-T.Thất	Sở GD&ĐT	100	
631	GD492	Nguyễn Thị Dung Hạnh	2/1/1980	HaiBàTrung-T.Thất	Sở GD&ĐT	100	
632	GD493	Kim Thị Bích Lua	11/6/1979	HaiBàTrung-T.Thất	Sở GD&ĐT	100	
633	GD494	Phạm Thị Thu Huyền	3/3/1976	Hoài Đức A	Sở GD&ĐT	100	
634	GD495	Triệu Thị Lệ Na	10/10/1981	Hoài Đức A	Sở GD&ĐT	100	
635	GD496	Lê Thị Lợi	12/16/1978	Hoài Đức A	Sở GD&ĐT	100	
636	GD497	Trần Thị Hồng Minh	4/13/1985	Hoài Đức A	Sở GD&ĐT	100	
637	GD498	Nguyễn Tiến Dũng	10/29/1972	Hoài Đức A	Sở GD&ĐT	100	
638	GD499	Hoàng Thị Tuyến	4/10/1976	Hoài Đức A	Sở GD&ĐT	100	
639	GD500	Đặng Thị Thuý	11/25/1978	Hoài Đức A	Sở GD&ĐT	100	
640	GD501	Nguyễn Chí Huân	4/3/1972	Hoài Đức A	Sở GD&ĐT	100	
641	GD502	Lý Minh Chi	9/24/1981	Hoài Đức A	Sở GD&ĐT	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
642	GD503	Nguyễn Viết Thị Thúy	10/9/1980	Hoài Đức A	Sở GD&ĐT	100	
643	GD504	Nguyễn Thị Phương Thảo	9/24/1976	Hoài Đức A	Sở GD&ĐT	100	
644	GD505	Nguyễn Viết Thị Ánh	6/4/1983	Hoài Đức A	Sở GD&ĐT	100	
645	GD506	Phí Thị Phương	11/21/1983	Hoài Đức A	Sở GD&ĐT	100	
646	GD507	Phan Tiến	4/26/1973	Hoài Đức A	Sở GD&ĐT	100	
647	GD508	Nguyễn Thị An Chung	8/30/1983	Hoài Đức A	Sở GD&ĐT	100	
648	GD509	Phạm Thị An	12/1/1983	Hoài Đức A	Sở GD&ĐT	100	
649	GD510	Phùng Thị Thanh Mai	10/24/1983	Hoài Đức A	Sở GD&ĐT	100	
650	GD511	Vũ Thúy Hằng	4/23/1977	Hoài Đức A	Sở GD&ĐT	100	
651	GD512	Đức Thị Nhung	9/18/1987	Hoài Đức A	Sở GD&ĐT	100	
652	GD513	Lý Thị Lan	11/27/1977	Hoài Đức A	Sở GD&ĐT	100	
653	GD514	Nguyễn Thị Thúy Dung	12/25/1978	Hoài Đức A	Sở GD&ĐT	100	
654	GD515	Nguyễn Thị Nga	2/5/1979	Hoài Đức A	Sở GD&ĐT	100	
655	GD516	Phạm Thị Anh Phương	16/04/1074	Hoài Đức A	Sở GD&ĐT	100	
656	GD517	Nguyễn Thị Thu Hằng	11/15/1977	Hoài Đức A	Sở GD&ĐT	100	
657	GD518	Nguyễn Thị Thanh Huyền	8/6/1982	Hoài Đức A	Sở GD&ĐT	100	
658	GD519	Phan Thị Thu Hà	9/12/1978	Hoài Đức A	Sở GD&ĐT	100	
659	GD520	Hoàng Thị Lê	1/20/1983	Hoài Đức A	Sở GD&ĐT	100	
660	GD521	Từ Thị Thu Phương	4/29/1976	Hoài Đức A	Sở GD&ĐT	100	
661	GD522	Nguyễn Thị Lợi	10/18/1982	Hoài Đức A	Sở GD&ĐT	100	
662	GD523	Bùi Thị Vân Hồng	2/22/1975	Hoài Đức A	Sở GD&ĐT	100	
663	GD524	Nguyễn Hoài Thu	10/25/1977	Hoài Đức A	Sở GD&ĐT	100	
664	GD525	Nguyễn Thị Hồng Huế	5/28/1976	Hoài Đức B	Sở GD&ĐT	100	
665	GD526	Vũ Thị Thanh Loan	7/17/1987	Hoài Đức B	Sở GD&ĐT	100	
666	GD527	Hoàng Thị Kim Oanh	6/27/1985	Hoài Đức B	Sở GD&ĐT	100	
667	GD528	Trương Thị Phương Thảo	12/10/1983	Hoài Đức B	Sở GD&ĐT	100	
668	GD529	Nguyễn Viết Thịnh	12/30/1965	Hoài Đức B	Sở GD&ĐT	100	
669	GD530	Nguyễn Thị Liên	2/25/1977	Hoài Đức B	Sở GD&ĐT	100	
670	GD531	Cao Thị Thúy	4/5/1978	Hoài Đức B	Sở GD&ĐT	100	
671	GD532	Nguyễn Thị Hà	5/30/1980	Hoài Đức B	Sở GD&ĐT	100	
672	GD533	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	3/23/1979	Hoài Đức B	Sở GD&ĐT	95	Chưa xếp loại VC trong phiếu đánh giá năm học 2021-2022
673	GD534	Nguyễn Lan Hương	12/9/1972	Hoài Đức B	Sở GD&ĐT	100	
674	GD535	Nguyễn Thị Vân	1/8/1978	Hoài Đức B	Sở GD&ĐT	100	
675	GD536	Phí Thị Bích Liên	11/16/1978	Hoài Đức B	Sở GD&ĐT	100	
676	GD537	Trần Thị Mai	3/29/1979	Hoài Đức B	Sở GD&ĐT	100	
677	GD538	Nguyễn Thị Hiến	11/2/1981	Hoài Đức B	Sở GD&ĐT	100	
678	GD539	Lê Thị Minh	7/28/1981	Hoài Đức B	Sở GD&ĐT	100	
679	GD540	Phùng Thị Thanh Huyền	12/28/1982	Hoài Đức B	Sở GD&ĐT	100	
680	GD541	Nguyễn Thị Huyền	4/7/1985	Hoài Đức B	Sở GD&ĐT	100	
681	GD542	Nguyễn Thị Trang	10/20/1985	Hoài Đức B	Sở GD&ĐT	100	
682	GD543	Trương Thị Chát	10/3/1974	Hoài Đức B	Sở GD&ĐT	100	
683	GD544	Bùi Thị Quế Anh	12/11/1978	Hoài Đức B	Sở GD&ĐT	100	
684	GD545	Nguyễn Thị Hoài An	8/2/1981	Hoài Đức B	Sở GD&ĐT	100	
685	GD546	Đặng Thị Phương Mai	12/31/1984	Hoài Đức B	Sở GD&ĐT	100	
686	GD547	Cao thị Đông	5/9/1985	Hoài Đức B	Sở GD&ĐT	100	
687	GD548	Bùi Thị Lan Phương	8/21/1986	Hoài Đức B	Sở GD&ĐT	100	
688	GD549	Bùi Thị Dung	5/20/1988	Hoài Đức B	Sở GD&ĐT	100	
689	GD550	Trần Thị Hạnh	10/4/1977	Hoài Đức B	Sở GD&ĐT	100	
690	GD551	Nguyễn Thị Nguyên	1/7/1983	Hoài Đức B	Sở GD&ĐT	100	
691	GD552	Nguyễn Lan Nhung	11/16/1979	Hoài Đức B	Sở GD&ĐT	100	
692	GD553	Thế Thị Nhung	8/3/1986	Hoài Đức C	Sở GD&ĐT	100	
693	GD554	Nguyễn Thị Thu Hường	23/8/1980	Hoài Đức C	Sở GD&ĐT	100	
694	GD555	Lê Thị Duyên	2/1/1982	Hoài Đức C	Sở GD&ĐT	100	
695	GD556	Hoàng Thị Nguyệt	2/9/1978	Hoài Đức C	Sở GD&ĐT	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
696	GD557	Lê Thị Tình	1/10/1979	Hoài Đức C	Sở GD&ĐT	100	
697	GD558	Đoàn Thị Hà	15/4/1982	Hoài Đức C	Sở GD&ĐT	100	
698	GD559	Nguyễn Thu Hằng	22/12/1987	Hoài Đức C	Sở GD&ĐT	100	
699	GD560	Lê Thị Thu Thủy	22/8/1981	Hoài Đức C	Sở GD&ĐT	100	
700	GD561	Trung Thị Phương Hoa	22/11/1983	Hoài Đức C	Sở GD&ĐT	100	
701	GD562	Tô Thị Tuyết Dung	7/2/1984	Hoài Đức C	Sở GD&ĐT	100	
702	GD563	Lê Thanh Loan	27/2/1989	Hoàng Cầu	Sở GD&ĐT	100	
703	GD564	Đoàn Thị Dung	23/4/1977	Hoàng Cầu	Sở GD&ĐT	100	
704	GD565	Nguyễn Hữu Khải	2/11/1985	Hoàng Cầu	Sở GD&ĐT	100	
705	GD566	Nguyễn Tường Anh	27/2/1985	Hoàng Cầu	Sở GD&ĐT	100	
706	GD567	Trần Thị Thu Hà	8/8/1983	Hoàng Cầu	Sở GD&ĐT	100	
707	GD568	Trọng Mai Quế	22/5/1978	Hoàng Cầu	Sở GD&ĐT	100	
708	GD569	Nguyễn Thị Thuỷ	03/02/1980	Hoàng Cầu	Sở GD&ĐT	100	
709	GD570	Nguyễn Thị Thu Thuỷ	05/01/1976	Hoàng Cầu	Sở GD&ĐT	100	
710	GD571	Tạ Thị Hải Minh	10/12/1975	Hoàng Cầu	Sở GD&ĐT	100	
711	GD572	Nguyễn Trọng Trung	07/06/1984	Hoàng Cầu	Sở GD&ĐT		Không có hồ sơ
712	GD573	Trần Thị Huyền Thư	03/10/1982	Hoàng Cầu	Sở GD&ĐT	100	
713	GD574	Phạm Thị Ngọc	01/11/1978	Hoàng Cầu	Sở GD&ĐT	100	
714	GD575	Nguyễn Thị Thanh Thủy	9/29/1972	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	
715	GD576	Dương Thị Liu	6/28/1974	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	
716	GD577	Phan Trọng Dũng	29/02/1964	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	
717	GD578	Nguyễn Thùy Miên	6/25/1979	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	
718	GD579	Nguyễn Thành Long	10/29/1988	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	
719	GD580	Hà Vũ Thanh Hương	4/18/1983	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	
720	GD581	Lê Thị Hương	11/18/1975	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	
721	GD582	Nguyễn Thị Thục Oanh	5/28/1978	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	
722	GD583	Lê Thị Ngọc Thúy	11/29/1979	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	
723	GD584	Cao Thị Xuân Giang	4/24/1978	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	
724	GD585	Nguyễn Thị Thanh Bình	7/14/1974	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	
725	GD586	Nguyễn Thị Phương Thanh	12/27/1987	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	
726	GD587	Trần Thị Mười	09/3/1980	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	
727	GD588	Hoàng Thị Thu Hiền	13/02/1981	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	
728	GD589	Nguyễn Thị Thanh	01/8/1981	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	
729	GD590	Trịnh Văn Toàn	12/24/1980	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	
730	GD591	Nguyễn Thị Bích Liên	10/10/1977	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	
731	GD592	Hoàng Thị Oanh	27/02/1979	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	
732	GD593	Nguyễn Thị Thi	05/9/1985	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	
733	GD594	Nguyễn Thị Dung	9/25/1987	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	
734	GD595	Trần Thị Thơ	01/4/1987	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	
735	GD596	Phạm Thu Quyên	11/29/1984	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	
736	GD597	Tạ Thị Mai Linh	6/24/1987	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	
737	GD598	Vương Thị Thanh Thủy	22/01/1983	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	
738	GD599	Giang Thị Hạnh	8/23/1979	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	
739	GD600	Cao Anh Tuấn	6/13/1974	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	
740	GD601	Nghiêm Thị Phương	12/29/1976	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	
741	GD602	Nguyễn Thị Thanh	9/16/1981	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	
742	GD603	Phạm Thị Thủy	06/01/1989	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	
743	GD604	Trần Thị Tuyết Mai	4/27/1983	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	
744	GD605	Triệu Thị Mai Hoa	04/5/1977	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	
745	GD606	Đặng Thị Giang	05/8/1979	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	
746	GD607	Nguyễn Thị Vân	7/19/1974	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	
747	GD608	Lê Thị Hoàng Yến	11/30/1983	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	
748	GD609	Đặng Thị Bình	3/19/1979	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	
749	GD610	Mai Thị Chi	01/7/1982	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
750	GD611	Nguyễn Thị Phương Thảo	12/19/1974	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	
751	GD612	Hoàng Thị Thanh	02/3/1983	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	
752	GD613	Bùi Hạnh Dung	3/14/1982	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	
753	GD614	Chu Thị Minh Huyền	8/13/1978	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	
754	GD615	Nguyễn Thị Hải Lý	6/14/1981	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	
755	GD616	Dương Minh Oanh	4/21/1984	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	
756	GD617	Trần Nguyệt Nga	04/6/1977	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	
757	GD618	Phạm Thị Thanh Thủy	11/15/1975	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	
758	GD619	Lê Thị Hồng Thắng	8/21/1977	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	
759	GD620	Bùi Thúy Hạnh	6/17/1977	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	
760	GD621	Nguyễn Thị Hương Thơm	11/20/1987	Hoàng Văn Thụ	Sở GD&ĐT	100	
761	GD622	Tạ Thị Hồng Duyên	7/18/1979	Hồng Thái	Sở GD&ĐT	100	
762	GD623	Lê Thị Hiền	4/16/1988	Hồng Thái	Sở GD&ĐT	100	
763	GD624	Nguyễn Thùy Dung	5/31/1986	Hồng Thái	Sở GD&ĐT	100	
764	GD625	Phạm Thị Hường	11/5/1982	Hồng Thái	Sở GD&ĐT	100	
765	GD626	Nguyễn Thị Thu Phương	11/18/1984	Hồng Thái	Sở GD&ĐT	100	
766	GD627	Lê Thị Luyến	5/15/1983	Hồng Thái	Sở GD&ĐT	100	
767	GD628	Bách Thị Hiền	10/9/1985	Hồng Thái	Sở GD&ĐT	100	
768	GD629	Doãn Thị Lý	1/18/1980	Hồng Thái	Sở GD&ĐT	100	
769	GD630	Nguyễn Lê Quân	10/20/1976	Hồng Thái	Sở GD&ĐT	100	
770	GD631	Ngô Tuyết Nhung	8/4/1986	Hồng Thái	Sở GD&ĐT	100	
771	GD632	Nguyễn Thị Hợp	5/12/1989	Hồng Thái	Sở GD&ĐT	100	
772	GD633	Nguyễn Thị Hoài Thanh	1/1/1980	Hồng Thái	Sở GD&ĐT	100	
773	GD634	Nguyễn Thị Oanh	12/3/1985	Hồng Thái	Sở GD&ĐT	100	
774	GD635	Lưu Quang Văn	7/26/1982	Hồng Thái	Sở GD&ĐT	100	
775	GD636	Nguyễn Thị Thanh Thảo	7/10/1983	Hồng Thái	Sở GD&ĐT	100	
776	GD637	Lê Thị Thủy	3/28/1982	Hồng Thái	Sở GD&ĐT	100	
777	GD638	Nguyễn Thị Hải	3/22/1980	Hồng Thái	Sở GD&ĐT	100	
778	GD639	Nguyễn Thị Ba	5/20/1984	Hồng Thái	Sở GD&ĐT	100	
779	GD640	Nguyễn Thị Huyền	12/30/1980	Hồng Thái	Sở GD&ĐT	100	
780	GD641	Hoàng Thương Thương	7/31/1983	Hồng Thái	Sở GD&ĐT	100	
781	GD642	Phạm Ngọc Lực	7/1/1980	Hợp Thanh	Sở GD&ĐT	100	
782	GD643	Lê Thái Hoà	2/23/1979	Hợp Thanh	Sở GD&ĐT	100	
783	GD644	Trần Cát Hoàng	7/21/1983	Hợp Thanh	Sở GD&ĐT	100	
784	GD645	Đỗ Mạnh Khương	8/1/1972	Hợp Thanh	Sở GD&ĐT	100	
785	GD646	Ngô Thị Hương	10/10/1981	Hợp Thanh	Sở GD&ĐT	100	
786	GD647	Bùi Thị Nga	1/29/1989	Hợp Thanh	Sở GD&ĐT	100	
787	GD648	Lê Thị Duyệt	1/13/1978	Hợp Thanh	Sở GD&ĐT	100	
788	GD649	Bạch Công Bằng	9/7/1985	Hợp Thanh	Sở GD&ĐT	100	
789	GD650	Trần Thị Quy	3/5/1980	Hợp Thanh	Sở GD&ĐT	100	
790	GD651	Lê Tôn Bình	4/9/1983	Hợp Thanh	Sở GD&ĐT	100	
791	GD652	Trần Lan Phương	11/1/1985	Hợp Thanh	Sở GD&ĐT	100	
792	GD653	Nguyễn Thị Thuý Quỳnh	5/26/1988	Hợp Thanh	Sở GD&ĐT	100	
793	GD654	Đinh Thị Hiếu	1/2/1984	Hợp Thanh	Sở GD&ĐT	100	
794	GD655	Vũ Thị Thu Hương	6/9/1984	Hợp Thanh	Sở GD&ĐT	100	
795	GD656	Nguyễn Thị Hải	6/6/1986	Hợp Thanh	Sở GD&ĐT	100	
796	GD657	Nguyễn Thị Bích Nga	9/11/1986	Hợp Thanh	Sở GD&ĐT	100	
797	GD658	Trương Thị Thảo	11/11/1986	Hợp Thanh	Sở GD&ĐT	100	
798	GD659	Đỗ Thị Liêm	4/24/1987	Hợp Thanh	Sở GD&ĐT	100	
799	GD660	Đào Thị Loan	7/1/1987	Hợp Thanh	Sở GD&ĐT	100	
800	GD661	Nguyễn Thị Hải Hà	9/16/1985	Hợp Thanh	Sở GD&ĐT	100	
801	GD662	Nguyễn Thị Lanh	2/21/1987	Hợp Thanh	Sở GD&ĐT	100	
802	GD663	Nguyễn Thị Hường	2/12/1990	Hợp Thanh	Sở GD&ĐT	100	
803	GD664	Đỗ Thị Khuyến	8/6/1990	Hợp Thanh	Sở GD&ĐT	100	
804	GD665	Phạm Thị Hiền	1/15/1986	Hợp Thanh	Sở GD&ĐT	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
805	GD666	Đinh Thị Thu Hiền	21/07/1987	Hợp Thanh	Sở GD&ĐT	100	
806	GD667	Đỗ Thị Thu Hằng	6/6/1988	Hợp Thanh	Sở GD&ĐT	100	
807	GD668	Đinh Thị Giang	1/28/1989	Hợp Thanh	Sở GD&ĐT	100	
808	GD669	Phạm Thị Thanh Trang	7/8/1989	Hợp Thanh	Sở GD&ĐT	100	
809	GD670	Vũ Thị Hải Hà	5/5/1977	Khương Đình	Sở GD&ĐT	100	
810	GD671	Trần Duy Phú	7/28/1987	Khương Đình	Sở GD&ĐT	100	
811	GD672	Nguyễn Xuân Tuấn	5/6/1981	Kim Anh	Sở GD&ĐT	95	Không có bản đánh giá xếp loại viên chức năm học 2021-2022
812	GD673	Ngô Thị Lan Phương	10/21/1979	Kim Anh	Sở GD&ĐT	95	Không có bản đánh giá xếp loại viên chức năm học 2021-2022
813	GD674	Nguyễn Thị Thu Trà	2/11/1975	Kim Anh	Sở GD&ĐT	95	Không có bản đánh giá xếp loại viên chức năm học 2021-2022
814	GD675	Phùng Thị Bích Nguyễn	10/25/1987	Kim Anh	Sở GD&ĐT	95	Không có bản đánh giá xếp loại viên chức năm học 2021-2022
815	GD676	Nguyễn Thị Kiều Thúy	11/25/1981	Kim Anh	Sở GD&ĐT	95	Không có bản đánh giá xếp loại viên chức năm học 2021-2022
816	GD677	Nguyễn Bá Long	11/17/1984	Kim Anh	Sở GD&ĐT	95	Không có bản đánh giá xếp loại viên chức năm học 2021-2022
817	GD678	Trần Việt Cường	3/16/1979	Kim Anh	Sở GD&ĐT	95	Không có bản đánh giá xếp loại viên chức năm học 2021-2022
818	GD679	Nguyễn Hồng Thái	11/19/1978	Kim Anh	Sở GD&ĐT	95	Không có bản đánh giá xếp loại viên chức năm học 2021-2022
819	GD680	Lê Vương Đức	8/27/1982	Kim Anh	Sở GD&ĐT	95	Không có bản đánh giá xếp loại viên chức năm học 2021-2022
820	GD681	Lưu Văn Chiến	3/20/1986	Kim Anh	Sở GD&ĐT	95	Không có bản đánh giá xếp loại viên chức năm học 2021-2022
821	GD682	Nguyễn Mai Hồng	7/13/1986	Kim Anh	Sở GD&ĐT	95	Không có bản đánh giá xếp loại viên chức năm học 2021-2022
822	GD683	Nguyễn Thị Hải Yến	7/6/1985	Kim Anh	Sở GD&ĐT	95	Không có bản đánh giá xếp loại viên chức năm học 2021-2022
823	GD684	Nguyễn Thị Thanh Xuyên	4/26/1979	Kim Anh	Sở GD&ĐT	95	Không có bản đánh giá xếp loại viên chức năm học 2021-2022
824	GD685	Đặng Thị Hiền	3/25/1984	Kim Anh	Sở GD&ĐT	95	Không có bản đánh giá xếp loại viên chức năm học 2021-2022
825	GD686	Đỗ Văn Phong	15/03/1984	Kim Liên	Sở GD&ĐT	100	
826	GD687	Phạm Thị Hiền	15/09/1982	Kim Liên	Sở GD&ĐT	100	
827	GD688	Nguyễn Văn Vịnh	05/05/1977	Kim Liên	Sở GD&ĐT	100	
828	GD689	Từ Thu Nga	17/11/1977	Kim Liên	Sở GD&ĐT	100	
829	GD690	Lê Tuấn Anh	14/11/1979	Kim Liên	Sở GD&ĐT	100	
830	GD691	Trịnh Thị Hoa	12/11/1986	Kim Liên	Sở GD&ĐT	100	
831	GD692	Mai Thị Kim Chi	24/01/1985	Kim Liên	Sở GD&ĐT	100	
832	GD693	Nguyễn Minh Phương	28/06/1981	Kim Liên	Sở GD&ĐT	100	
833	GD694	Trần Thị Loan	06/06/1982	Kim Liên	Sở GD&ĐT	100	
834	GD695	Lại Thị Phương Mai	22/05/1980	Kim Liên	Sở GD&ĐT	100	
835	GD696	Hoàng Hà Phương	30/12/1985	Kim Liên	Sở GD&ĐT	100	
836	GD697	Nguyễn Văn Ngọc	05/05/1980	Lê Lợi	Sở GD&ĐT	100	
837	GD698	Lê Thị Kim Ngân	25/06/1975	Lê Lợi	Sở GD&ĐT	100	
838	GD699	Lê Thị Quỳnh	18/09/1981	Lê Lợi	Sở GD&ĐT	100	
839	GD700	Công Thị Thúy Hằng	20/02/1984	Lê Lợi	Sở GD&ĐT	100	
840	GD701	Nguyễn Thị Thu Huyền	13/01/1979	Lê Lợi	Sở GD&ĐT	100	
841	GD702	Đỗ Thị Thủy Vân	16/01/1988	Lê Lợi	Sở GD&ĐT	100	
842	GD703	Trần Thị Hồng Tiến	28/02/1978	Lê Lợi	Sở GD&ĐT	100	
843	GD704	Nguyễn Thị Hương	06/04/1980	Lê Lợi	Sở GD&ĐT	100	
844	GD705	Phạm Thị Phương Thảo	18/01/1983	Lê Lợi	Sở GD&ĐT	100	
845	GD706	Phạm Thị Thu Hường	1/10/1983	Lê Quý Đôn-Đ.Đa	Sở GD&ĐT	100	
846	GD707	Đồng Thị Thủy	5/11/1979	Lê Quý Đôn-Đ.Đa	Sở GD&ĐT	100	
847	GD708	Lê Thị Xuân Thủy	12/16/1974	Lê Quý Đôn-Đ.Đa	Sở GD&ĐT	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
848	GD709	Bùi Hương Giang	4/7/1978	Lê Quý Đôn-Đ.Đa	Sở GD&ĐT	100	
849	GD710	Nguyễn Ngọc Quỳnh	11/13/1986	Lê Quý Đôn-Đ.Đa	Sở GD&ĐT	85	Chưa đủ thời gian giữ CDNN hạng III
850	GD711	Phạm Tuyết Lê	11/13/1979	Lê Quý Đôn-Đ.Đa	Sở GD&ĐT	100	
851	GD712	Nguyễn Thị Luân	2/9/1987	Lê Quý Đôn-Đ.Đa	Sở GD&ĐT	100	
852	GD713	Vũ Hoàng Dung	2/26/1978	Lê Quý Đôn-Đ.Đa	Sở GD&ĐT	100	
853	GD714	Nguyễn Thị Thuỷ	6/15/1984	Lê Quý Đôn-Đ.Đa	Sở GD&ĐT	85	Chưa đủ thời gian giữ CDNN hạng III
854	GD715	Ngô Thị Đông	11/16/1975	Lê Quý Đôn-Đ.Đa	Sở GD&ĐT	100	
855	GD716	Trịnh Thị Ngọc Thanh	8/28/1980	Lê Quý Đôn-Đ.Đa	Sở GD&ĐT	100	
856	GD717	Mai Hoàng Anh	8/15/1975	Lê Quý Đôn-HĐ	Sở GD&ĐT	100	
857	GD718	Đinh Thị Huyền Minh	8/25/1977	Lê Quý Đôn-HĐ	Sở GD&ĐT	100	
858	GD719	Nguyễn Trung Thành	10/29/1974	Lê Quý Đôn-HĐ	Sở GD&ĐT	100	
859	GD720	Nguyễn Khắc Quang	1/20/1985	Lê Quý Đôn-HĐ	Sở GD&ĐT	100	
860	GD721	Nguyễn Thị Lan Anh	5/24/1983	Lê Quý Đôn-HĐ	Sở GD&ĐT	100	
861	GD722	Nguyễn Danh Sinh	12/8/1979	Lê Quý Đôn-HĐ	Sở GD&ĐT	100	
862	GD723	Nguyễn Hà Hưng	20/11/1977	Lê Quý Đôn-HĐ	Sở GD&ĐT	100	
863	GD724	Đinh Thị Trà Giang	7/19/1976	Lê Quý Đôn-HĐ	Sở GD&ĐT	100	
864	GD725	Trương Thị Bích Phượng	6/30/1976	Lê Quý Đôn-HĐ	Sở GD&ĐT	100	
865	GD726	Hoàng Thị Hiên	13/10/1974	Liên Hà	Sở GD&ĐT	100	
866	GD727	Đồng Văn Ánh	15/01/1977	Liên Hà	Sở GD&ĐT	100	
867	GD728	Nguyễn Chu Hạnh	14/04/1974	Liên Hà	Sở GD&ĐT	100	
868	GD729	Nguyễn Thị Nhàn	9/2/1983	Liên Hà	Sở GD&ĐT	100	
869	GD730	Nguyễn Thị Hoàng Khuyên	2/6/1989	Liên Hà	Sở GD&ĐT	100	
870	GD731	Đinh Thị Tuyền	8/10/1975	Liên Hà	Sở GD&ĐT	100	
871	GD732	Phạm Thị Thúy Giang	18/10/1981	Liên Hà	Sở GD&ĐT	100	
872	GD733	Phan Thị Minh Hạnh	16/06/1986	Liên Hà	Sở GD&ĐT	100	
873	GD734	Đặng Văn Chương	5/11/1972	Liên Hà	Sở GD&ĐT	100	
874	GD735	Nguyễn Thị Thu Hồng	26/12/1984	Liên Hà	Sở GD&ĐT	100	
875	GD736	Nguyễn Thị Hà	18/01/1976	Liên Hà	Sở GD&ĐT	100	
876	GD737	Nguyễn Huy Hùng	23/11/1979	Liên Hà	Sở GD&ĐT	100	
877	GD738	Đinh Võ Thùy Dương	12/10/1987	Liên Hà	Sở GD&ĐT	100	
878	GD739	Nguyễn Phương Thúy	18/12/1988	Liên Hà	Sở GD&ĐT	100	
879	GD740	Ngô Thị Hương	4/7/1984	Liên Hà	Sở GD&ĐT	100	
880	GD741	Nguyễn Minh Tường	11/11/1976	Liên Hà	Sở GD&ĐT	100	
881	GD742	Dư Trọng Tài	3/8/1974	Lưu Hoàng	Sở GD&ĐT	100	
882	GD743	Lê Văn Lượng	12/2/1973	Lưu Hoàng	Sở GD&ĐT	100	
883	GD744	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	5/5/1978	Lưu Hoàng	Sở GD&ĐT	100	
884	GD745	Cao Xuân Sơn	6/21/1978	Lưu Hoàng	Sở GD&ĐT	100	
885	GD746	Đinh Công Đồng	8/7/1983	Lưu Hoàng	Sở GD&ĐT	100	
886	GD747	Nguyễn Thị Tuyết	11/8/1984	Lưu Hoàng	Sở GD&ĐT	100	
887	GD748	Đoàn Văn Lợi	8/23/1981	Lưu Hoàng	Sở GD&ĐT	100	
888	GD749	Vũ Thị Hoa	10/12/1982	Lưu Hoàng	Sở GD&ĐT	100	
889	GD750	Trần Thị Thanh Nga	10/12/1980	Lưu Hoàng	Sở GD&ĐT	100	
890	GD751	Trần Quang Hanh	2/20/1982	Lưu Hoàng	Sở GD&ĐT	100	
891	GD752	Trương Thị Hiên	6/20/1988	Lưu Hoàng	Sở GD&ĐT	100	
892	GD753	Vũ Thị Nhàn	7/14/1988	Lưu Hoàng	Sở GD&ĐT	100	
893	GD754	Nguyễn Cao Cường	2/3/1979	Lưu Hoàng	Sở GD&ĐT	100	
894	GD755	Hà Thị Hải Yến	11/1/1984	Lưu Hoàng	Sở GD&ĐT	100	
895	GD756	Nguyễn Thị Liên	11/4/1973	Lý Thường Kiệt	Sở GD&ĐT	100	
896	GD757	Vũ Thị Thanh	05/6/1972	Lý Thường Kiệt	Sở GD&ĐT	100	
897	GD758	Lê Văn Thành	25/6/1987	Lý Thường Kiệt	Sở GD&ĐT	100	
898	GD759	Nguyễn Thùy Nga	18/8/1985	Lý Thường Kiệt	Sở GD&ĐT	100	
899	GD760	Phạm Thị Thanh Hà	04/6/1986	Lý Thường Kiệt	Sở GD&ĐT	100	
900	GD761	Nguyễn Thu Thảo	18/11/1980	Lý Thường Kiệt	Sở GD&ĐT	100	
901	GD762	Nguyễn Thị Phượng	25/9/1988	Lý Thường Kiệt	Sở GD&ĐT	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
902	GD763	Nguyễn Thị Đào	24/3/1980	Lý Thường Kiệt	Sở GD&ĐT	100	
903	GD764	Nguyễn Thị Thắng	19/7/1975	Lý Thường Kiệt	Sở GD&ĐT	100	
904	GD765	Vũ Văn Hiền	06/12/1976	Lý Thường Kiệt	Sở GD&ĐT	100	
905	GD766	Nguyễn Thị Diệu Thuý	5/23/1985	Lý Tử Tấn	Sở GD&ĐT	100	
906	GD767	Trịnh Minh Sáng	3/2/1976	Lý Tử Tấn	Sở GD&ĐT	100	
907	GD768	Hà Tiến Giang	5/19/1982	Lý Tử Tấn	Sở GD&ĐT	100	
908	GD769	Nguyễn Thị Thùy Chi	10/8/1988	Lý Tử Tấn	Sở GD&ĐT	100	
909	GD770	Lương Thị Phượng	8/9/1988	Lý Tử Tấn	Sở GD&ĐT	100	
910	GD771	Nguyễn Tuấn	12/10/1973	Lý Tử Tấn	Sở GD&ĐT	100	
911	GD772	Hà Văn Khiêm	3/20/1978	Lý Tử Tấn	Sở GD&ĐT	100	
912	GD773	Dương Văn Đông	9/15/1984	Lý Tử Tấn	Sở GD&ĐT	100	
913	GD774	Phạm Thanh Tùng	8/20/1989	Lý Tử Tấn	Sở GD&ĐT	100	
914	GD775	Hoàng Thị Thơm	2/1/1980	Lý Tử Tấn	Sở GD&ĐT	100	
915	GD776	Nguyễn Thị Thu Hằng	7/15/1985	Lý Tử Tấn	Sở GD&ĐT	100	
916	GD777	Đỗ Văn Hiền	1/25/1979	Lý Tử Tấn	Sở GD&ĐT	100	
917	GD778	Đặng Thị Thanh Thủy	13/08/1980	Mê Linh	Sở GD&ĐT	100	
918	GD779	Lưu Quý Trường	10/05/1976	Mê Linh	Sở GD&ĐT	100	
919	GD780	Đỗ Thị Tú	5/23/1986	Minh Hà	Sở GD&ĐT	100	
920	GD781	Nguyễn Thị Minh Phương	30/12/1975	Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
921	GD782	Kiều Hải Châu	10/06/1981	Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
922	GD783	Nguyễn Xuân Lâm	17/11/1970	Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
923	GD784	Đỗ Thị Phi Anh	15/11/1976	Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
924	GD785	Nguyễn Hữu Công	26/03/1976	Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
925	GD786	Nguyễn Thị Thu Hiền	20/07/1975	Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
926	GD787	Nguyễn Đức Toàn	22/10/1982	Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
927	GD788	Kiều Thị Phương Ngân	20/11/1978	Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
928	GD789	Nguyễn Văn Cường	12/07/1980	Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
929	GD790	Hoàng Thị Vân Anh	20/12/1976	Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
930	GD791	Phan Thị Mậu	20/07/1978	Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
931	GD792	Đoàn Thị Vinh	01/09/1983	Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
932	GD793	Nguyễn Thị Thu Thủy	06/11/1981	Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
933	GD794	Hoàng Đình Thái	13/06/1976	Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
934	GD795	Dương Hải Nam	16/10/1974	Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
935	GD796	Nguyễn Thu Huyền	28/0/1990	Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
936	GD797	Hoàng Thị Minh Trang	19/07/1984	Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
937	GD798	Nguyễn Thị Hằng	05/11/1977	Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
938	GD799	Đỗ Văn Lượng	27/07/1980	Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
939	GD800	Lê Thùy An	26/12/1988	Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
940	GD801	Đặng Hồng Ngọc	11/05/1978	Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
941	GD802	Vương Thị Thúy Hậu	04/07/1981	Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
942	GD803	Nguyễn Thị Nguyệt	13/01/1983	Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
943	GD804	Nguyễn Thị Lệ	10/10/1984	Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
944	GD805	Nguyễn Thị Thuận	04/09/1987	Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
945	GD806	Vũ Tất Thắng	03/02/1978	Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
946	GD807	Nguyễn Thị Thanh Thủy	28/10/1983	Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
947	GD808	Vương Thành Trung	25/12/1975	Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
948	GD809	Ngô Đức Thực	13/10/1981	Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
949	GD810	Vũ Hồng Quân	18/01/1983	Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
950	GD811	Đỗ Thị Ngọc	04/03/1978	Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
951	GD812	Nguyễn Thị Kim Xuyên	01/04/1979	Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
952	GD813	Bùi Thị Xuyên	21/10/1979	Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
953	GD814	Lê Thị Dung	28/04/1983	Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
954	GD815	Nguyễn Thu Phương	07/09/1989	Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
955	GD816	Nguyễn Thị Như Anh	08/06/1984	Minh Phú	Sở GD&ĐT	100	
956	GD817	Nguyễn Phương Thảo	02/02/1984	Minh Phú	Sở GD&ĐT	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
957	GD818	Hà Thị Minh Thuý	14/01/1986	Minh Phú	Sở GD&ĐT	100	
958	GD819	Nguyễn Thị Thu Hiền	29/01/1986	Minh Phú	Sở GD&ĐT	100	
959	GD820	Vũ Văn Quý	8/19/1973	Minh Quang	Sở GD&ĐT	100	
960	GD821	Đỗ Đăng Điệp	10/10/1987	Minh Quang	Sở GD&ĐT	100	
961	GD822	Lý Thị Thanh Mai	10/29/1977	Mỹ Đình	Sở GD&ĐT	100	
962	GD823	Đỗ Thị Ngọc Hằng	1/19/1980	Mỹ Đình	Sở GD&ĐT	100	
963	GD824	Nguyễn Thị Thanh	2/12/1977	Mỹ Đình	Sở GD&ĐT	100	
964	GD825	Nguyễn Phương Nhân	7/28/1987	Mỹ Đình	Sở GD&ĐT	100	
965	GD826	Nguyễn Thị Thúy	2/6/1985	Mỹ Đình	Sở GD&ĐT	100	
966	GD827	Nguyễn Thị Yến My	1/4/1984	Mỹ Đình	Sở GD&ĐT	100	
967	GD828	Nguyễn Thị Thơm	1/3/1989	Mỹ Đình	Sở GD&ĐT	100	
968	GD829	Bùi Đức Hòa	07/10/1973	Mỹ Đức A	Sở GD&ĐT	100	
969	GD830	Lưu Thị Lệ	04/03/1968	Mỹ Đức A	Sở GD&ĐT	100	
970	GD831	Nguyễn Thị Nhân	13/10/1974	Mỹ Đức A	Sở GD&ĐT	100	
971	GD832	Trịnh Xuân Hoàng	02/05/1980	Mỹ Đức A	Sở GD&ĐT	100	
972	GD833	Nguyễn Thị Thanh	05/12/1977	Mỹ Đức A	Sở GD&ĐT	100	
973	GD834	Nguyễn Thị Dung	09/12/1979	Mỹ Đức A	Sở GD&ĐT	100	
974	GD835	Phạm Văn Cao	12/04/1980	Mỹ Đức A	Sở GD&ĐT	100	
975	GD836	Đặng Thị Huyền Thanh	17/12/1986	Mỹ Đức A	Sở GD&ĐT	100	
976	GD837	Hoàng Kiều Mai Trang	04/10/1977	Mỹ Đức A	Sở GD&ĐT	100	
977	GD838	Lê Thị Thanh Lâm	02/01/1978	Mỹ Đức A	Sở GD&ĐT	100	
978	GD839	Nguyễn Thị Đông	02/09/1980	Mỹ Đức A	Sở GD&ĐT	100	
979	GD840	Trịnh Thế Hưng	30/12/1981	Mỹ Đức A	Sở GD&ĐT	100	
980	GD841	Đinh Thị Hồng Dung	02/01/1983	Mỹ Đức A	Sở GD&ĐT	100	
981	GD842	Dư Thị Hải	12/01/1987	Mỹ Đức A	Sở GD&ĐT	100	
982	GD843	Hoàng Thị Hưng	20/03/1977	Mỹ Đức A	Sở GD&ĐT	100	
983	GD844	Nguyễn Thị An	09/08/1977	Mỹ Đức A	Sở GD&ĐT	100	
984	GD845	Nguyễn Thu Hà	02/02/1978	Mỹ Đức A	Sở GD&ĐT	100	
985	GD846	Đỗ Quỳnh Hoa	02/04/1978	Mỹ Đức A	Sở GD&ĐT	100	
986	GD847	Lê Thị Hường	19/05/1978	Mỹ Đức A	Sở GD&ĐT	100	
987	GD848	Nguyễn Thị Thủy	29/10/1978	Mỹ Đức A	Sở GD&ĐT	100	
988	GD849	Lê Thị Hồng Liên	03/11/1978	Mỹ Đức A	Sở GD&ĐT	100	
989	GD850	Trần Thị Tố Uyên	19/01/1979	Mỹ Đức A	Sở GD&ĐT	100	
990	GD851	Nguyễn Hà Thanh	03/04/1979	Mỹ Đức A	Sở GD&ĐT	100	
991	GD852	Trần Trung Đông	24/12/1979	Mỹ Đức A	Sở GD&ĐT	100	
992	GD853	Phùng Thị Hường	27/03/1980	Mỹ Đức A	Sở GD&ĐT	100	
993	GD854	Nguyễn Thị Nụ	20/12/1980	Mỹ Đức A	Sở GD&ĐT	100	
994	GD855	Bùi Thị Hiền	04/02/1981	Mỹ Đức A	Sở GD&ĐT	100	
995	GD856	Lê Hà Thu	28/08/1981	Mỹ Đức A	Sở GD&ĐT	100	
996	GD857	Lê Thị Tuyền	26/10/1981	Mỹ Đức A	Sở GD&ĐT	100	
997	GD858	Nguyễn Viết Đồng	08/03/1981	Mỹ Đức A	Sở GD&ĐT	100	
998	GD859	Đinh Thị Huế	20/02/1982	Mỹ Đức A	Sở GD&ĐT	100	
999	GD860	Bạch Thị Thu Trang	05/08/1983	Mỹ Đức A	Sở GD&ĐT	100	
1000	GD861	Nguyễn Văn Thuần	24/08/1983	Mỹ Đức A	Sở GD&ĐT	100	
1001	GD862	Nguyễn Thị Thanh Hoàn	01/06/1984	Mỹ Đức A	Sở GD&ĐT	100	
1002	GD863	Nguyễn Thị Thanh Thoa	03/08/1984	Mỹ Đức A	Sở GD&ĐT	100	
1003	GD864	Nguyễn Thị Hà	19/06/1985	Mỹ Đức A	Sở GD&ĐT	100	
1004	GD865	Nguyễn Thị Hồng	14/09/1985	Mỹ Đức A	Sở GD&ĐT	100	
1005	GD866	Nguyễn Thị Thủy	10/12/1985	Mỹ Đức A	Sở GD&ĐT	100	
1006	GD867	Đào Thị Hồng Xuân	12/03/1987	Mỹ Đức A	Sở GD&ĐT	100	
1007	GD868	Nguyễn Thị Nhân	30/03/1987	Mỹ Đức A	Sở GD&ĐT	100	
1008	GD869	Lê Quang Tuấn	20/01/1975	Mỹ Đức B	Sở GD&ĐT	100	
1009	GD870	Lưu Thị Oanh	20/12/1975	Mỹ Đức B	Sở GD&ĐT	100	
1010	GD871	Cao Văn Ngọc	8/12/1972	Mỹ Đức B	Sở GD&ĐT	100	
1011	GD872	Vương Thị Thắm	12/6/1975	Mỹ Đức B	Sở GD&ĐT	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1012	GD873	Phùng Văn Trung	12/7/1977	Mỹ Đức B	Sở GD&ĐT	100	
1013	GD874	Nguyễn Thị Khuyến	28/8/1981	Mỹ Đức B	Sở GD&ĐT	100	
1014	GD875	Nguyễn Thị Ngọc	28/10/1988	Mỹ Đức B	Sở GD&ĐT	100	
1015	GD876	Đinh Thị Ngọc	28/10/1988	Mỹ Đức B	Sở GD&ĐT	100	
1016	GD877	Trần Thị Dung	7/6/1979	Mỹ Đức B	Sở GD&ĐT	100	
1017	GD878	Vũ Thị Thu Thơm	2/4/1979	Mỹ Đức B	Sở GD&ĐT	100	
1018	GD879	Nguyễn Hữu Hanh	15/6/1980	Mỹ Đức B	Sở GD&ĐT	100	
1019	GD880	Nguyễn Thị Tầm	11/5/1986	Mỹ Đức B	Sở GD&ĐT	100	
1020	GD881	Nguyễn Thị Bình	27/4/1987	Mỹ Đức B	Sở GD&ĐT	100	
1021	GD882	Nguyễn Thị Hạnh	10/3/1985	Mỹ Đức B	Sở GD&ĐT	100	
1022	GD883	Đinh Thị Hoa Lý	7/4/1976	Mỹ Đức B	Sở GD&ĐT	100	
1023	GD884	Phạm Hùng Ca	4/19/1975	Mỹ Đức C	Sở GD&ĐT	100	
1024	GD885	Đỗ Thị Thuận	1/3/1987	Mỹ Đức C	Sở GD&ĐT	100	
1025	GD886	Đỗ Thị Thò	8/8/1968	Mỹ Đức C	Sở GD&ĐT	100	
1026	GD887	Lê Văn Thanh	12/17/1971	Mỹ Đức C	Sở GD&ĐT	100	
1027	GD888	Trần Văn Phú	1/6/1978	Mỹ Đức C	Sở GD&ĐT	100	
1028	GD889	Nguyễn Thị Bích Liên	5/29/1981	Mỹ Đức C	Sở GD&ĐT	100	
1029	GD890	Lê Thị Lục	7/12/1972	Mỹ Đức C	Sở GD&ĐT	100	
1030	GD891	Lại Tiến Hùng	11/6/1974	Mỹ Đức C	Sở GD&ĐT	100	
1031	GD892	Hoàng Thanh Cao	12/4/1981	Mỹ Đức C	Sở GD&ĐT	100	
1032	GD893	Nguyễn Thị Huyền	10/19/1989	Mỹ Đức C	Sở GD&ĐT	100	
1033	GD894	Trần Quang Huy	2/12/1983	Mỹ Đức C	Sở GD&ĐT	100	
1034	GD895	Đinh Mạnh Thắng	9/13/1988	Mỹ Đức C	Sở GD&ĐT	100	
1035	GD896	Hoàng Thuận	8/29/1981	Mỹ Đức C	Sở GD&ĐT	100	
1036	GD897	Bùi Quốc Hùng	9/27/1984	Mỹ Đức C	Sở GD&ĐT	100	
1037	GD898	Hoàng Mạnh Cường	12/3/1983	Mỹ Đức C	Sở GD&ĐT	100	
1038	GD899	Phạm Mai Trang	8/5/1984	Mỹ Đức C	Sở GD&ĐT	100	
1039	GD900	Lê Thị Hoài	11/26/1982	Mỹ Đức C	Sở GD&ĐT	100	
1040	GD901	Phạm Thị Hồng	11/29/1984	Mỹ Đức C	Sở GD&ĐT	100	
1041	GD902	Đào Cẩm Lệ	7/10/1985	Mỹ Đức C	Sở GD&ĐT	100	
1042	GD903	Lê Thị Liên	7/25/1987	Mỹ Đức C	Sở GD&ĐT	100	
1043	GD904	Hoàng Thị Phương	3/4/1979	Mỹ Đức C	Sở GD&ĐT	100	
1044	GD905	Đỗ Thị Thơm	10/9/1984	Mỹ Đức C	Sở GD&ĐT	100	
1045	GD906	Phạm Thị Thanh	10/9/1984	Mỹ Đức C	Sở GD&ĐT	100	
1046	GD907	Đào Xuân Cương	9/30/1981	Mỹ Đức C	Sở GD&ĐT	100	
1047	GD908	Vũ Văn Bốn	6/24/1983	Mỹ Đức C	Sở GD&ĐT	100	
1048	GD909	Đinh Thị Minh Hải	11/10/1982	Mỹ Đức C	Sở GD&ĐT	100	
1049	GD910	Nguyễn Thị Hà Ly	5/27/1987	Mỹ Đức C	Sở GD&ĐT	100	
1050	GD911	Nguyễn Văn Tuấn	4/21/1984	Mỹ Đức C	Sở GD&ĐT	100	
1051	GD912	Trịnh Ngọc Huân	12/6/1984	Mỹ Đức C	Sở GD&ĐT	100	
1052	GD913	Trịnh Thị Hằng Nga	10/18/1984	Mỹ Đức C	Sở GD&ĐT	100	
1053	GD914	Nguyễn Thành Phong	8/8/1982	Mỹ Đức C	Sở GD&ĐT	100	
1054	GD915	Nguyễn Thị Phương Thảo	12/02/1977	Ngô Quyền-B.Vì	Sở GD&ĐT	100	
1055	GD916	Phùng Thị Vượng	16/06/1986	Ngô Quyền-B.Vì	Sở GD&ĐT	100	
1056	GD917	Nguyễn Anh Tuấn	29/03/1976	Ngô Quyền-B.Vì	Sở GD&ĐT	95	Không có bản đánh giá xếp loại viên chức năm học 2021-2022
1057	GD918	Chu Minh Thoại	06/01/1977	Ngô Quyền-B.Vì	Sở GD&ĐT	95	Không có bản đánh giá xếp loại viên chức năm học 2021-2022
1058	GD919	Lê Văn Tạo	14/03/1969	Ngô Quyền-B.Vì	Sở GD&ĐT	100	
1059	GD920	Hoàng Minh Biết	29/06/1976	Ngô Quyền-B.Vì	Sở GD&ĐT	100	
1060	GD921	Nguyễn Hoàng Tùng	02/04/1970	Ngô Quyền-B.Vì	Sở GD&ĐT	95	Không có bản đánh giá xếp loại viên chức năm học 2021-2022
1061	GD922	Lê Thị Kim Hanh	06/01/1985	Ngô Quyền-B.Vì	Sở GD&ĐT	100	
1062	GD923	Nguyễn Hoàng Long	10/05/1982	Ngô Quyền-B.Vì	Sở GD&ĐT	95	Không có bản đánh giá xếp loại viên chức năm học 2021-2022

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1063	GD924	Nguyễn Thị Thu Hòa	25/04/1977	Ngô Quyền-B.Vì	Sở GD&ĐT	95	Không có bản đánh giá xếp loại viên chức năm học 2021-2022
1064	GD925	Phương Thị Thùy Ninh	01/12/1988	Ngô Quyền-B.Vì	Sở GD&ĐT	95	Không có bản đánh giá xếp loại viên chức năm học 2021-2022
1065	GD926	Chu Nam Phong	23/06/1977	Ngô Quyền-B.Vì	Sở GD&ĐT	100	
1066	GD927	Nguyễn Thị Thu Hằng	21/11/1983	Ngô Quyền-B.Vì	Sở GD&ĐT	95	Không có bản đánh giá xếp loại viên chức năm học 2021-2022
1067	GD928	Chu Văn Thế	23/01/1980	Ngô Quyền-B.Vì	Sở GD&ĐT	95	Không có bản đánh giá xếp loại viên chức năm học 2021-2022
1068	GD929	Đỗ Thị Tâm	06/02/1983	Ngô Quyền-B.Vì	Sở GD&ĐT	95	Không có bản đánh giá xếp loại viên chức năm học 2021-2022
1069	GD930	Quách Minh Ngân	10/11/1981	Ngô Quyền-B.Vì	Sở GD&ĐT	95	Không có bản đánh giá xếp loại viên chức năm học 2021-2022
1070	GD931	Lê Thu Phương	06/11/1977	Ngô Quyền-B.Vì	Sở GD&ĐT	95	Không có bản đánh giá xếp loại viên chức năm học 2021-2022
1071	GD932	Bùi Thị Minh Thọ	15/07/1977	Ngô Quyền-B.Vì	Sở GD&ĐT	100	
1072	GD933	Lê Thị Ánh Hồng	18/03/1984	Ngô Quyền-B.Vì	Sở GD&ĐT	95	Không có bản đánh giá xếp loại viên chức năm học 2021-2022
1073	GD934	Lê Thị Trà	8/3/1984	Ngô Thị Nhậm	Sở GD&ĐT	100	
1074	GD935	Nguyễn Thị Phụng	7/18/1979	Ngô Thị Nhậm	Sở GD&ĐT	100	
1075	GD936	Phạm Thị Thu Hằng	1/14/1982	Ngô Thị Nhậm	Sở GD&ĐT	100	
1076	GD937	Vương Văn Phan	4/14/1988	Ngô Thị Nhậm	Sở GD&ĐT	100	
1077	GD938	Trần Hương Giang	4/10/1974	Ngô Thị Nhậm	Sở GD&ĐT	100	
1078	GD939	Trịnh Thị Nga	2/1/1986	Ngô Thị Nhậm	Sở GD&ĐT	100	
1079	GD940	Phan Ngọc Mai	12/8/1977	Ngô Thị Nhậm	Sở GD&ĐT	100	
1080	GD941	Đỗ Đình Thường	8/25/1980	Ngô Thị Nhậm	Sở GD&ĐT	100	
1081	GD942	Phạm Thị Thu Hào	11/3/1984	Ngô Thị Nhậm	Sở GD&ĐT	100	
1082	GD943	Vũ Thị Lân	2/15/1978	Ngô Thị Nhậm	Sở GD&ĐT	100	
1083	GD944	Hoàng Anh	9/22/1978	Ngô Thị Nhậm	Sở GD&ĐT	100	
1084	GD945	Lê Thị Thu	27/04/1976	Ngọc Hồi	Sở GD&ĐT	100	
1085	GD946	Lê Hải Vân	20/12/1985	Ngọc Hồi	Sở GD&ĐT	100	
1086	GD947	Vũ Thị Hoài Thu	05/9/1974	Ngọc Hồi	Sở GD&ĐT	100	
1087	GD948	Lã Thị Thu Thủy	27/12/1981	Ngọc Hồi	Sở GD&ĐT	100	
1088	GD949	Ngô Thị Minh Châu	24/03/1977	Ngọc Hồi	Sở GD&ĐT	100	
1089	GD950	Trần Thanh Thủy	25/10/1988	Ngọc Hồi	Sở GD&ĐT	100	
1090	GD951	Đỗ Thị Ngọc Thúy	16/11/1986	Ngọc Hồi	Sở GD&ĐT	100	
1091	GD952	Nguyễn Kim Chung	18/08/1971	Ngọc Hồi	Sở GD&ĐT	100	
1092	GD953	Trần Thị Thu Hiền	23/01/1975	Ngọc Hồi	Sở GD&ĐT	100	
1093	GD954	Nguyễn Thị Việt Hoa	20/04/1972	Ngọc Hồi	Sở GD&ĐT	100	
1094	GD955	Lê Thị Nga	10/10/1984	Ngọc Hồi	Sở GD&ĐT	100	
1095	GD956	Đào Thị Ngọc Ánh	27/12/1983	Ngọc Hồi	Sở GD&ĐT	100	
1096	GD957	Kim Thị Phương	21/04/1987	Ngọc Hồi	Sở GD&ĐT	100	
1097	GD958	Trần Thị Hằng Nga	28/12/1987	Ngọc Hồi	Sở GD&ĐT	100	
1098	GD959	Phạm Thúy Hiền	27/08/1984	Ngọc Hồi	Sở GD&ĐT	100	
1099	GD960	Phạm Thị Thùy	12/05/1983	Ngọc Hồi	Sở GD&ĐT	100	
1100	GD961	Mai Thị Thùy	13/02/1980	Ngọc Hồi	Sở GD&ĐT	85	Thiếu QĐ bổ nhiệm CDNN V.07.05.15
1101	GD962	Phạm Thị Quỳnh	28/02/1984	Ngọc Hồi	Sở GD&ĐT	100	
1102	GD963	Nguyễn Huỳnh Minh	16/12/1986	Ngọc Hồi	Sở GD&ĐT	100	
1103	GD964	Lương Thị Lan	27/08/1984	Ngọc Hồi	Sở GD&ĐT	100	
1104	GD965	Nguyễn Thị Hà	16/04/1983	Ngọc Hồi	Sở GD&ĐT	100	
1105	GD966	Nguyễn Thị Hải	11/05/1978	Ngọc Hồi	Sở GD&ĐT	100	
1106	GD967	Trương Thị Thanh Thủy	20/08/1978	Ngọc Hồi	Sở GD&ĐT	100	
1107	GD968	Nguyễn Thị Minh Phượng	23/03/1977	Ngọc Hồi	Sở GD&ĐT	100	
1108	GD969	Nguyễn Thị Cúc	27/11/1978	Ngọc Hồi	Sở GD&ĐT	100	
1109	GD970	Phí Thị Kim Thoa	27/10/1978	Ngọc Hồi	Sở GD&ĐT	100	
1110	GD971	Nguyễn Thị Thu Anh	18/09/1976	Ngọc Hồi	Sở GD&ĐT	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1111	GD972	Trần Thị Diệp	21/08/1988	Ngọc Hồi	Sở GD&ĐT	100	
1112	GD973	Hoàng Nghĩa	6/18/1972	Ngọc Tảo	Sở GD&ĐT	100	
1113	GD974	Đỗ Đăng Khoa	2/21/1971	Ngọc Tảo	Sở GD&ĐT	100	
1114	GD975	Phan Thị An	1/18/1981	Ngọc Tảo	Sở GD&ĐT	100	
1115	GD976	Cao Đức Bình	5/2/1983	Ngọc Tảo	Sở GD&ĐT	100	
1116	GD977	Nguyễn Đình Hùng	2/24/1979	Ngọc Tảo	Sở GD&ĐT	100	
1117	GD978	Phan Anh Dũng	8/5/1977	Ngọc Tảo	Sở GD&ĐT	100	
1118	GD979	Khuất Thị Phụng	5/20/1984	Ngọc Tảo	Sở GD&ĐT	100	
1119	GD980	Trần Thị Phương	8/10/1984	Ngọc Tảo	Sở GD&ĐT	100	
1120	GD981	Đỗ Thị Thu Huyền	10/17/1979	Ngọc Tảo	Sở GD&ĐT	100	
1121	GD982	Đỗ Thị Bình	8/26/1978	Ngọc Tảo	Sở GD&ĐT	100	
1122	GD983	Giang Thị Hợp	8/9/1979	Ngọc Tảo	Sở GD&ĐT	100	
1123	GD984	Khuất Thị Mai Hương	9/2/1977	Ngọc Tảo	Sở GD&ĐT	100	
1124	GD985	Phùng Thị Thanh Thúy	6/7/1986	Ngọc Tảo	Sở GD&ĐT	100	
1125	GD986	Phí Thị Hải Yến	11/14/1988	Ngọc Tảo	Sở GD&ĐT	100	
1126	GD987	Trần Thị Thông	9/14/1990	Ngọc Tảo	Sở GD&ĐT	100	
1127	GD988	Nguyễn Thị Anh Đào	10/30/1979	Ngọc Tảo	Sở GD&ĐT	100	
1128	GD989	Nguyễn Thị Loan	30/02/1979	Ngọc Tảo	Sở GD&ĐT	100	
1129	GD990	Đỗ Thị Lương	3/12/1983	Ngọc Tảo	Sở GD&ĐT	100	
1130	GD991	Mẫn Thị Minh Phương	3/1/1978	Ngọc Tảo	Sở GD&ĐT	100	
1131	GD992	Đoàn Thị Hà	5/27/1977	Ngọc Tảo	Sở GD&ĐT	100	
1132	GD993	Dương Thị Hiền	5/11/1980	Ngọc Tảo	Sở GD&ĐT	100	
1133	GD994	Phan Thị Dung	12/22/1989	Ngọc Tảo	Sở GD&ĐT	100	
1134	GD995	Phạm Thị Tâm	1/16/1981	Ngọc Tảo	Sở GD&ĐT	100	
1135	GD996	Nguyễn Văn Đại	2/15/1975	Ngọc Tảo	Sở GD&ĐT	100	
1136	GD997	Vũ Thị Hương	1/23/1979	Ngọc Tảo	Sở GD&ĐT	100	
1137	GD998	Vũ Thị Hải	2/6/1980	Ngọc Tảo	Sở GD&ĐT	100	
1138	GD999	Cần Thị Phụng	2/17/1981	Ngọc Tảo	Sở GD&ĐT	100	
1139	GD1000	Nguyễn Thị Thanh Huyền	12/24/1983	Ngọc Tảo	Sở GD&ĐT	100	
1140	GD1001	Đỗ Thị Thoa	3/18/1976	Ngọc Tảo	Sở GD&ĐT	100	
1141	GD1002	Đặng Thị Thanh Hải	10/20/1979	Ngọc Tảo	Sở GD&ĐT	100	
1142	GD1003	Nguyễn Thị Nga	1/4/1978	Ngọc Tảo	Sở GD&ĐT	100	
1143	GD1004	Nguyễn Thị Nga	11/19/1981	Ngọc Tảo	Sở GD&ĐT	100	
1144	GD1005	Vũ Ngọc Chiến	9/2/1981	Nguyễn Du-T.Oai	Sở GD&ĐT	100	
1145	GD1006	Lê Xuân Nghị	10/6/1979	Nguyễn Du-T.Oai	Sở GD&ĐT	100	
1146	GD1007	Lê Thị Thuý Hoa	12/4/1976	Nguyễn Du-T.Oai	Sở GD&ĐT	100	
1147	GD1008	Ngô Thị Thuý Lộc	4/8/1977	Nguyễn Du-T.Oai	Sở GD&ĐT	100	
1148	GD1009	Lê Thị Thu Hường	1/7/1977	Nguyễn Du-T.Oai	Sở GD&ĐT	100	
1149	GD1010	Nguyễn Thị Nga	11/24/1978	Nguyễn Du-T.Oai	Sở GD&ĐT	100	
1150	GD1011	Hà Thị Minh Hằng	3/20/1977	Nguyễn Du-T.Oai	Sở GD&ĐT	100	
1151	GD1012	Trần Văn Tiến	26/10/1979	Nguyễn Du-T.Oai	Sở GD&ĐT	85	Thiếu QĐ bổ nhiệm CDNN V.07.05.15
1152	GD1013	Phạm Ngọc Công	03/01/1977	Nguyễn Du-T.Oai	Sở GD&ĐT	100	
1153	GD1014	Nguyễn Thị Minh	2/28/1979	Nguyễn Du-T.Oai	Sở GD&ĐT	100	
1154	GD1015	Nguyễn Thị Gập	7/4/1976	Nguyễn Du-T.Oai	Sở GD&ĐT	100	
1155	GD1016	Vũ Thị Hạnh	2/25/1985	Nguyễn Du-T.Oai	Sở GD&ĐT	100	
1156	GD1017	Trần Thị Hoài Nam	4/8/1976	Nguyễn Du-T.Oai	Sở GD&ĐT	100	
1157	GD1018	Phạm Thị Hiếu	11/12/1982	Nguyễn Du-T.Oai	Sở GD&ĐT	100	
1158	GD1019	Nguyễn Thuý Hải	8/25/1978	Nguyễn Du-T.Oai	Sở GD&ĐT	100	
1159	GD1020	Lê Thanh Hiền	12/18/1981	Nguyễn Du-T.Oai	Sở GD&ĐT	100	
1160	GD1021	Nguyễn Thị Mai	2/3/1978	Nguyễn Du-T.Oai	Sở GD&ĐT	100	
1161	GD1022	Nguyễn Thu Trang	5/11/1984	Nguyễn Du-T.Oai	Sở GD&ĐT	100	
1162	GD1023	Phùng Thị Vui	7/17/1980	Nguyễn Du-T.Oai	Sở GD&ĐT	100	
1163	GD1024	Nguyễn Lương Luyến	8/14/1984	Nguyễn Du-T.Oai	Sở GD&ĐT	100	
1164	GD1025	Phạm Thị Hồng Yến	10/20/1987	Nguyễn Du-T.Oai	Sở GD&ĐT	100	
1165	GD1026	Lê Thị Ngọc Dung	8/11/1981	Nguyễn Du-T.Oai	Sở GD&ĐT	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1166	GD1027	Nguyễn Thị Huyền	12/21/1976	Nguyễn Du-T.Oai	Sở GD&ĐT	100	
1167	GD1028	Mai Thị Thành	11/11/1984	Nguyễn Du-T.Oai	Sở GD&ĐT	100	
1168	GD1029	Lê Thị Hiền	11/19/1980	Nguyễn Du-T.Oai	Sở GD&ĐT	100	
1169	GD1030	Bùi Văn Trung	1/1/1976	Nguyễn Du-T.Oai	Sở GD&ĐT	100	
1170	GD1031	Trần Thị Hằng	7/22/1979	Nguyễn Du-T.Oai	Sở GD&ĐT	100	
1171	GD1032	Nguyễn Thị Thanh Trang	9/23/1979	Nguyễn Du-T.Oai	Sở GD&ĐT	100	
1172	GD1033	Lê Trung Kiên	10/30/1973	Nguyễn Gia Thiều	Sở GD&ĐT	95	Không có bản đánh giá xếp loại viên chức năm học 2021-2022
1173	GD1034	Đỗ Văn Khoa	9/24/1983	Nguyễn Gia Thiều	Sở GD&ĐT	100	
1174	GD1035	Lê Hồng Linh	1/7/1977	Nguyễn Gia Thiều	Sở GD&ĐT	100	
1175	GD1036	Lê Thị Thu Hiền	3/25/1980	Nguyễn Gia Thiều	Sở GD&ĐT	100	
1176	GD1037	Đỗ Thanh Thảo	5/2/1978	Nguyễn Gia Thiều	Sở GD&ĐT	100	
1177	GD1038	Ngô Minh Hiếu	6/17/1981	Nguyễn Gia Thiều	Sở GD&ĐT	100	
1178	GD1039	Lê Thị Nhung	12/20/1983	Nguyễn Gia Thiều	Sở GD&ĐT	100	
1179	GD1040	Nguyễn Thu Huyền	12/30/1987	Nguyễn Gia Thiều	Sở GD&ĐT	100	
1180	GD1041	Đỗ Thị Mai	11/29/1988	Nguyễn Gia Thiều	Sở GD&ĐT	100	
1181	GD1042	Đào Thị Dung	10/29/1978	Nguyễn Gia Thiều	Sở GD&ĐT	100	
1182	GD1043	Đào Thị Thu Mai	11/15/1981	Nguyễn Gia Thiều	Sở GD&ĐT	100	
1183	GD1044	Trần Ngọc Mai	9/11/1986	Nguyễn Gia Thiều	Sở GD&ĐT	100	
1184	GD1045	Nguyễn Thị Thu Trang	9/13/1979	Nguyễn Gia Thiều	Sở GD&ĐT	100	
1185	GD1046	Nguyễn Diệu Huyền	10/27/1984	Nguyễn Gia Thiều	Sở GD&ĐT	100	
1186	GD1047	Thân Thị Thu Hằng	9/10/1985	Nguyễn Gia Thiều	Sở GD&ĐT	100	
1187	GD1048	Đinh Thị Phương Nga	2/18/1984	Nguyễn Gia Thiều	Sở GD&ĐT	100	
1188	GD1049	Nguyễn Nguyệt Huệ	9/4/1983	Nguyễn Gia Thiều	Sở GD&ĐT	100	
1189	GD1050	Nguyễn Hải Anh	8/22/1988	Nguyễn Gia Thiều	Sở GD&ĐT	100	
1190	GD1051	Nguyễn Thị Mai Anh	7/31/1986	Nguyễn Gia Thiều	Sở GD&ĐT	100	
1191	GD1052	Hoàng Thị Vân	9/25/1984	Nguyễn Gia Thiều	Sở GD&ĐT	100	
1192	GD1053	Trần Thị Hà	2/18/1976	Nguyễn Quốc Trinh	Sở GD&ĐT	100	
1193	GD1054	Đặng Thị Thanh Hương	6/9/1984	Nguyễn Quốc Trinh	Sở GD&ĐT	100	
1194	GD1055	Phạm Việt Hòa	10/3/1979	Nguyễn Quốc Trinh	Sở GD&ĐT	100	
1195	GD1056	Lương Văn Cảnh	12/3/1985	Nguyễn Quốc Trinh	Sở GD&ĐT	100	
1196	GD1057	Nguyễn Thị Hồng Chuyên	2/17/1977	Nguyễn Quốc Trinh	Sở GD&ĐT	100	
1197	GD1058	Hoàng Thị Thu Thảo	12/23/1989	Nguyễn Quốc Trinh	Sở GD&ĐT	100	
1198	GD1059	Lê Thị Dương	1/17/1977	Nguyễn Quốc Trinh	Sở GD&ĐT	100	
1199	GD1060	Nguyễn Thị Mai Hạnh	3/8/1987	Nguyễn Quốc Trinh	Sở GD&ĐT	100	
1200	GD1061	Nguyễn Hữu Thái	5/13/1984	Nguyễn Quốc Trinh	Sở GD&ĐT	100	
1201	GD1062	Nguyễn Ngọc Ngan	4/10/1981	Nguyễn Quốc Trinh	Sở GD&ĐT	100	
1202	GD1063	Nguyễn Thị Phương	4/25/1984	Nguyễn Quốc Trinh	Sở GD&ĐT	100	
1203	GD1064	Trần Thị Thu Hường	9/6/1976	Ng Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
1204	GD1065	Trần Thị Lan Oanh	11/17/1974	Ng Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
1205	GD1066	Phạm Anh Toàn	4/13/1989	Ng Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
1206	GD1067	Trần Thị Thuý Hằng	11/13/1972	Ng Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
1207	GD1068	Nguyễn Thị Minh Nga	9/9/1980	Ng Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
1208	GD1069	Bùi Hoàng Lan	2/11/1970	Ng Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
1209	GD1070	Nguyễn Thị Thuý Hằng	11/10/1977	Ng Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1210	GD1071	Nguyễn Thị Phương Mai	10/24/1982	Ng Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
1211	GD1072	Trần Thị Kim Oanh	2/10/1984	Ng Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
1212	GD1073	Trần Thị Thu Hà	1/13/1977	Ng Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
1213	GD1074	Phạm Thị Khánh Hiền	11/20/1983	Ng Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
1214	GD1075	Nguyễn Thị Minh Hoa	7/15/1977	Ng Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
1215	GD1076	Lê Thị Mai Thanh	9/12/1977	Ng Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
1216	GD1077	Nguyễn Thị Đào	12/3/1971	Ng Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
1217	GD1078	Trần Thị Thu Hà	12/1/1979	Ng Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
1218	GD1079	Phạm Thị Minh Lý	11/1/1969	Ng Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
1219	GD1080	Phạm Thị Tổ Nga	11/22/1978	Ng Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
1220	GD1081	Hà Kim Anh	2/3/1975	Ng Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
1221	GD1082	Nguyễn Hữu Chinh	11/2/1979	Ng Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
1222	GD1083	Vũ Thị Lan Anh	1/8/1982	Ng Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
1223	GD1084	Nguyễn Thị Diệu Tiên	1/7/1979	Ng Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
1224	GD1085	Trương Thị Thanh Nga	2/3/1986	Ng Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
1225	GD1086	Trần Thị Na	11/9/1977	Ng Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
1226	GD1087	Nguyễn Thị Thanh Nga	7/8/1981	Ng Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
1227	GD1088	Nguyễn Thị Mến	8/17/1980	Ng Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
1228	GD1089	Trịnh Thị Lệ Thuỷ	5/10/1979	Ng Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
1229	GD1090	Nguyễn Thị Lộc	11/1/1978	Ng Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
1230	GD1091	Nguyễn Thị Hường	4/13/1979	Ng Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
1231	GD1092	Trần Thanh Nam	4/11/1978	Ng Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
1232	GD1093	Lê Minh Đức	9/8/1986	Ng Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	100	
1233	GD1094	Nguyễn Thị Thu	1/18/1979	Nguyễn Trãi-B.Đinh	Sở GD&ĐT	100	
1234	GD1095	Phùng Quang Phúc	9/14/1964	Nguyễn Trãi-B.Đinh	Sở GD&ĐT	100	
1235	GD1096	Nguyễn Thị Mai Chi	10/15/1977	Nguyễn Trãi-B.Đinh	Sở GD&ĐT	100	
1236	GD1097	Nguyễn Thị Nhã	4/24/1977	Nguyễn Trãi-B.Đinh	Sở GD&ĐT	100	
1237	GD1098	Nguyễn Thị Hiền	1/11/1978	Nguyễn Trãi-B.Đinh	Sở GD&ĐT	100	
1238	GD1099	Trần Thị Hương Huyền	7/5/1977	Nguyễn Trãi-B.Đinh	Sở GD&ĐT	100	
1239	GD1100	Nguyễn Đức Trọng	9/2/1975	Nguyễn Trãi-B.Đinh	Sở GD&ĐT	100	
1240	GD1101	Trương Nhật Minh	10/10/1984	Nguyễn Trãi-B.Đinh	Sở GD&ĐT	100	
1241	GD1102	Đỗ Văn Quân	6/10/1983	Nguyễn Trãi-B.Đinh	Sở GD&ĐT	100	
1242	GD1103	Trần Thị Hồng Hạnh	12/26/1974	Nguyễn Trãi-B.Đinh	Sở GD&ĐT	100	
1243	GD1104	Trương Thị Thu Hiền	11/6/1974	Nguyễn Trãi-T.Tín	Sở GD&ĐT	100	
1244	GD1105	Nguyễn Thị Dung	8/24/1977	Nguyễn Trãi-T.Tín	Sở GD&ĐT	100	
1245	GD1106	Bùi Lan Phương	12/22/1986	Nguyễn Trãi-T.Tín	Sở GD&ĐT	100	
1246	GD1107	Nguyễn Diệu Thu	4/24/1987	Nguyễn Trãi-T.Tín	Sở GD&ĐT	100	
1247	GD1108	Dương Thị Hoa	6/26/1988	Nguyễn Trãi-T.Tín	Sở GD&ĐT	100	
1248	GD1109	Cao Thị Việt Vĩnh	8/4/1977	Nguyễn Trãi-T.Tín	Sở GD&ĐT	100	
1249	GD1110	Lê Thanh Hoa	10/12/1985	Nguyễn Trãi-T.Tín	Sở GD&ĐT	100	
1250	GD1111	Nguyễn Thị Hải Hà	2/3/1973	Nguyễn Trãi-T.Tín	Sở GD&ĐT	100	
1251	GD1112	Nguyễn Thị Thanh Anh	10/17/1974	Nguyễn Trãi-T.Tín	Sở GD&ĐT	100	
1252	GD1113	Lê Thị Lương	9/18/1978	Nguyễn Trãi-T.Tín	Sở GD&ĐT	100	
1253	GD1114	Nguyễn Duy Sơn	3/31/1979	Nguyễn Trãi-T.Tín	Sở GD&ĐT	100	
1254	GD1115	Nguyễn Phương Ngọc	3/19/1983	Nguyễn Trãi-T.Tín	Sở GD&ĐT	100	
1255	GD1116	Nguyễn Quang Huy	9/23/1979	Nguyễn Văn Cừ	Sở GD&ĐT	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1256	GD1117	Nguyễn Thị Điệp	11/20/1978	Nguyễn Văn Cừ	Sở GD&ĐT	100	
1257	GD1118	Nguyễn Thị Hồng	8/20/1977	Nguyễn Văn Cừ	Sở GD&ĐT	100	
1258	GD1119	Lê Thị Hoa	5/20/1985	Nguyễn Văn Cừ	Sở GD&ĐT	100	
1259	GD1120	Nguyễn Thị Thoa	6/22/1970	Nguyễn Văn Cừ	Sở GD&ĐT	100	
1260	GD1121	Nguyễn Thị Phương	4/25/1975	Nguyễn Văn Cừ	Sở GD&ĐT	100	
1261	GD1122	Đàm Thị Minh Tâm	11/28/1978	Nguyễn Văn Cừ	Sở GD&ĐT	100	
1262	GD1123	Nguyễn Thị Hương	11/9/1982	Nguyễn Văn Cừ	Sở GD&ĐT	100	
1263	GD1124	Đỗ Thị Anh Trúc	9/2/1979	Nguyễn Văn Cừ	Sở GD&ĐT	100	
1264	GD1125	Nguyễn Hải Yến	3/17/1977	Nguyễn Văn Cừ	Sở GD&ĐT	100	
1265	GD1126	Nguyễn Thị Thúy Hà	7/15/1977	Nguyễn Văn Cừ	Sở GD&ĐT	100	
1266	GD1127	Nguyễn Thị Phương	8/2/1978	Nguyễn Văn Cừ	Sở GD&ĐT	100	
1267	GD1128	Ngô Quang Sơn	6/16/1980	Nguyễn Văn Cừ	Sở GD&ĐT	100	
1268	GD1129	Dương Thị Khánh Ly	7/28/1978	Nguyễn Văn Cừ	Sở GD&ĐT	100	
1269	GD1130	Trần Thị Thu Trang	11/17/1985	Nguyễn Văn Cừ	Sở GD&ĐT	100	
1270	GD1131	Vũ Thị Tàn	10/20/1987	Nguyễn Văn Cừ	Sở GD&ĐT	100	
1271	GD1132	Nguyễn Lan Phương	4/21/1985	Nguyễn Văn Cừ	Sở GD&ĐT	100	
1272	GD1133	Bùi Hồng Phương	5/9/1986	Nguyễn Văn Cừ	Sở GD&ĐT	100	
1273	GD1134	Phan Thị Oanh	2/4/1981	Nguyễn Văn Cừ	Sở GD&ĐT	100	
1274	GD1135	Nguyễn Thị Thu Hiền	6/5/1983	Nguyễn Văn Cừ	Sở GD&ĐT	100	
1275	GD1136	Nguyễn Thị Hà	7/10/1979	Nguyễn Văn Cừ	Sở GD&ĐT	100	
1276	GD1137	Nguyễn Thị Út	6/6/1986	Nguyễn Văn Cừ	Sở GD&ĐT	100	
1277	GD1138	Nguyễn Thái Hòa	4/21/1980	Nguyễn Văn Cừ	Sở GD&ĐT	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CD 7, 8)
1278	GD1139	Ngô Lan Hương	1/22/1978	Nguyễn Văn Cừ	Sở GD&ĐT	100	
1279	GD1140	Phạm Thị Hương	2/2/1981	Nguyễn Văn Cừ	Sở GD&ĐT	100	
1280	GD1141	Lê Thị Oai	1/15/1979	Nguyễn Văn Cừ	Sở GD&ĐT	100	
1281	GD1142	Lê Thị Hồng Vinh	7/15/1978	Nguyễn Văn Cừ	Sở GD&ĐT	100	
1282	GD1143	Nguyễn Thị Ngát	12/9/1979	Nguyễn Văn Cừ	Sở GD&ĐT	100	
1283	GD1144	Nguyễn Thị Ngọc Anh	11/21/1985	Nguyễn Văn Cừ	Sở GD&ĐT	100	
1284	GD1145	Phạm Văn Long	'01/02/1975	Nguyễn Văn Trỗi	Sở GD&ĐT	100	
1285	GD1146	Bùi Văn Hai	1/30/1979	Nguyễn Văn Trỗi	Sở GD&ĐT	100	
1286	GD1147	Hoàng Thị Ánh Nga	8/14/1979	Nguyễn Văn Trỗi	Sở GD&ĐT	100	
1287	GD1148	Bùi Đình Nam	12/13/1978	Nguyễn Văn Trỗi	Sở GD&ĐT	100	
1288	GD1149	Đỗ Thị Phương Châm	5/10/1989	Nguyễn Văn Trỗi	Sở GD&ĐT	100	
1289	GD1150	Hán Thị Thu Phương	7/29/1984	Nguyễn Văn Trỗi	Sở GD&ĐT	100	
1290	GD1151	Vũ Thùy Trang	8/20/1985	Nguyễn Văn Trỗi	Sở GD&ĐT	100	
1291	GD1152	Bùi Tuấn Hưng	11/12/1980	Nguyễn Văn Trỗi	Sở GD&ĐT	100	
1292	GD1153	Đỗ Đức Thắng	2/15/1973	Nhân Chính	Sở GD&ĐT	100	
1293	GD1154	Lê Thị Thu Hương	9/29/1981	Nhân Chính	Sở GD&ĐT	100	
1294	GD1155	Hoàng Lê Cẩm Tú	10/10/1978	Nhân Chính	Sở GD&ĐT	100	
1295	GD1156	Nguyễn Thị Thúy Hằng	8/4/1980	Nhân Chính	Sở GD&ĐT	100	
1296	GD1157	Nguyễn Thị Thúy Đào	9/22/1972	Nhân Chính	Sở GD&ĐT	100	
1297	GD1158	Nguyễn Thị Hoa	10/14/1979	Nhân Chính	Sở GD&ĐT	100	
1298	GD1159	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	7/4/1980	Nhân Chính	Sở GD&ĐT	100	
1299	GD1160	Vũ Thị Thùy Linh	4/16/1983	Nhân Chính	Sở GD&ĐT	100	
1300	GD1161	Bùi Thị Thu Nga	9/11/1976	Nhân Chính	Sở GD&ĐT	100	
1301	GD1162	Nguyễn Thị Thanh Hoa	7/13/1982	Nhân Chính	Sở GD&ĐT	100	
1302	GD1163	Tạ Thu Hương	5/19/1981	Nhân Chính	Sở GD&ĐT	95	Không có bản đánh giá xếp loại viên chức năm học 2021-2022
1303	GD1164	Nguyễn Thị Thủy	20/01/0977	Nhân Chính	Sở GD&ĐT	100	
1304	GD1165	Phạm Thị Thái Bình	1/1/1976	Nhân Chính	Sở GD&ĐT	100	
1305	GD1166	Đỗ Thị Hiền	7/28/1979	Nhân Chính	Sở GD&ĐT	95	Không có bản đánh giá xếp loại viên chức năm học 2021-2022
1306	GD1167	Nguyễn Thị Như Hoa	12/11/1982	Phạm Hồng Thái	Sở GD&ĐT	100	
1307	GD1168	Nguyễn Văn Dân	12/25/1965	Phạm Hồng Thái	Sở GD&ĐT	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1308	GD1169	Nguyễn Thị Hiền	1/6/1977	Phạm Hồng Thái	Sở GD&ĐT	100	
1309	GD1170	Nông Thị Hoạt	2/10/1981	Phạm Hồng Thái	Sở GD&ĐT	100	
1310	GD1171	Đỗ Thị Thủy	5/2/1977	Phạm Hồng Thái	Sở GD&ĐT	100	
1311	GD1172	Nguyễn Thị Huyền Trang	6/23/1988	Phạm Hồng Thái	Sở GD&ĐT	100	
1312	GD1173	Lê Thị Thanh Huyền	11/7/1979	Phạm Hồng Thái	Sở GD&ĐT	100	
1313	GD1174	Đàm Thị Tố Oanh	7/12/1969	Phạm Hồng Thái	Sở GD&ĐT	100	
1314	GD1175	Nguyễn Thị Hương	3/18/1979	Phạm Hồng Thái	Sở GD&ĐT	100	
1315	GD1176	Lê Thúy Loan	12/29/1971	Phạm Hồng Thái	Sở GD&ĐT	100	
1316	GD1177	Nguyễn Thị Yên	7/25/1975	Phạm Hồng Thái	Sở GD&ĐT	100	
1317	GD1178	Lê Thị Chinh	8/25/1974	Phạm Hồng Thái	Sở GD&ĐT	100	
1318	GD1179	Phạm Lê Hồng Anh	17/6/1979	Phan Đình Phùng	Sở GD&ĐT	100	
1319	GD1180	Nguyễn Thị Diệu Anh	26/02/1974	Phan Đình Phùng	Sở GD&ĐT	100	
1320	GD1181	Nguyễn Thị Lâm	10/8/1980	Phan Đình Phùng	Sở GD&ĐT	100	
1321	GD1182	Phạm Ngọc Uyên	06/01/1977	Phan Đình Phùng	Sở GD&ĐT	100	
1322	GD1183	Trương Thị Ngọc Hà	12/10/1984	Phan Đình Phùng	Sở GD&ĐT	100	
1323	GD1184	Dương Văn Thanh	16/6/1975	Phan Đình Phùng	Sở GD&ĐT	100	
1324	GD1185	Trần Thị Tuyền	05/9/1987	Phan Đình Phùng	Sở GD&ĐT	95	Năm học 2021-2022 được đánh giá là hoàn thành nhiệm vụ
1325	GD1186	Phùng Công Tuấn	26/11/1989	Phan Đình Phùng	Sở GD&ĐT	100	
1326	GD1187	Trương Thanh Trúc	09/6/1985	Phan Đình Phùng	Sở GD&ĐT	100	
1327	GD1188	Nguyễn Thị Châu Loan	6/12/1989	P Huy Chú-Đ.Đa	Sở GD&ĐT	100	
1328	GD1189	Tạ Thị Ngọc Tú	6/15/1985	P Huy Chú-Đ.Đa	Sở GD&ĐT	100	
1329	GD1190	Ngô Thị Sinh	10/9/1982	P Huy Chú-Đ.Đa	Sở GD&ĐT	100	
1330	GD1191	Thiều Đình Tuân	5/29/1984	P Huy Chú-Đ.Đa	Sở GD&ĐT	100	
1331	GD1192	Trần Thị Thu Hương	4/8/1982	P Huy Chú-Đ.Đa	Sở GD&ĐT	100	
1332	GD1193	Đỗ Thị Thu Thủy	10/10/1983	P Huy Chú-Đ.Đa	Sở GD&ĐT	100	
1333	GD1194	Trương Thị Lan Hương	9/28/1984	P Huy Chú-Đ.Đa	Sở GD&ĐT	100	
1334	GD1195	Nguyễn Thị Dung	9/8/1975	PhanHuyChú-Q.Oai	Sở GD&ĐT	100	
1335	GD1196	Phạm Văn Luyện	11/16/1988	PhanHuyChú-Q.Oai	Sở GD&ĐT	100	
1336	GD1197	Lê Tiếp	4/12/1980	PhanHuyChú-Q.Oai	Sở GD&ĐT	100	
1337	GD1198	Nguyễn Thu Thủy	8/8/1980	PhanHuyChú-Q.Oai	Sở GD&ĐT	100	
1338	GD1199	Nguyễn Huy Trọng	4/3/1980	PhanHuyChú-Q.Oai	Sở GD&ĐT	100	
1339	GD1200	Nguyễn Thị Thu Phương	3/2/1982	PhanHuyChú-Q.Oai	Sở GD&ĐT	100	
1340	GD1201	Dương Thị Thúy	5/19/1990	PhanHuyChú-Q.Oai	Sở GD&ĐT	100	
1341	GD1202	Nguyễn Xuân Hải	4/12/1980	PhanHuyChú-Q.Oai	Sở GD&ĐT	100	
1342	GD1203	Kiều Thị Mai Hương	10/1/1988	PhanHuyChú-Q.Oai	Sở GD&ĐT	100	
1343	GD1204	Nguyễn Thị Dung	11/9/1982	PhanHuyChú-Q.Oai	Sở GD&ĐT	100	
1344	GD1205	Nguyễn Thị Hằng	10/13/1983	PhanHuyChú-Q.Oai	Sở GD&ĐT	100	
1345	GD1206	Hà Danh Đạt	8/16/1980	PhanHuyChú-Q.Oai	Sở GD&ĐT	100	
1346	GD1207	Nguyễn Văn Triệu	12/22/1988	PhanHuyChú-Q.Oai	Sở GD&ĐT	100	
1347	GD1208	Nguyễn Thanh Huyền	9/11/1984	PhanHuyChú-Q.Oai	Sở GD&ĐT	100	
1348	GD1209	Nguyễn Thị Tân	2/28/1984	PhanHuyChú-Q.Oai	Sở GD&ĐT	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1349	GD1210	Khuất Thị Thu Hiền	6/2/1985	PhanHuyChú-Q.Oai	Sở GD&ĐT	100	
1350	GD1211	Phùng Thị Thu Trang	8/2/1989	PhanHuyChú-Q.Oai	Sở GD&ĐT	100	
1351	GD1212	Phùng Thị Giang Châu	9/4/1985	PhanHuyChú-Q.Oai	Sở GD&ĐT	100	
1352	GD1213	Hoàng Thị Loan	8/10/1983	PhanHuyChú-Q.Oai	Sở GD&ĐT	100	
1353	GD1214	Nguyễn Minh Xuyên	10/2/1990	PhanHuyChú-Q.Oai	Sở GD&ĐT	100	
1354	GD1215	Nguyễn Thị Phương Liên	1/12/1984	PhanHuyChú-Q.Oai	Sở GD&ĐT	100	
1355	GD1216	Bùi Thị Hà Thu	8/18/1969	Phú Xuyên A	Sở GD&ĐT	100	
1356	GD1217	Nguyễn Văn Khanh	9/14/1970	Phú Xuyên A	Sở GD&ĐT	100	
1357	GD1218	Nguyễn Thị Thu Hường	11/6/1977	Phú Xuyên A	Sở GD&ĐT	100	
1358	GD1219	Nguyễn Quang Hợp	10/20/1982	Phú Xuyên A	Sở GD&ĐT	100	
1359	GD1220	Nguyễn Anh Đức	3/20/1976	Phú Xuyên A	Sở GD&ĐT	100	
1360	GD1221	Nguyễn Huy Hoàng	8/15/1978	Phú Xuyên A	Sở GD&ĐT	100	
1361	GD1222	Nguyễn Thành Trung	11/1/1979	Phú Xuyên A	Sở GD&ĐT	100	
1362	GD1223	Nguyễn Tô Lịch	11/11/1978	Phú Xuyên A	Sở GD&ĐT	100	
1363	GD1224	Trần Thị Bằng	5/14/1978	Phú Xuyên A	Sở GD&ĐT	100	
1364	GD1225	Vũ Văn Quý	8/8/1978	Phú Xuyên A	Sở GD&ĐT	100	
1365	GD1226	Phùng Thị Thảo	2/5/1975	Phú Xuyên A	Sở GD&ĐT	100	
1366	GD1227	Nguyễn Thị Thu Hồng	3/25/1981	Phú Xuyên A	Sở GD&ĐT	100	
1367	GD1228	Nguyễn Thị Kim Dinh	4/27/1982	Phú Xuyên A	Sở GD&ĐT	100	
1368	GD1229	Nguyễn Văn Đường	4/9/1979	Phú Xuyên A	Sở GD&ĐT	100	
1369	GD1230	Nguyễn Thanh Hải	11/5/1979	Phú Xuyên A	Sở GD&ĐT	100	
1370	GD1231	Phạm Thị Lan Anh	8/26/1977	Phú Xuyên A	Sở GD&ĐT	100	
1371	GD1232	Nguyễn Ngọc Tam	1/2/1969	Phú Xuyên B	Sở GD&ĐT	100	
1372	GD1233	Vũ Kiều Nam	7/20/1973	Phú Xuyên B	Sở GD&ĐT	100	
1373	GD1234	Lưu Văn Tường	10/21/1976	Phú Xuyên B	Sở GD&ĐT	100	
1374	GD1235	Tô Thị Phương	6/27/1978	Phú Xuyên B	Sở GD&ĐT	100	
1375	GD1236	Nguyễn Thị Ba	12/24/1980	Phú Xuyên B	Sở GD&ĐT	100	
1376	GD1237	Đỗ Thị Hình Nhâm	9/20/1984	Phú Xuyên B	Sở GD&ĐT	100	
1377	GD1238	Nghiêm Văn Tá	6/14/1978	Phú Xuyên B	Sở GD&ĐT	100	
1378	GD1239	Nguyễn Thị Duyên	8/20/1981	Phú Xuyên B	Sở GD&ĐT	100	
1379	GD1240	Vũ Công Nhất	12/10/1988	Phú Xuyên B	Sở GD&ĐT	100	
1380	GD1241	Vũ Giang Nam	5/10/1980	Phú Xuyên B	Sở GD&ĐT	100	
1381	GD1242	Phạm Thị Định	10/6/1980	Phú Xuyên B	Sở GD&ĐT	100	
1382	GD1243	Nguyễn Đức Tiếp	5/15/1979	Phú Xuyên B	Sở GD&ĐT	100	
1383	GD1244	Lương Huy Hoàng	7/26/1977	Phú Xuyên B	Sở GD&ĐT	100	
1384	GD1245	Nguyễn Thị Kim Định	5/28/1979	Phú Xuyên B	Sở GD&ĐT	100	
1385	GD1246	Hoàng Huy Bình	9/9/1981	Phú Xuyên B	Sở GD&ĐT	100	
1386	GD1247	Nguyễn Thị Thanh Mỹ	10/12/1977	Phúc Lợi	Sở GD&ĐT	100	
1387	GD1248	Đào Tổ Hoa	17/09/1983	Phúc Lợi	Sở GD&ĐT	100	
1388	GD1249	Hoàng Minh Tuấn	30/06/1976	Phúc Lợi	Sở GD&ĐT	100	
1389	GD1250	Nguyễn Thị Huân	19/10/1978	Phúc Lợi	Sở GD&ĐT	100	
1390	GD1251	Nguyễn Văn Trí	23/10/1977	Phúc Lợi	Sở GD&ĐT	100	
1391	GD1252	Trần Thị Thu Giang	20/09/1980	Phúc Lợi	Sở GD&ĐT	100	
1392	GD1253	Nguyễn Thị Lân	17/05/1986	Phúc Lợi	Sở GD&ĐT	100	
1393	GD1254	Nguyễn Trung Hiếu	10/06/1980	Phúc Lợi	Sở GD&ĐT	100	
1394	GD1255	Vũ Thị Luyện	10/10/1980	Phúc Lợi	Sở GD&ĐT	100	
1395	GD1256	Vũ Thị Khánh	08/01/1981	Phúc Lợi	Sở GD&ĐT	100	
1396	GD1257	Mã Kiều Linh	02/07/1977	Phúc Lợi	Sở GD&ĐT	100	
1397	GD1258	Nguyễn Kim Dung	6/15/1983	Phúc Lợi	Sở GD&ĐT	100	
1398	GD1259	Nguyễn Thị Lệ Thủy	03/02/1978	Phúc Lợi	Sở GD&ĐT	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1399	GD1260	Nguyễn Thị Lan Hương	8/18/1980	Phúc Lợi	Sở GD&ĐT	100	
1400	GD1261	Bùi Tất Thành	2/12/1977	Phúc Thọ	Sở GD&ĐT	100	
1401	GD1262	Nguyễn Văn Dũng	3/27/1973	Phúc Thọ	Sở GD&ĐT	100	
1402	GD1263	Nguyễn Thị Mai Hương	11/22/1975	Phúc Thọ	Sở GD&ĐT	100	
1403	GD1264	Nguyễn Thị Hương	10/20/1990	Phúc Thọ	Sở GD&ĐT	100	
1404	GD1265	Hà Mạnh Quân	3/17/1981	Phúc Thọ	Sở GD&ĐT	100	
1405	GD1266	Khuất Thị Phương	10/21/1979	Phúc Thọ	Sở GD&ĐT	100	
1406	GD1267	Nguyễn Thị Lan Hương	12/24/1976	Phúc Thọ	Sở GD&ĐT	100	
1407	GD1268	Chu Thị Diễm	5/7/1976	Phúc Thọ	Sở GD&ĐT	100	
1408	GD1269	Đoàn Đăng Khoa	9/5/1976	Phúc Thọ	Sở GD&ĐT	100	
1409	GD1270	Đỗ Văn Chương	7/3/1972	Phúc Thọ	Sở GD&ĐT	100	
1410	GD1271	Đỗ Thị Thanh Hương	2/27/1976	Phúc Thọ	Sở GD&ĐT	100	
1411	GD1272	Hoàng Thị Hương	4/15/1978	Phúc Thọ	Sở GD&ĐT	100	
1412	GD1273	Khuất Duy Hiến	2/28/1973	Phúc Thọ	Sở GD&ĐT	100	
1413	GD1274	Vũ Thị Thùy	7/28/1985	Phúc Thọ	Sở GD&ĐT	100	
1414	GD1275	Kiều Thị Xuân	11/16/1980	Phúc Thọ	Sở GD&ĐT	100	
1415	GD1276	Nguyễn Duy Minh Khuê	2/22/1981	Phúc Thọ	Sở GD&ĐT	100	
1416	GD1277	Trần Thị Hoàn	11/1/1977	Phúc Thọ	Sở GD&ĐT	100	
1417	GD1278	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	2/3/1990	Phúc Thọ	Sở GD&ĐT	100	
1418	GD1279	Nguyễn Thị Hiếu	9/1/1976	Phúc Thọ	Sở GD&ĐT	100	
1419	GD1280	Đoàn Thị Ngọc Anh	10/26/1988	Phúc Thọ	Sở GD&ĐT	100	
1420	GD1281	Hồ Thị Minh Nguyệt	5/17/1981	Phúc Thọ	Sở GD&ĐT	100	
1421	GD1282	Nguyễn Thị Ngọc Anh	4/20/1979	Phúc Thọ	Sở GD&ĐT	100	
1422	GD1283	Đỗ Thị Tiến	12/29/1981	Phúc Thọ	Sở GD&ĐT	100	
1423	GD1284	Nguyễn Thị Liên	7/29/1981	Phúc Thọ	Sở GD&ĐT	100	
1424	GD1285	Trần Thị Nhạn	10/1/1982	Phúc Thọ	Sở GD&ĐT	100	
1425	GD1286	Khuất Thị Thu Hằng	4/19/1980	Phúc Thọ	Sở GD&ĐT	100	
1426	GD1287	Hoàng Thị Hiền	3/23/1987	P Khắc Khoan-T.T	Sở GD&ĐT	100	
1427	GD1288	Nguyễn Thị Thu Hương	1/30/1977	P Khắc Khoan-T.T	Sở GD&ĐT	100	
1428	GD1289	Nguyễn Thị Tố Nga	1/10/1979	P Khắc Khoan-T.T	Sở GD&ĐT	100	
1429	GD1290	Đỗ Ngọc Minh	7/29/1982	P Khắc Khoan-T.T	Sở GD&ĐT	100	
1430	GD1291	Kiều Cao Nam	4/12/1979	P Khắc Khoan-T.T	Sở GD&ĐT	100	
1431	GD1292	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	9/25/1989	P Khắc Khoan-T.T	Sở GD&ĐT	100	
1432	GD1293	Nguyễn Thị Vinh	6/5/1980	P Khắc Khoan-T.T	Sở GD&ĐT	100	
1433	GD1294	Đỗ Thị Nga	1/29/1983	P Khắc Khoan-T.T	Sở GD&ĐT	100	
1434	GD1295	Kiều Sơn Tùng	9/1/1976	P Khắc Khoan-T.T	Sở GD&ĐT	100	
1435	GD1296	Nguyễn Trung Nam	1/7/1980	P Khắc Khoan-T.T	Sở GD&ĐT	100	
1436	GD1297	Đặng Văn Quang	4/19/1984	P Khắc Khoan-T.T	Sở GD&ĐT	100	
1437	GD1298	Nguyễn Thị Hải Yến	10/24/1978	P Khắc Khoan-T.T	Sở GD&ĐT	100	
1438	GD1299	Nguyễn Văn Bảy	7/16/1977	P Khắc Khoan-T.T	Sở GD&ĐT	100	
1439	GD1300	Mai Thị Diễm	14/02/1977`	P Khắc Khoan-T.T	Sở GD&ĐT	100	
1440	GD1301	Đào Thị Tuấn	2/9/1985	P Khắc Khoan-T.T	Sở GD&ĐT	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1441	GD1302	Kiều Thị Tơ	3/17/1977	P Khắc Khoan-T.T	Sở GD&ĐT	100	
1442	GD1303	Nguyễn Thị Bích Thủy	10/18/1980	P Khắc Khoan-T.T	Sở GD&ĐT	100	
1443	GD1304	Nguyễn Thị Hồng Liên	9/23/1986	P Khắc Khoan-T.T	Sở GD&ĐT	100	
1444	GD1305	Nguyễn Văn Chí	11/2/1986	P Khắc Khoan-T.T	Sở GD&ĐT	100	
1445	GD1306	Nguyễn Thị Yến	3/16/1982	P Khắc Khoan-T.T	Sở GD&ĐT	100	
1446	GD1307	Hoàng Thị Thu Hương	1/8/1976	P Khắc Khoan-T.T	Sở GD&ĐT	100	
1447	GD1308	Nguyễn Thị Mai	7/24/1976	P Khắc Khoan-T.T	Sở GD&ĐT	100	
1448	GD1309	Nguyễn Thị Phong Vân	10/7/1982	P Khắc Khoan-T.T	Sở GD&ĐT	100	
1449	GD1310	Nguyễn Thị Mận	5/20/1981	P Khắc Khoan-T.T	Sở GD&ĐT	100	
1450	GD1311	Nguyễn Thị Thanh Lan	1/1/1980	P Khắc Khoan-T.T	Sở GD&ĐT	100	
1451	GD1312	Kiều Thị Hồng Vi	9/16/1977	P Khắc Khoan-T.T	Sở GD&ĐT	100	
1452	GD1313	Lã Thị Thanh Hương	2/12/1978	P Khắc Khoan-T.T	Sở GD&ĐT	100	
1453	GD1314	Nguyễn Thị Lãng	7/30/1972	P Khắc Khoan-T.T	Sở GD&ĐT	100	
1454	GD1315	NguyễnThị Thu Hường	9/18/1978	P Khắc Khoan-T.T	Sở GD&ĐT	100	
1455	GD1316	Nguyễn Thị Thu Hằng	4/3/1973	P Khắc Khoan-T.T	Sở GD&ĐT	100	
1456	GD1317	Nguyễn Thị Thanh	7/17/1983	P Khắc Khoan-T.T	Sở GD&ĐT	100	
1457	GD1318	Hồ Thị Diệu Thúy	6/17/1978	P Khắc Khoan-T.T	Sở GD&ĐT	100	
1458	GD1319	Lê Thị Minh Ngọc	2/26/1976	P Khắc Khoan-T.T	Sở GD&ĐT	100	
1459	GD1320	Nguyễn Thị Nghĩa	6/10/1979	P Khắc Khoan-T.T	Sở GD&ĐT	100	
1460	GD1321	Phí Hồng Dũng	11/10/1969	P Khắc Khoan-T.T	Sở GD&ĐT	100	
1461	GD1322	Vũ Thị Hiền	10/17/1986	P Khắc Khoan-T.T	Sở GD&ĐT	100	
1462	GD1323	Nguyễn Thị Huyền Trang	9/12/1987	P Khắc Khoan-T.T	Sở GD&ĐT	100	
1463	GD1324	Đỗ Thị Tuyên	11/2/1980	P Khắc Khoan-T.T	Sở GD&ĐT	100	
1464	GD1325	Lê Thị Kim Thư	12/2/1974	P Khắc Khoan-T.T	Sở GD&ĐT	100	
1465	GD1326	Kiều Thị Thanh Xuân	6/2/1982	P Khắc Khoan-T.T	Sở GD&ĐT	100	
1466	GD1327	Ngô Thị Thanh Nhân	25/3/1983	Quang Minh	Sở GD&ĐT	100	
1467	GD1328	Đỗ Văn Thịnh	14/2/1979	Quang Minh	Sở GD&ĐT	100	
1468	GD1329	Đỗ Thị Thúy Nga	3/3/1978	Quang Minh	Sở GD&ĐT	100	
1469	GD1330	Lê Đức Hậu	23/4/1980	Quang Minh	Sở GD&ĐT	100	
1470	GD1331	Vương Thị Quỳnh Vân	20/7/1979	Quang Minh	Sở GD&ĐT	100	
1471	GD1332	Đinh Thị Thu Hương	19/04/1979	Quang Minh	Sở GD&ĐT	100	
1472	GD1333	Đỗ Thu Thủy	28/5/1986	Quang Minh	Sở GD&ĐT	100	
1473	GD1334	Ninh Thị Liên	8/2/1986	Quang Minh	Sở GD&ĐT	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1474	GD1335	Bùi Khánh Phương	23/7/1981	Quang Minh	Sở GD&ĐT	100	
1475	GD1336	Nguyễn Việt Cường	15/11/1976	Quang Minh	Sở GD&ĐT	100	
1476	GD1337	Lê Văn Lân	11/6/1978	Quang Minh	Sở GD&ĐT	100	
1477	GD1338	Nguyễn Thị Hương	23/8/1985	Quang Minh	Sở GD&ĐT	100	
1478	GD1339	Nguyễn Thị Thu Hương	28/6/1984	Quang Minh	Sở GD&ĐT	100	
1479	GD1340	Phạm Thị Trang	25/12/1986	Quang Minh	Sở GD&ĐT	100	
1480	GD1341	Đặng Thị Phương Thơm	1/12/1980	Quang Minh	Sở GD&ĐT	100	
1481	GD1342	Nguyễn Thị Thúy	10/2/1982	Quang Minh	Sở GD&ĐT	100	
1482	GD1343	Cung Thị Hường	14/9/1983	Quang Minh	Sở GD&ĐT	100	
1483	GD1344	Lê Thị Minh Phương	15/10/1981	Quang Minh	Sở GD&ĐT	100	
1484	GD1345	Nguyễn Thị Thanh	10/8/1984	Quang Minh	Sở GD&ĐT	100	
1485	GD1346	Đỗ Thị Linh	1/5/1983	Quang Minh	Sở GD&ĐT	100	
1486	GD1347	Trịnh Thị Hương	9/11/1982	Quang Minh	Sở GD&ĐT	100	
1487	GD1348	Trần Anh Dũng	25/05/1977	Quang Minh	Sở GD&ĐT	100	
1488	GD1349	Đàm Thị Thảo	10/5/1985	Quang Minh	Sở GD&ĐT	100	
1489	GD1350	Lại Thị Hà	20/07/1979	Quang Minh	Sở GD&ĐT	100	
1490	GD1351	Nguyễn Thị Thu Bình	06/11/1975	Quảng Oai	Sở GD&ĐT	100	
1491	GD1352	Trần Huy Tiến	09/11/1987	Quảng Oai	Sở GD&ĐT	100	
1492	GD1353	Nguyễn Lê Long	26/4/1976	Quảng Oai	Sở GD&ĐT	100	
1493	GD1354	Phan Thị Lộc	10/6/1976	Quảng Oai	Sở GD&ĐT	100	
1494	GD1355	Khuất Thanh Quang	24/8/1976	Quảng Oai	Sở GD&ĐT	100	
1495	GD1356	Nguyễn Khánh Duy	01/5/1979	Quảng Oai	Sở GD&ĐT	100	
1496	GD1357	Tạ Thị Hồng	11/4/1978	Quảng Oai	Sở GD&ĐT	100	
1497	GD1358	Phan Thị Thanh Hoa	21/8/1981	Quảng Oai	Sở GD&ĐT	100	
1498	GD1359	Đinh Thị Tuyết	17/10/1975	Quảng Oai	Sở GD&ĐT	100	
1499	GD1360	Nguyễn Bá Quang	02/9/1982	Quảng Oai	Sở GD&ĐT	100	
1500	GD1361	Lê Thị Bích Thủy	03/8/1975	Quảng Oai	Sở GD&ĐT	100	
1501	GD1362	Nguyễn Thị Dung	23/11/1981	Quảng Oai	Sở GD&ĐT	100	
1502	GD1363	Nguyễn Hải Châu	01/01/1974	Quảng Oai	Sở GD&ĐT	100	
1503	GD1364	Nguyễn Thảo Dung	05/12/1983	Quảng Oai	Sở GD&ĐT	100	
1504	GD1365	Phùng Ngọc Thái	30/5/1980	Quảng Oai	Sở GD&ĐT	100	
1505	GD1366	Nguyễn Đình Thảo	07/8/1975	Quảng Oai	Sở GD&ĐT	100	
1506	GD1367	Nguyễn Thị Hồng Thúy	17/10/1982	Quảng Oai	Sở GD&ĐT	100	
1507	GD1368	Nguyễn Thị Thanh Huyền	01/12/1987	Quảng Oai	Sở GD&ĐT	100	
1508	GD1369	Lê Thị Trang	25/11/1987	Quảng Oai	Sở GD&ĐT	100	
1509	GD1370	Lê Thị Xuân	01/12/1982	Quảng Oai	Sở GD&ĐT	100	
1510	GD1371	Lê Thị Sự	15/5/1981	Quảng Oai	Sở GD&ĐT	100	
1511	GD1372	Đặng Thị Hương Giang	23/7/1983	Quảng Oai	Sở GD&ĐT	100	
1512	GD1373	Nguyễn Thị Như Quỳnh	05/5/1985	Quảng Oai	Sở GD&ĐT	100	
1513	GD1374	Đỗ Thị Luyến	10/10/1976	Quảng Oai	Sở GD&ĐT	100	
1514	GD1375	Phan Thị Thanh Nhân	18/02/1969	QuangTrung-Đ.Đa	Sở GD&ĐT	100	
1515	GD1376	Kiều Anh Tuấn	10/6/1973	QuangTrung-Đ.Đa	Sở GD&ĐT	100	
1516	GD1377	Doãn Ngọc Lân	05/3/1976	QuangTrung-Đ.Đa	Sở GD&ĐT	100	
1517	GD1378	Nguyễn Xuân Thứ	10/5/1988	QuangTrung-Đ.Đa	Sở GD&ĐT	100	
1518	GD1379	Trịnh Viết Mạnh	17/8/1986	QuangTrung-Đ.Đa	Sở GD&ĐT	100	
1519	GD1380	Tôn Mỹ Dung	21/10/1972	QuangTrung-Đ.Đa	Sở GD&ĐT	100	
1520	GD1381	Bùi Thị Liên	10/12/1974	QuangTrung-Đ.Đa	Sở GD&ĐT	100	
1521	GD1382	Vũ Viết Đức	28/8/1981	QuangTrung-Đ.Đa	Sở GD&ĐT	100	
1522	GD1383	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	4/4/1976	QuangTrung-Đ.Đa	Sở GD&ĐT	100	
1523	GD1384	Phạm Ngọc Bích	08/12/1990	QuangTrung-Đ.Đa	Sở GD&ĐT	100	
1524	GD1385	Hoàng Thị Hương	05/6/1987	QuangTrung-Đ.Đa	Sở GD&ĐT	100	
1525	GD1386	Mai Thị Hà Thanh	22/9/1979	QuangTrung-Đ.Đa	Sở GD&ĐT	100	
1526	GD1387	Bùi Thị Thu Trang	01/9/1974	QuangTrung-Đ.Đa	Sở GD&ĐT	100	
1527	GD1388	Phạm Thị Huệ	16/11/1980	QuangTrung-Đ.Đa	Sở GD&ĐT	100	
1528	GD1389	Đặng Thị Hải Yến	10/4/1982	QuangTrung-Đ.Đa	Sở GD&ĐT	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1529	GD1390	Nguyễn Như Thành	02/01/1988	QuangTrung-Đ.Đa	Sở GD&ĐT	100	
1530	GD1391	Lê Thị Thanh Tâm	07/12/1975	QuangTrung-Đ.Đa	Sở GD&ĐT	100	
1531	GD1392	Hồ Thị Thúy	3/7/1975	Q Trung- H.Đông	Sở GD&ĐT	100	
1532	GD1393	Nguyễn Thị Thu Thủy	6/17/1970	Q Trung- H.Đông	Sở GD&ĐT	100	
1533	GD1394	Thạc Thị Thủy Dung	10/28/1979	Q Trung- H.Đông	Sở GD&ĐT	100	
1534	GD1395	Vũ Thị Phương Thủy	7/15/1979	Q Trung- H.Đông	Sở GD&ĐT	100	
1535	GD1396	Lê Quang Huân	1/18/1980	Q Trung- H.Đông	Sở GD&ĐT	100	
1536	GD1397	Nguyễn Xuân Hà	2/10/1988	Q Trung- H.Đông	Sở GD&ĐT	100	
1537	GD1398	Nghiêm Thị Yên	11/6/1975	Q Trung- H.Đông	Sở GD&ĐT	100	
1538	GD1399	Vũ Thị Lan Anh	9/2/1983	Q Trung- H.Đông	Sở GD&ĐT	100	
1539	GD1400	Đậu Thị Ngọc Ánh	11/12/1975	Q Trung- H.Đông	Sở GD&ĐT	100	
1540	GD1401	Lê Thị Lan Phương	11/14/1971	Q Trung- H.Đông	Sở GD&ĐT	100	
1541	GD1402	Lê Đình Khánh	9/2/1980	Q Trung- H.Đông	Sở GD&ĐT	100	
1542	GD1403	Nguyễn Thị Kim Chung	3/20/1978	Q Trung- H.Đông	Sở GD&ĐT	100	
1543	GD1404	Đặng Thị Nga	3/12/1978	Q Trung- H.Đông	Sở GD&ĐT	100	
1544	GD1405	Lê Thị Huệ	12/1/1970	Q Trung- H.Đông	Sở GD&ĐT	100	
1545	GD1406	Kiều Thị Hiền	1/8/1977	Q Trung- H.Đông	Sở GD&ĐT	100	
1546	GD1407	Lê Thị Thúy Hằng	6/2/1974	Q Trung- H.Đông	Sở GD&ĐT	100	
1547	GD1408	Bùi Thị Loan	7/4/1974	Q Trung- H.Đông	Sở GD&ĐT	100	
1548	GD1409	Lê Thị Kim Oanh	9/22/1974	Q Trung- H.Đông	Sở GD&ĐT	100	
1549	GD1410	Phạm Ngọc Hưng	05/05/1979	Quốc Oai	Sở GD&ĐT	100	
1550	GD1411	Nguyễn Văn Tiến	7/28/1973	Quốc Oai	Sở GD&ĐT	100	
1551	GD1412	Nguyễn Minh Phương	10/31/1979	Quốc Oai	Sở GD&ĐT	100	
1552	GD1413	Nguyễn Hữu Hải	10/26/1971	Quốc Oai	Sở GD&ĐT	100	
1553	GD1414	Nguyễn Thị Hòa	6/18/1981	Quốc Oai	Sở GD&ĐT	100	
1554	GD1415	Nguyễn Quý Quang	2/28/1974	Quốc Oai	Sở GD&ĐT	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CD 7, 8)
1555	GD1416	Cần Thị Thu Hường	3/6/1975	Quốc Oai	Sở GD&ĐT	100	
1556	GD1417	Chu Thị Tâm	5/27/1974	Quốc Oai	Sở GD&ĐT	100	
1557	GD1418	Vương Sỹ Khang	4/30/1980	Quốc Oai	Sở GD&ĐT	100	
1558	GD1419	Đào Minh Ngọc	10/11/1984	Quốc Oai	Sở GD&ĐT	100	
1559	GD1420	Phùng Thị Mai	5/29/1985	Quốc Oai	Sở GD&ĐT	100	
1560	GD1421	Đỗ Thị Phụng	1/2/1977	Quốc Oai	Sở GD&ĐT	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CD 7, 8)
1561	GD1422	Phạm Văn Long	2/25/1977	Quốc Oai	Sở GD&ĐT	100	
1562	GD1423	Nguyễn Thị Thanh Hương	11/10/1978	Quốc Oai	Sở GD&ĐT	100	
1563	GD1424	Phan Thị Hoa	10/12/1983	Quốc Oai	Sở GD&ĐT	100	
1564	GD1425	Đỗ Thị Hà	7/10/1985	Quốc Oai	Sở GD&ĐT	100	
1565	GD1426	Vũ Thị Thu	11/6/1976	Quốc Oai	Sở GD&ĐT	100	
1566	GD1427	Lý Thị Thanh Huyền	10/23/1977	Quốc Oai	Sở GD&ĐT	100	
1567	GD1428	Vũ Ngọc Cường	8/26/1982	Quốc Oai	Sở GD&ĐT	100	
1568	GD1429	Đỗ Thị Lý	1/24/1982	Quốc Oai	Sở GD&ĐT	100	
1569	GD1430	Hoàng Thị Thủy	11/16/1986	Quốc Oai	Sở GD&ĐT	100	
1570	GD1431	Phan Thị Thanh Tâm	1/26/1984	Quốc Oai	Sở GD&ĐT	100	
1571	GD1432	Nguyễn Hoài Thư	12/2/1986	Quốc Oai	Sở GD&ĐT	100	
1572	GD1433	Dương Thị Tú Yên	7/2/1974	Quốc Oai	Sở GD&ĐT	100	
1573	GD1434	Nguyễn Thị Diệu Thanh	12/10/1974	Sóc Sơn	Sở GD&ĐT	100	
1574	GD1435	Đoàn Trường	3/10/1979	Sóc Sơn	Sở GD&ĐT	100	
1575	GD1436	Khổng Thanh Tú	10/8/1977	Sóc Sơn	Sở GD&ĐT	100	
1576	GD1437	Nguyễn Thị Ngọc Bích	2/21/1972	Sóc Sơn	Sở GD&ĐT	100	
1577	GD1438	Đinh Văn Tuấn	9/14/1974	Sóc Sơn	Sở GD&ĐT	100	
1578	GD1439	Trần Kim Anh	10/22/1979	Sóc Sơn	Sở GD&ĐT	100	
1579	GD1440	Nguyễn Thị Loan	3/4/1974	Sóc Sơn	Sở GD&ĐT	100	
1580	GD1441	Nguyễn Thị Hằng	2/10/1976	Sóc Sơn	Sở GD&ĐT	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1581	GD1442	Nguyễn Văn Tuấn	9/20/1986	Sóc Sơn	Sở GD&ĐT	100	
1582	GD1443	Dương Thị Bích Nguyệt	2/5/1980	Sóc Sơn	Sở GD&ĐT	100	
1583	GD1444	Tạ Thị Hiền	1/1/1978	Sóc Sơn	Sở GD&ĐT	100	
1584	GD1445	Ngô Thị Lệ	9/25/1985	Sóc Sơn	Sở GD&ĐT	100	
1585	GD1446	Kiều Mai Hương	11/22/1972	Sóc Sơn	Sở GD&ĐT	100	
1586	GD1447	Nguyễn Thị Cúc	1/23/1987	Sóc Sơn	Sở GD&ĐT	100	
1587	GD1448	Trần Trung Thành	2/28/1976	Sóc Sơn	Sở GD&ĐT	100	
1588	GD1449	Nguyễn Đình Mạnh	1/4/1975	Sóc Sơn	Sở GD&ĐT	100	
1589	GD1450	Lê Thị Thu Hòa	7/22/1977	Sơn Tây	Sở GD&ĐT	100	
1590	GD1451	Nguyễn Văn Dũng	2/18/1965	Sơn Tây	Sở GD&ĐT	100	
1591	GD1452	Hoàng Thị Sen	3/3/1984	Sơn Tây	Sở GD&ĐT	100	
1592	GD1453	Hoàng Thị Kim Cúc	3/25/1983	Sơn Tây	Sở GD&ĐT	100	
1593	GD1454	Phan Thị Tăng	3/14/1983	Sơn Tây	Sở GD&ĐT	100	
1594	GD1455	Trung Thị Xuân	3/2/1984	Sơn Tây	Sở GD&ĐT	100	
1595	GD1456	Đặng Thị Hương	12/12/1989	Sơn Tây	Sở GD&ĐT	100	
1596	GD1457	Nguyễn Tuấn Anh	8/10/1981	Sơn Tây	Sở GD&ĐT	100	
1597	GD1458	Ngô Quang Vinh	12/17/1972	Sơn Tây	Sở GD&ĐT	100	
1598	GD1459	Mai Thị Thuận	7/15/1986	Sơn Tây	Sở GD&ĐT	100	
1599	GD1460	Đỗ Thị Ngà	10/28/1986	Sơn Tây	Sở GD&ĐT	100	
1600	GD1461	Vũ Thị Tạo	8/3/1979	Sơn Tây	Sở GD&ĐT	100	
1601	GD1462	Vũ Thị Thu Hòa	12/12/1978	Sơn Tây	Sở GD&ĐT	100	
1602	GD1463	Nguyễn Thị Kim Thu	1/21/1982	Sơn Tây	Sở GD&ĐT	100	
1603	GD1464	Nguyễn Phong Hiền	9/28/1984	Sơn Tây	Sở GD&ĐT	100	
1604	GD1465	Phùng Thị Bích Thụ	11/22/1983	Sơn Tây	Sở GD&ĐT	100	
1605	GD1466	Hoàng Thị Khánh Giang	2/1/1984	Sơn Tây	Sở GD&ĐT	100	
1606	GD1467	Phùng Thị Đông	11/23/1971	Sơn Tây	Sở GD&ĐT	100	
1607	GD1468	Nguyễn Bích Thủy	3/23/1979	Sơn Tây	Sở GD&ĐT	100	
1608	GD1469	Phùng Thị Minh Phương	3/8/1978	Sơn Tây	Sở GD&ĐT	100	
1609	GD1470	Trần Xuân Hưng	10/20/1978	Sơn Tây	Sở GD&ĐT	100	
1610	GD1471	Trần Xuân Thanh	9/20/1978	Tân Dân	Sở GD&ĐT	100	
1611	GD1472	Nguyễn Thị Tuyết	6/17/1977	Tân Dân	Sở GD&ĐT	100	
1612	GD1473	Phùng Văn Tấn	5/29/1977	Tân Dân	Sở GD&ĐT	100	
1613	GD1474	Lê Thị Thu Thủy	8/28/1984	Tân Dân	Sở GD&ĐT	100	
1614	GD1475	Phùng Thị Thanh Hà	12/16/1986	Tân Dân	Sở GD&ĐT	100	
1615	GD1476	Dương Ngọc Lan	9/6/1981	Tân Dân	Sở GD&ĐT	100	
1616	GD1477	Nguyễn Ngọc Lương	5/12/1986	Tân Dân	Sở GD&ĐT	100	
1617	GD1478	Nguyễn Thị Thanh Huyền	10/8/1979	Tân Dân	Sở GD&ĐT	100	
1618	GD1479	Vũ Thị Tú Lan	11/26/1982	Tân Lập	Sở GD&ĐT	100	
1619	GD1480	Trần Thị Loan	9/5/1984	Tân Lập	Sở GD&ĐT	100	
1620	GD1481	Công Thị Phụng	4/20/1983	Tân Lập	Sở GD&ĐT	100	
1621	GD1482	Trần Thị Bình	7/10/1979	Tân Lập	Sở GD&ĐT	100	
1622	GD1483	Lại Hợp Biên	1/14/1979	Tân Lập	Sở GD&ĐT	100	
1623	GD1484	Đinh Thị Xuân	9/9/1979	Tân Lập	Sở GD&ĐT	100	
1624	GD1485	Quách Thị Thu Lan	12/23/1977	Tân Lập	Sở GD&ĐT	100	
1625	GD1486	Nguyễn Thị Hào	6/26/1977	Tân Lập	Sở GD&ĐT	100	
1626	GD1487	Trịnh Thị Nhung	9/21/1978	Tân Lập	Sở GD&ĐT	100	
1627	GD1488	Lý Thị Hằng	11/14/1980	Tân Lập	Sở GD&ĐT	100	
1628	GD1489	Lê Mỹ Trà	12/31/1982	Tân Lập	Sở GD&ĐT	100	
1629	GD1490	Nguyễn Thị Kim Thu	3/10/1975	Tân Lập	Sở GD&ĐT	100	
1630	GD1491	Đỗ Thị Minh Nguyệt	10/18/1982	Tân Lập	Sở GD&ĐT	100	
1631	GD1492	Ngô Thị Kim Thu	7/18/1987	Tân Lập	Sở GD&ĐT	100	
1632	GD1493	Nguyễn Thị Minh Thuyết	8/26/1975	Tân Lập	Sở GD&ĐT	100	
1633	GD1494	Nguyễn Thị Phương Anh	10/11/1978	Tân Lập	Sở GD&ĐT	100	
1634	GD1495	Đỗ Thị Hồi	12/21/1986	Tân Lập	Sở GD&ĐT	100	
1635	GD1496	Nguyễn Thị Hồng	1/4/1984	Tân Lập	Sở GD&ĐT	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1636	GD1497	Nguyễn Thị Thu Phương	10/4/1977	Tân Lập	Sở GD&ĐT	80	Thiếu minh chứng về thi đua, khen thưởng
1637	GD1498	Bùi Thị Ngọc Lan	1/13/1985	Tân Lập	Sở GD&ĐT	100	
1638	GD1499	Lê Đức Duy	11/1/1984	Tân Lập	Sở GD&ĐT	100	
1639	GD1500	Đặng Thị Ngọc Ánh	9/7/1981	Tân Lập	Sở GD&ĐT	100	
1640	GD1501	Nguyễn Anh Tuấn	2/3/1977	Tây Hồ	Sở GD&ĐT	100	
1641	GD1502	Phạm Thị Thanh Thuỷ	12/9/1977	Tây Hồ	Sở GD&ĐT	100	
1642	GD1503	Nguyễn Phi Long	4/17/1976	Tây Hồ	Sở GD&ĐT	100	
1643	GD1504	Cao Thuỳ Dương	5/21/1974	Tây Hồ	Sở GD&ĐT	100	
1644	GD1505	Nguyễn Thị Phương Quỳnh	2/13/1982	Tây Hồ	Sở GD&ĐT	100	
1645	GD1506	Lê Hồng Nhung	6/17/1983	Tây Hồ	Sở GD&ĐT	100	
1646	GD1507	Nguyễn Thị Lan Anh	2/15/1980	Tây Hồ	Sở GD&ĐT	100	
1647	GD1508	Nhữ Thị Ngọc Minh	3/22/1983	Tây Hồ	Sở GD&ĐT	100	
1648	GD1509	Nguyễn Thị Chiến	12/28/1977	Tây Hồ	Sở GD&ĐT	100	
1649	GD1510	Hà Thị Ngọc Hà	4/28/1982	Tây Hồ	Sở GD&ĐT	100	
1650	GD1511	Lê Thị Thu Trà	10/10/1985	Tây Hồ	Sở GD&ĐT	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CD 7, 8)
1651	GD1512	Nguyễn Thị Hường	5/24/1982	Tây Hồ	Sở GD&ĐT	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CD 7, 8)
1652	GD1513	Nguyễn Phương Linh	7/3/1988	Tây Hồ	Sở GD&ĐT	100	
1653	GD1514	Vũ Văn Nhân	6/13/1983	Tây Hồ	Sở GD&ĐT	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CD 7, 8)
1654	GD1515	Tổng Thu Hằng	6/12/1981	Tây Hồ	Sở GD&ĐT	100	
1655	GD1516	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh	6/2/1986	Tây Hồ	Sở GD&ĐT	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CD 7, 8)
1656	GD1517	Nguyễn Thị Thu Hương	9/30/1978	Tây Hồ	Sở GD&ĐT	85	Thiếu QĐ bổ nhiệm CDNN V.07.05.15
1657	GD1518	Trần Quang Vinh	10/15/1986	Tây Hồ	Sở GD&ĐT	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CD 7, 8)
1658	GD1519	Nguyễn Minh Hường	6/9/1978	Tây Hồ	Sở GD&ĐT	100	
1659	GD1520	Võ Thị Thanh	8/7/1978	Tây Hồ	Sở GD&ĐT	100	
1660	GD1521	Đỗ Hữu Đông	11/28/1978	Tây Hồ	Sở GD&ĐT	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CD 7, 8)
1661	GD1522	Nguyễn Văn Hoàng	5/2/1989	Tây Hồ	Sở GD&ĐT	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CD 7, 8)
1662	GD1523	Nguyễn Thị Hào	10/28/1978	Tây Hồ	Sở GD&ĐT	100	
1663	GD1524	Nguyễn Thị Ánh	3/12/1980	Tây Hồ	Sở GD&ĐT	100	
1664	GD1525	Trịnh Thị Hồng Liễu	12/20/1986	Thạch Bàn	Sở GD&ĐT	100	
1665	GD1526	Nguyễn Thùy Dung	1/11/1985	Thạch Bàn	Sở GD&ĐT	100	
1666	GD1527	Lê Thị Hoài Văn	7/18/1977	Thạch Bàn	Sở GD&ĐT	100	
1667	GD1528	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	9/22/1976	Thạch Bàn	Sở GD&ĐT	100	
1668	GD1529	Phạm Thị Hoài Thu	5/21/1987	Thạch Bàn	Sở GD&ĐT	100	
1669	GD1530	Nguyễn Thị Hương	6/7/1989	Thạch Bàn	Sở GD&ĐT	100	
1670	GD1531	Trần Thu Hậu	12/11/1986	Thạch Bàn	Sở GD&ĐT	85	Chưa đủ thời gian giữ CDNN hạng III
1671	GD1532	Nguyễn Thị Thu	12/8/1983	Thạch Bàn	Sở GD&ĐT	100	
1672	GD1533	Vũ Thị Hoa	7/11/1988	Thạch Bàn	Sở GD&ĐT	100	
1673	GD1534	Vũ Thị Hà	10/4/1981	Thạch Bàn	Sở GD&ĐT	100	
1674	GD1535	Hoàng Thị Liên	3/11/1984	Thạch Bàn	Sở GD&ĐT	100	
1675	GD1536	Lê Thị Hà	8/5/1976	Thạch Bàn	Sở GD&ĐT	100	
1676	GD1537	Nguyễn Thanh Nam	12/22/1973	Thạch Bàn	Sở GD&ĐT	100	
1677	GD1538	Dương Thị Khánh Toàn	6/4/1974	Thạch Bàn	Sở GD&ĐT	100	
1678	GD1539	Vũ Thị Đông	10/21/1976	Thạch Bàn	Sở GD&ĐT	100	
1679	GD1540	Nguyễn Thị Hường	7/16/1977	Thạch Bàn	Sở GD&ĐT	100	
1680	GD1541	Nguyễn Thị Hồng Thơm	6/1/1979	Thạch Bàn	Sở GD&ĐT	100	
1681	GD1542	Nguyễn Viết Trung	6/13/1981	Thạch Bàn	Sở GD&ĐT	100	
1682	GD1543	Trịnh Thị Xuân	10/18/1982	Thạch Bàn	Sở GD&ĐT	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1683	GD1544	Lê Thị Hiền	6/12/1982	Thạch Bàn	Sở GD&ĐT	100	
1684	GD1545	Lê Thị Như Thủy	7/22/1984	Thạch Bàn	Sở GD&ĐT	100	
1685	GD1546	Trần Thị Linh	6/1/1987	Thạch Bàn	Sở GD&ĐT	100	
1686	GD1547	Nguyễn Quỳnh Liên	10/31/1989	Thạch Bàn	Sở GD&ĐT	100	
1687	GD1548	Nguyễn Lễ	5/2/1969	Thạch Thất	Sở GD&ĐT	100	
1688	GD1549	Nguyễn Thị Thu Hà	6/4/1968	Thạch Thất	Sở GD&ĐT	100	
1689	GD1550	Nguyễn Thị Kim Tuyến	4/30/1973	Thạch Thất	Sở GD&ĐT	100	
1690	GD1551	Đinh Quang Chiến	6/26/1977	Thạch Thất	Sở GD&ĐT	100	
1691	GD1552	Vũ Đình Chung	3/25/1979	Thạch Thất	Sở GD&ĐT	100	
1692	GD1553	Vũ Liên Hương	6/26/1976	Thạch Thất	Sở GD&ĐT	100	
1693	GD1554	Phí Mạnh Tiến	7/18/1990	Thạch Thất	Sở GD&ĐT	100	
1694	GD1555	Nguyễn Thị Thanh Thủy	7/3/1974	Thạch Thất	Sở GD&ĐT	100	
1695	GD1556	Nguyễn Thị Thiết	11/17/1979	Thạch Thất	Sở GD&ĐT	90	Thiếu chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm
1696	GD1557	Nguyễn Thị Dịu	11/16/1979	Thạch Thất	Sở GD&ĐT	100	
1697	GD1558	Nguyễn Thị Yên	12/5/1978	Thạch Thất	Sở GD&ĐT	100	
1698	GD1559	Đặng Thị Uyển Chi	12/27/1981	Thạch Thất	Sở GD&ĐT	100	
1699	GD1560	Đào Thị Thủy	11/27/1985	Thạch Thất	Sở GD&ĐT	100	
1700	GD1561	Phí Đình Quyết	3/1/1969	Thạch Thất	Sở GD&ĐT	100	
1701	GD1562	Nguyễn Văn Thiện	7/20/1969	Thạch Thất	Sở GD&ĐT	90	Thiếu chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm
1702	GD1563	Vương Thị Bích	10/7/1981	Thạch Thất	Sở GD&ĐT	90	Thiếu bằng Đại học tại thời điểm tuyển dụng và chứng chỉ ANQP trong hồ sơ
1703	GD1564	Tạ Thị Ngọc Mai	1/16/1990	Thạch Thất	Sở GD&ĐT	100	
1704	GD1565	Cù Quốc Chinh	6/19/1976	Thạch Thất	Sở GD&ĐT	85	Thiếu QĐ bổ nhiệm CDNN V.07.05.15
1705	GD1566	Vũ Thị Minh Nguyệt	12/13/1977	Thạch Thất	Sở GD&ĐT	100	
1706	GD1567	Kiều Thị Thuý	4/20/1978	Thạch Thất	Sở GD&ĐT	100	
1707	GD1568	Nguyễn Thị Hiền Minh	11/23/1979	Thạch Thất	Sở GD&ĐT	100	
1708	GD1569	Nguyễn Thị Thu Hương	8/14/1985	Thạch Thất	Sở GD&ĐT	100	
1709	GD1570	Nguyễn Thanh Chát	2/17/1977	Thạch Thất	Sở GD&ĐT	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)
1710	GD1571	Nguyễn Ngọc Tuấn	2/16/1982	Thạch Thất	Sở GD&ĐT	100	
1711	GD1572	Nguyễn Thị Phương	5/6/1975	Thạch Thất	Sở GD&ĐT	100	
1712	GD1573	Nguyễn Hồng Liên	10/26/1982	Thạch Thất	Sở GD&ĐT	100	
1713	GD1574	Hoàng Thị Hải Lý	1/11/1979	Thăng Long	Sở GD&ĐT	100	
1714	GD1575	Nguyễn Thị Thanh Hà	10/11/1983	Thăng Long	Sở GD&ĐT	100	
1715	GD1576	Lưu Thùy Dương	10/15/1981	Thăng Long	Sở GD&ĐT	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)
1716	GD1577	Nguyễn Thị Vân Anh	1/27/1980	Thăng Long	Sở GD&ĐT	100	
1717	GD1578	Nguyễn Nguyên Khánh	3/21/1975	Thăng Long	Sở GD&ĐT	90	Thiếu chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm
1718	GD1579	Vũ Thị Hoa	1/27/1970	Thăng Long	Sở GD&ĐT	100	
1719	GD1580	Lương Thanh Mai	7/28/1974	Thăng Long	Sở GD&ĐT	100	
1720	GD1581	Nguyễn Thị Yên	2/9/1980	Thăng Long	Sở GD&ĐT	100	
1721	GD1582	Nguyễn Thị Bích Thủy	7/26/1978	Thăng Long	Sở GD&ĐT	100	
1722	GD1583	Nguyễn Thị Vân Anh	2/25/1988	Thăng Long	Sở GD&ĐT	100	
1723	GD1584	Nguyễn Thị Tuyết	4/29/1975	Thăng Long	Sở GD&ĐT	100	
1724	GD1585	Bùi Mạnh Huân	3/6/1984	Thăng Long	Sở GD&ĐT	100	
1725	GD1586	Nghiêm Xuân Lực	3/10/1985	Thăng Long	Sở GD&ĐT	100	
1726	GD1587	Hoàng Vinh	3/3/1980	Thăng Long	Sở GD&ĐT	100	
1727	GD1588	Nguyễn Thị Hà	5/7/1984	Thăng Long	Sở GD&ĐT	100	
1728	GD1589	Vũ Tuấn Khôi	12/30/1982	Thăng Long	Sở GD&ĐT	100	
1729	GD1590	Nguyễn Thị Thu Hiền	8/22/1977	Thăng Long	Sở GD&ĐT	100	
1730	GD1591	Đỗ Thị Bảo Hòa	10/28/1982	Thăng Long	Sở GD&ĐT	100	
1731	GD1592	Đỗ Thanh Hiền	6/12/1984	Thăng Long	Sở GD&ĐT	100	
1732	GD1593	Trần Thị Thu Hằng	11/8/1988	Thăng Long	Sở GD&ĐT	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1733	GD1594	Cao Thị Minh Huệ	8/10/1970	Thăng Long	Sở GD&ĐT	100	
1734	GD1595	Phạm Văn Ngọc	12/8/1987	Thăng Long	Sở GD&ĐT	100	
1735	GD1596	Đào Thúy Hạnh	2/23/1984	Thăng Long	Sở GD&ĐT	100	
1736	GD1597	Lê Đức Việt	11/22/1983	Thăng Long	Sở GD&ĐT	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CD 7, 8)
1737	GD1598	Đoàn Thị Ngọc Mai	10/21/1986	Thăng Long	Sở GD&ĐT	100	
1738	GD1599	Lê Xuân Thông	25/2/1976	Thanh Oai A	Sở GD&ĐT	100	
1739	GD1600	Nguyễn Thị Kim Tuyến	03/9/1976	Thanh Oai A	Sở GD&ĐT	100	
1740	GD1601	Trần Thị Mai Lan	16/2/1977	Thanh Oai A	Sở GD&ĐT	100	
1741	GD1602	Nguyễn Thị Thư	03/2/1980	Thanh Oai A	Sở GD&ĐT	100	
1742	GD1603	Thân Thị Huyền	01/11/1982	Thanh Oai A	Sở GD&ĐT	100	
1743	GD1604	Nguyễn Phi Long	21/5/1983	Thanh Oai A	Sở GD&ĐT	100	
1744	GD1605	Nguyễn Thị Hằng	06/11/1977	Thanh Oai A	Sở GD&ĐT	100	
1745	GD1606	Đỗ Thị Hoa Thủy	20/10/1981	Thanh Oai A	Sở GD&ĐT	100	
1746	GD1607	Nguyễn Hữu Sinh	31/05/1978	Thanh Oai A	Sở GD&ĐT	100	
1747	GD1608	Nguyễn Thị Lan	19/10/1980	Thanh Oai A	Sở GD&ĐT	100	
1748	GD1609	Lưu Thị Nhung	06/12/1984	Thanh Oai A	Sở GD&ĐT	100	
1749	GD1610	Nguyễn Thành Sơn	5/8/1979	Thanh Oai B	Sở GD&ĐT	100	
1750	GD1611	Nguyễn Kim Huynh	11/20/1968	Thanh Oai B	Sở GD&ĐT	100	
1751	GD1612	Lê Thị Thu Hương	7/30/1976	Thanh Oai B	Sở GD&ĐT	100	
1752	GD1613	Lê Thanh Tình	11/4/1978	Thanh Oai B	Sở GD&ĐT	100	
1753	GD1614	Tạ Thị Nga	10/3/1978	Thanh Oai B	Sở GD&ĐT	100	
1754	GD1615	Trần Anh Đức	4/15/1983	Thanh Oai B	Sở GD&ĐT	100	
1755	GD1616	Bạch Thị Châm	5/12/1984	Thanh Oai B	Sở GD&ĐT	100	
1756	GD1617	Phạm Văn Cung	9/3/1981	Thanh Oai B	Sở GD&ĐT	100	
1757	GD1618	Nguyễn Sỹ Vinh	9/13/1984	Thanh Oai B	Sở GD&ĐT	100	
1758	GD1619	Nguyễn Quý Dũng	1/1/1980	Thọ Xuân	Sở GD&ĐT	100	
1759	GD1620	Vương Thị Hiền	6/1/1983	Thọ Xuân	Sở GD&ĐT	95	Không có bản đánh giá xếp loại viên chức năm học 2021-2022
1760	GD1621	Nguyễn Thị Quyên	4/28/1988	Thọ Xuân	Sở GD&ĐT	95	Không có bản đánh giá xếp loại viên chức năm học 2021-2022
1761	GD1622	Nguyễn Thị Minh Nguyên	7/1/1975	Thượng Cát	Sở GD&ĐT	100	
1762	GD1623	Lưu Quỳnh Nga	7/28/1986	Thượng Cát	Sở GD&ĐT	100	
1763	GD1624	Nguyễn Thị Hường	13/07/1076	Thượng Cát	Sở GD&ĐT	100	
1764	GD1625	Nguyễn Văn Tư	12/23/1983	Thượng Cát	Sở GD&ĐT	100	
1765	GD1626	Bùi Thị Bích Ngọc	5/18/1978	Thượng Cát	Sở GD&ĐT	100	
1766	GD1627	Nguyễn Thị Lan	9/17/1979	Thượng Cát	Sở GD&ĐT	100	
1767	GD1628	Nguyễn Thị Đức Hạnh	1/1/1976	Thượng Cát	Sở GD&ĐT	100	
1768	GD1629	Phạm Vĩnh Bình	22/03/1971	Thường Tín	Sở GD&ĐT	100	
1769	GD1630	Đỗ Thuý Trinh	04/9/1979	Thường Tín	Sở GD&ĐT	100	
1770	GD1631	Nguyễn Thị Thu Hằng	17/11/1979	Thường Tín	Sở GD&ĐT	100	
1771	GD1632	Phạm Thúy Bình	24/12/1976	Thường Tín	Sở GD&ĐT	100	
1772	GD1633	Trần Đức Ánh	17/7/1975	Thường Tín	Sở GD&ĐT	100	
1773	GD1634	Bùi Thị Xuyên	23/8/1979	Thường Tín	Sở GD&ĐT	100	
1774	GD1635	Phí Thị Hà	4/2/1977	Tiến Thịnh	Sở GD&ĐT	100	
1775	GD1636	Lê Hồng Hạnh	5/22/1983	Tiến Thịnh	Sở GD&ĐT	100	
1776	GD1637	Lê Thị Bích Hường	5/1/1984	Tiến Thịnh	Sở GD&ĐT	100	
1777	GD1638	Trịnh Hữu Khang	26/11/1968	Tô Hiệu - T.Tín	Sở GD&ĐT	100	
1778	GD1639	Nguyễn Thị Phụng	08/3/1982	Tô Hiệu - T.Tín	Sở GD&ĐT	100	
1779	GD1640	Phạm Thị Hương	09/11/1975	Tô Hiệu - T.Tín	Sở GD&ĐT	100	
1780	GD1641	Lê Thị Anh	31/8/1979	Tô Hiệu - T.Tín	Sở GD&ĐT	100	
1781	GD1642	Nguyễn Thị Thùy Phương	19/12/1977	Tô Hiệu - T.Tín	Sở GD&ĐT	100	
1782	GD1643	Phạm Thế Hà	6/4/1982	Tô Hiệu - T.Tín	Sở GD&ĐT	100	
1783	GD1644	Nguyễn Thị Huệ	5/28/1975	Tô Hiệu - T.Tín	Sở GD&ĐT	100	
1784	GD1645	Nguyễn Văn Toàn	6/30/1987	Tô Hiệu - T.Tín	Sở GD&ĐT	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1785	GD1646	Mai Hương Thảo	28/11/1985	Tô Hiệu - T.Tín	Sở GD&ĐT	100	
1786	GD1647	Phạm Thành Công	8/29/1989	Tô Hiệu - T.Tín	Sở GD&ĐT	100	
1787	GD1648	Nguyễn Thị Vân Anh	19/7/1981	Tô Hiệu - T.Tín	Sở GD&ĐT	100	
1788	GD1649	Hoàng Thị Dung	28/05/1976	Tô Hiệu - T.Tín	Sở GD&ĐT	100	
1789	GD1650	Nguyễn Ngọc Thanh	05/12/1977	Tô Hiệu - T.Tín	Sở GD&ĐT	100	
1790	GD1651	Nguyễn Đức Minh	1/2/1987	Tô Hiệu - T.Tín	Sở GD&ĐT	100	
1791	GD1652	Dương Thị Thủy Duyên	18/9/1979	Tô Hiệu - T.Tín	Sở GD&ĐT	100	
1792	GD1653	Hoàng Hoài Anh	10/1/1982	Tô Hiệu - T.Tín	Sở GD&ĐT	100	
1793	GD1654	Lê Minh Đạo	11/10/1977	Tô Hiệu - T.Tín	Sở GD&ĐT	100	
1794	GD1655	Nguyễn Thị Hồng	18/10/1989	Tô Hiệu - T.Tín	Sở GD&ĐT	100	
1795	GD1656	Phùng Ba Huế	8/15/1985	Trần Đăng Ninh	Sở GD&ĐT	100	
1796	GD1657	Nguyễn Tiến Xuân	12/3/1969	Trần Đăng Ninh	Sở GD&ĐT	90	Thiếu chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm
1797	GD1658	Trần Văn Mạn	1/11/1975	Trần Đăng Ninh	Sở GD&ĐT	100	
1798	GD1659	Nguyễn Quang Vinh	9/19/1976	Trần Đăng Ninh	Sở GD&ĐT	100	
1799	GD1660	Nguyễn Bá Thới	10/15/1987	Trần Đăng Ninh	Sở GD&ĐT	100	
1800	GD1661	Đắc Thị Lưu Dung Duyên	11/14/1988	Trần Đăng Ninh	Sở GD&ĐT	100	
1801	GD1662	Bùi Tiến Công	12/6/1976	Trần Đăng Ninh	Sở GD&ĐT	100	
1802	GD1663	Mai Xuân Đề	1/28/1977	Trần Đăng Ninh	Sở GD&ĐT	90	Thiếu chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm
1803	GD1664	Đỗ Anh Tuấn	2/4/1977	Trần Đăng Ninh	Sở GD&ĐT	100	
1804	GD1665	Nguyễn Văn Kỳ	5/8/1981	Trần Đăng Ninh	Sở GD&ĐT	100	
1805	GD1666	Trần Bá Thọ	11/10/1986	Trần Đăng Ninh	Sở GD&ĐT	100	
1806	GD1667	Lương Khánh Thuỳ	3/3/1976	Trần Đăng Ninh	Sở GD&ĐT	100	
1807	GD1668	Nguyễn Thị Nguyệt	1/25/1981	Trần Đăng Ninh	Sở GD&ĐT	100	
1808	GD1669	Hồ Thị Việt Liên	11/11/1982	Trần Đăng Ninh	Sở GD&ĐT	100	
1809	GD1670	Nguyễn Thị Hân	3/21/1986	Trần Đăng Ninh	Sở GD&ĐT	100	
1810	GD1671	Nguyễn Thế Lực	12/27/1981	Trần Đăng Ninh	Sở GD&ĐT	90	Thiếu chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm
1811	GD1672	Hoàng Xuân Lộc	8/4/1980	Trần Đăng Ninh	Sở GD&ĐT	100	
1812	GD1673	Hồ Văn Quân	5/29/1982	Trần Đăng Ninh	Sở GD&ĐT	100	
1813	GD1674	Dương Thị Huyền	1/5/1978	Trần Đăng Ninh	Sở GD&ĐT	100	
1814	GD1675	Phạm Thu Hằng	8/22/1978	Trần Đăng Ninh	Sở GD&ĐT	90	Thiếu chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm
1815	GD1676	Kiều Thị Phụng	2/28/1981	Trần Đăng Ninh	Sở GD&ĐT	100	
1816	GD1677	Lê Thị Hương Duyên	1/10/1982	Trần Đăng Ninh	Sở GD&ĐT	100	
1817	GD1678	Lê Thị Thu Hương	5/10/1983	Trần Đăng Ninh	Sở GD&ĐT	100	
1818	GD1679	Đặng Thị Giang	9/27/1984	Trần Đăng Ninh	Sở GD&ĐT	100	
1819	GD1680	Lê Xuân Cảnh	3/23/1979	Trần Đăng Ninh	Sở GD&ĐT	90	Thiếu chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm
1820	GD1681	Hoàng Song Vũ	2/9/1986	Trần Đăng Ninh	Sở GD&ĐT	100	
1821	GD1682	Nguyễn Thị Huyền	12/20/1979	Trần Đăng Ninh	Sở GD&ĐT	90	Thiếu chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm
1822	GD1683	Mai Thị Thu Đông	7/1/1984	Trần Đăng Ninh	Sở GD&ĐT	90	Thiếu chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm
1823	GD1684	Vũ Thị Ninh	8/13/1987	Trần Đăng Ninh	Sở GD&ĐT	95	Không có bản đánh giá xếp loại viên chức năm học 2021-2022
1824	GD1685	Nguyễn Thanh Bình	10/26/1975	Trần Đăng Ninh	Sở GD&ĐT	100	
1825	GD1686	Mai Danh Suốt	12/27/1988	Trần Đăng Ninh	Sở GD&ĐT	85	Thiếu QĐ bổ nhiệm CDNN V.07.05.15
1826	GD1687	Trịnh Thị Hà	10/8/1974	Tr H Đạo-H.Đông	Sở GD&ĐT	100	
1827	GD1688	Nguyễn Thị Thu Trang	12/10/1982	Tr H Đạo-H.Đông	Sở GD&ĐT	100	
1828	GD1689	Trịnh Tuấn Hải	6/17/1977	Tr H Đạo-H.Đông	Sở GD&ĐT	100	
1829	GD1690	Nguyễn Thái Hà	4/2/1977	Tr H Đạo-H.Đông	Sở GD&ĐT	100	
1830	GD1691	Vũ Đình Hà	12/15/1969	Tr H Đạo-T.Xuân	Sở GD&ĐT	100	
1831	GD1692	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	7/18/1982	Tr H Đạo-T.Xuân	Sở GD&ĐT	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1832	GD1693	Đặng Thanh Bình	6/26/1973	Tr H Đạo-T.Xuân	Sở GD&ĐT	90	Thiếu chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm
1833	GD1694	Vũ Quốc Hưng	11/23/1977	Tr H Đạo-T.Xuân	Sở GD&ĐT	100	
1834	GD1695	Phạm Như Quỳnh	6/26/1984	Tr H Đạo-T.Xuân	Sở GD&ĐT	100	
1835	GD1696	Tổng Thị Hòa	1/4/1976	Tr H Đạo-T.Xuân	Sở GD&ĐT	100	
1836	GD1697	Ngô Thị Biên	3/2/1976	Tr H Đạo-T.Xuân	Sở GD&ĐT	100	
1837	GD1698	Trần Thị Minh Hằng	10/25/1971	Tr H Đạo-T.Xuân	Sở GD&ĐT	100	
1838	GD1699	Đỗ Thị Thu Hồng	3/18/1977	Tr H Đạo-T.Xuân	Sở GD&ĐT	100	
1839	GD1700	Phạm Thị Thu Duyên	2/13/1984	Tr H Đạo-T.Xuân	Sở GD&ĐT	100	
1840	GD1701	Trần Thị Cúc	5/9/1987	Tr H Đạo-T.Xuân	Sở GD&ĐT	100	
1841	GD1702	Đỗ Năng Huân	10/20/1983	Tr H Đạo-T.Xuân	Sở GD&ĐT	100	
1842	GD1703	Đặng Thúy Hiền	11/20/1976	Tr H Đạo-T.Xuân	Sở GD&ĐT	100	
1843	GD1704	Nguyễn Thị Thu Hạnh	1/31/1976	Tr H Đạo-T.Xuân	Sở GD&ĐT	100	
1844	GD1705	Nguyễn Trọng Phong	3/25/1977	Trần Nhân Tông	Sở GD&ĐT	100	
1845	GD1706	Đoàn Thị Hoài Yến	6/26/1975	Trần Nhân Tông	Sở GD&ĐT	100	
1846	GD1707	Trần Thị Mỹ Hà	10/29/1973	Trần Nhân Tông	Sở GD&ĐT	100	
1847	GD1708	Vũ Quốc Hùng	3/7/1967	Trần Nhân Tông	Sở GD&ĐT	100	
1848	GD1709	Nguyễn Xuân Lộc	11/7/1970	Trần Nhân Tông	Sở GD&ĐT	100	
1849	GD1710	Trần Thùy Trang	11/26/1976	Trần Nhân Tông	Sở GD&ĐT	100	
1850	GD1711	Hà Văn Thận	8/6/1977	Trần Nhân Tông	Sở GD&ĐT	100	
1851	GD1712	Đinh Thị Hà	5/12/1978	Trần Nhân Tông	Sở GD&ĐT	100	
1852	GD1713	Nguyễn Thúy Hạnh	8/30/1977	Trần Nhân Tông	Sở GD&ĐT	100	
1853	GD1714	Ngô Thị Hạnh	10/18/1974	Trần Nhân Tông	Sở GD&ĐT	100	
1854	GD1715	Lý Thanh Hương	12/3/1981	Trần Nhân Tông	Sở GD&ĐT	100	
1855	GD1716	Nguyễn Văn Giang	11/5/1976	Trần Nhân Tông	Sở GD&ĐT	100	
1856	GD1717	Nguyễn Thị Thùy Dương	10/22/1985	Trần Nhân Tông	Sở GD&ĐT	100	
1857	GD1718	Hồ Thanh Huyền	9/14/1975	Trần Nhân Tông	Sở GD&ĐT	100	
1858	GD1719	Bùi Thị Tuyết Lê	10/5/1984	Trần Nhân Tông	Sở GD&ĐT	100	
1859	GD1720	Vũ Thị Sen	1/2/1984	Trần Nhân Tông	Sở GD&ĐT	100	
1860	GD1721	Trần Thị Bích Thảo	8/16/1983	Trần Nhân Tông	Sở GD&ĐT	100	
1861	GD1722	Nguyễn Thị Xuân Hồng	2/6/1972	Trần Nhân Tông	Sở GD&ĐT	100	
1862	GD1723	Nguyễn Thị Phương	9/21/1984	Trần Nhân Tông	Sở GD&ĐT	100	
1863	GD1724	Nguyễn Thị Lý	12/22/1984	Trần Nhân Tông	Sở GD&ĐT	100	
1864	GD1725	Cao Thị Tú Anh	2/3/1978	Trần Nhân Tông	Sở GD&ĐT	100	
1865	GD1726	Nguyễn Thị Thanh Huyền	8/14/1974	Trần Nhân Tông	Sở GD&ĐT	100	
1866	GD1727	Nguyễn Thị Thu Hiền	8/9/1985	Trần Nhân Tông	Sở GD&ĐT	100	
1867	GD1728	Phạm Thị Hà	4/10/1985	Trần Nhân Tông	Sở GD&ĐT	100	
1868	GD1729	Trần Thị Duyên	6/14/1982	Trần Nhân Tông	Sở GD&ĐT	100	
1869	GD1730	Hoàng Hải Yến	7/27/1986	Trần Nhân Tông	Sở GD&ĐT	100	
1870	GD1731	Trần Thị Hải Hậu	11/12/1976	Trần Nhân Tông	Sở GD&ĐT	100	
1871	GD1732	Phan Thanh Nga	6/15/1982	Trần Nhân Tông	Sở GD&ĐT	100	
1872	GD1733	Mai Thị Hoa	9/25/1977	Trần Nhân Tông	Sở GD&ĐT	100	
1873	GD1734	Vũ Thị Thanh Luyến	4/15/1980	Trần Nhân Tông	Sở GD&ĐT	100	
1874	GD1735	Phùng Thị Hảo	12/20/1984	Trần Nhân Tông	Sở GD&ĐT	100	
1875	GD1736	Đỗ Thành Chung	6/28/1986	Trần Nhân Tông	Sở GD&ĐT	100	
1876	GD1737	Đỗ Thị Lý	5/14/1976	Trần Nhân Tông	Sở GD&ĐT	80	Danh hiệu thi đua cấp từ 2008-2009
1877	GD1738	Nguyễn Thị Linh	12/26/1979	Trần Nhân Tông	Sở GD&ĐT	100	
1878	GD1739	Lê Thị Xuân	3/30/1987	Trần Nhân Tông	Sở GD&ĐT	100	
1879	GD1740	Đặng Thị Minh	11/27/1983	Trần Nhân Tông	Sở GD&ĐT	100	
1880	GD1741	Nguyễn Thanh Bình	5/1/1984	Trần Nhân Tông	Sở GD&ĐT	85	Thiếu QĐ bổ nhiệm CDNN V.07.05.15
1881	GD1742	Nguyễn Thanh Hằng	1/4/1986	Trần Nhân Tông	Sở GD&ĐT	100	
1882	GD1743	Phạm Thị Thu Hiền	4/8/1979	Trần Nhân Tông	Sở GD&ĐT	100	
1883	GD1744	Tăng Nguyễn Tú Thi	10/12/1978	Trần Nhân Tông	Sở GD&ĐT	100	
1884	GD1745	Trương Thị Thu Hiền	8/3/1968	Trần Nhân Tông	Sở GD&ĐT	100	
1885	GD1746	Nguyễn Thị Thu Huyền	2/29/1980	Trần Phú-H.Kiểm	Sở GD&ĐT	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1886	GD1747	Vũ Thị Bình	2/26/1972	Trần Phú-H.Kiểm	Sở GD&ĐT	100	
1887	GD1748	Nguyễn Hồng Nga	7/18/1971	Trần Phú-H.Kiểm	Sở GD&ĐT	100	
1888	GD1749	Phạm Thị Hoa	2/10/1978	Trần Phú-H.Kiểm	Sở GD&ĐT	100	
1889	GD1750	Phan Quốc Đoàn	3/28/1979	Trần Phú-H.Kiểm	Sở GD&ĐT	100	
1890	GD1751	Trần Thị Hải An	8/4/1978	Trần Phú-H.Kiểm	Sở GD&ĐT	100	
1891	GD1752	Nguyễn Thị Yến	5/7/1984	Trần Phú-H.Kiểm	Sở GD&ĐT	100	
1892	GD1753	Võ Thị Thu Hà	1/18/1973	Trần Phú-H.Kiểm	Sở GD&ĐT	100	
1893	GD1754	Ngô Thị Út	12/30/1983	Trần Phú-H.Kiểm	Sở GD&ĐT	100	
1894	GD1755	Bùi Thu Hiền	6/1/1977	Trần Phú-H.Kiểm	Sở GD&ĐT	100	
1895	GD1756	Tổng Thị Hoat	5/6/1979	Trần Phú-H.Kiểm	Sở GD&ĐT	100	
1896	GD1757	Nguyễn Thị Bích Thủy	6/4/1980	Trần Phú-H.Kiểm	Sở GD&ĐT	100	
1897	GD1758	Đặng Thị Thanh Hoa	7/19/1978	Trần Phú-H.Kiểm	Sở GD&ĐT	100	
1898	GD1759	Nguyễn Thị Thu Thủy	10/19/1978	Trần Phú-H.Kiểm	Sở GD&ĐT	100	
1899	GD1760	Phạm Thị Thu Hiền	10/25/1978	Trần Phú-H.Kiểm	Sở GD&ĐT	100	
1900	GD1761	Lê Thị Ngọc Hà	12/14/1977	Trần Phú-H.Kiểm	Sở GD&ĐT	100	
1901	GD1762	Phạm Tuấn Anh	5/24/1986	Trần Phú-H.Kiểm	Sở GD&ĐT	100	
1902	GD1763	Hoàng Đình Tiến	11/27/1977	Trần Phú-H.Kiểm	Sở GD&ĐT	100	
1903	GD1764	Đông Đạo Vinh	12/2/1972	Trần Phú-H.Kiểm	Sở GD&ĐT	90	Thiếu chứng chỉ bồi dưỡng CDNN
1904	GD1765	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	2/10/1984	Trần Phú-H.Kiểm	Sở GD&ĐT	100	
1905	GD1766	Nguyễn Tuấn Anh	10/20/1980	Trần Phú-H.Kiểm	Sở GD&ĐT	100	
1906	GD1767	Nguyễn Thị Thụ	3/6/1977	Trung Giã	Sở GD&ĐT	100	
1907	GD1768	Khổng Thị Thúy	11/16/1990	Trung Giã	Sở GD&ĐT	100	
1908	GD1769	Trần Thị Thanh Nhân	4/3/1985	Trung Giã	Sở GD&ĐT	100	
1909	GD1770	Hoàng Thị Mai Phương	3/30/1988	Trung Giã	Sở GD&ĐT	100	
1910	GD1771	Đỗ Thị Liên	5/9/1985	Trung Giã	Sở GD&ĐT	100	
1911	GD1772	Nguyễn Lệ Thủy	3/10/1983	Trung Giã	Sở GD&ĐT	95	Thiếu minh chứng về khả năng sử dụng ngoại ngữ
1912	GD1773	Ngô Văn Chiến	10/7/1983	Trung Giã	Sở GD&ĐT	100	
1913	GD1774	Nguyễn Thị Lan	2/2/1986	Trung Giã	Sở GD&ĐT	100	
1914	GD1775	Nguyễn Thị Bích Ngọc	10/16/1986	Trung Giã	Sở GD&ĐT	95	Thiếu minh chứng về khả năng sử dụng ngoại ngữ
1915	GD1776	Nguyễn Thị Thế Ninh	11/5/1977	Trung Giã	Sở GD&ĐT	100	
1916	GD1777	Nguyễn Thị Oanh	6/7/1975	Trung Giã	Sở GD&ĐT	100	
1917	GD1778	Nguyễn Ngọc Nam	1/27/1977	Trung Văn	Sở GD&ĐT	100	
1918	GD1779	Nguyễn Hữu Trí	10/7/1979	Trung Văn	Sở GD&ĐT	100	
1919	GD1780	Đinh Thị Hiền	3/9/1978	Trung Văn	Sở GD&ĐT	100	
1920	GD1781	Bùi Minh Ngọc	4/12/1979	Trung Văn	Sở GD&ĐT	100	
1921	GD1782	Nguyễn Thị Phương	12/9/1979	Trung Văn	Sở GD&ĐT	100	
1922	GD1783	Nguyễn Việt Thanh	10/2/1970	Trung Văn	Sở GD&ĐT	100	
1923	GD1784	Nguyễn Thị Lan	2/6/1977	Trung Văn	Sở GD&ĐT	100	
1924	GD1785	Lê Văn Hoàn	12/7/1984	Trung Văn	Sở GD&ĐT	100	
1925	GD1786	Phạm Thị Hoàn	8/7/1979	Trung Văn	Sở GD&ĐT	100	
1926	GD1787	Nguyễn Thị Thu Quyên	12/5/1982	Trung Văn	Sở GD&ĐT	100	
1927	GD1788	Nguyễn Thị Hạnh	2/9/1985	Trung Văn	Sở GD&ĐT	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CD 7, 8)
1928	GD1789	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	3/9/1977	Trung Văn	Sở GD&ĐT	100	
1929	GD1790	Đào Thị Thu Hương	9/7/1978	Trung Văn	Sở GD&ĐT	100	
1930	GD1791	Lê Thu Thủy	5/23/1977	Trung Văn	Sở GD&ĐT	100	
1931	GD1792	Văn Thị Tuyết Minh	11/20/1975	Trung Văn	Sở GD&ĐT	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CD 7, 8)
1932	GD1793	Lê Thị Hà	6/22/1977	Trung Văn	Sở GD&ĐT	100	
1933	GD1794	Đinh Thị Thuý Bình	10/31/1969	Trương Định	Sở GD&ĐT	100	
1934	GD1795	Trần Thị Thu Huyền	5/13/1974	Trương Định	Sở GD&ĐT	100	
1935	GD1796	Bùi Quang Du	11/13/1978	Trương Định	Sở GD&ĐT	100	
1936	GD1797	Phạm Huỳnh Oanh	2/1/1977	Trương Định	Sở GD&ĐT	100	
1937	GD1798	Lò Thị Kiều Oanh	11/7/1978	Trương Định	Sở GD&ĐT	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1938	GD1799	Lê Duy Chung	4/29/1986	Trương Định	Sở GD&ĐT	100	
1939	GD1800	Nguyễn Thị Lôi	1/4/1978	Trương Định	Sở GD&ĐT	100	
1940	GD1801	Nguyễn Thị Thu Thủy	6/20/1976	Trương Định	Sở GD&ĐT	100	
1941	GD1802	Lê Thị Huyền Diệu	9/10/1978	Trương Định	Sở GD&ĐT	100	
1942	GD1803	Nguyễn Thị Thanh Tâm	7/21/1984	Trương Định	Sở GD&ĐT	100	
1943	GD1804	Đoàn Thị Diên	3/20/1985	Trương Định	Sở GD&ĐT	100	
1944	GD1805	Bùi ánh Tuyết	7/24/1980	Trương Định	Sở GD&ĐT	100	
1945	GD1806	Phạm Thị Ngọc Nga	4/12/1985	Trương Định	Sở GD&ĐT	100	
1946	GD1807	Lê Anh Tuấn	1/10/1974	Tự Lập	Sở GD&ĐT	100	
1947	GD1808	Hoàng Thanh Giang	7/2/1978	Tự Lập	Sở GD&ĐT	100	
1948	GD1809	Trần Văn Toán	10/2/1983	Tự Lập	Sở GD&ĐT	100	
1949	GD1810	Vũ Thị Thu Linh	8/16/1987	Tự Lập	Sở GD&ĐT	100	
1950	GD1811	Trịnh Đức Hạnh	4/17/1977	Tự Lập	Sở GD&ĐT	100	
1951	GD1812	Nguyễn Tuấn Anh	7/28/1984	Tự Lập	Sở GD&ĐT	100	
1952	GD1813	Nguyễn Thị Nhâm	8/12/1982	Tự Lập	Sở GD&ĐT	100	
1953	GD1814	Phạm Nguyệt Minh	1/10/1987	Tự Lập	Sở GD&ĐT	100	
1954	GD1815	Nguyễn Trung Kiên	23/9/1982	Tùng Thiện	Sở GD&ĐT	100	
1955	GD1816	Khuất Hồng Minh	08/12/1978	Tùng Thiện	Sở GD&ĐT	100	
1956	GD1817	Lê Thị Dung	30/4/1977	Tùng Thiện	Sở GD&ĐT	100	
1957	GD1818	Nguyễn Thị Dung	05/9/1972	Tùng Thiện	Sở GD&ĐT	100	
1958	GD1819	Tạ Thị Thanh Lê	22/04/1982	Tùng Thiện	Sở GD&ĐT	100	
1959	GD1820	Lê Diệu Loan	19/02/1979	Tùng Thiện	Sở GD&ĐT	100	
1960	GD1821	Khuất Hương Giang	08/4/1977	Tùng Thiện	Sở GD&ĐT	100	
1961	GD1822	Hà Thị Thanh Hải	02/09/1979	Tùng Thiện	Sở GD&ĐT	100	
1962	GD1823	Khuất Quang Cường	15/10/1979	Tùng Thiện	Sở GD&ĐT	100	
1963	GD1824	Lê Thị Lương	27/12/1975	Tùng Thiện	Sở GD&ĐT	100	
1964	GD1825	Chu Huy Lợi	07/11/1982	Tùng Thiện	Sở GD&ĐT	100	
1965	GD1826	Lê Minh Đức	23/11/1984	Tùng Thiện	Sở GD&ĐT	100	
1966	GD1827	Trần Trâm Anh	07/3/1976	Tùng Thiện	Sở GD&ĐT	100	
1967	GD1828	Nguyễn Thị Vân	01/10/1982	Tùng Thiện	Sở GD&ĐT	100	
1968	GD1829	Nguyễn Thị Thuỳ Hương	15/02/1983	Tùng Thiện	Sở GD&ĐT	100	
1969	GD1830	Phùng Thị Tân	14/2/1984	Tùng Thiện	Sở GD&ĐT	100	
1970	GD1831	Phùng Thị Nguyệt	09/5/1986	Tùng Thiện	Sở GD&ĐT	100	
1971	GD1832	Nguyễn Thị Liên	10/5/1987	Tùng Thiện	Sở GD&ĐT	100	
1972	GD1833	Nguyễn Hồng Quân	7/25/1978	Ứng Hoà A	Sở GD&ĐT	100	
1973	GD1834	Phạm Văn Thành	10/28/1970	Ứng Hoà A	Sở GD&ĐT	100	
1974	GD1835	Đặng Thanh Bình	5/12/1980	Ứng Hoà A	Sở GD&ĐT	100	
1975	GD1836	Vũ Minh Thao	2/4/1986	Ứng Hoà A	Sở GD&ĐT	100	
1976	GD1837	Đỗ Việt Hương	6/1/1977	Ứng Hoà A	Sở GD&ĐT	100	
1977	GD1838	Nguyễn Thị Quyên	3/23/1978	Ứng Hoà A	Sở GD&ĐT	100	
1978	GD1839	Nguyễn Thị Nguyệt	11/12/1988	Ứng Hoà A	Sở GD&ĐT	100	
1979	GD1840	Nguyễn Thị Thu Hương	9/20/1985	Ứng Hoà A	Sở GD&ĐT	100	
1980	GD1841	Lưu Thị Hồng Xiêm	12/14/1980	Ứng Hoà A	Sở GD&ĐT	100	
1981	GD1842	Nguyễn Thị Liễu	5/28/1976	Ứng Hoà A	Sở GD&ĐT	100	
1982	GD1843	Đặng Xuân Quang	6/18/1979	Ứng Hoà A	Sở GD&ĐT	100	
1983	GD1844	Nguyễn Thị Minh Huế	6/10/1978	Ứng Hoà A	Sở GD&ĐT	100	
1984	GD1845	Nguyễn Thị Tâm Hiền	070/7/1978	Ứng Hoà A	Sở GD&ĐT	100	
1985	GD1846	Nguyễn Thị Phương	1/20/1989	Ứng Hoà A	Sở GD&ĐT	100	
1986	GD1847	Nguyễn Tiến Điều	1/12/1979	Ứng Hoà A	Sở GD&ĐT	100	
1987	GD1848	Nguyễn Thị Ngọc	6/1/1978	Ứng Hoà A	Sở GD&ĐT	100	
1988	GD1849	Trần Phương Ngọc	11/3/1986	Ứng Hoà A	Sở GD&ĐT	100	
1989	GD1850	Nguyễn Thị Diệu Linh	7/25/1984	Ứng Hoà A	Sở GD&ĐT	100	
1990	GD1851	Nguyễn Thị Thùy Trang	7/10/1985	Ứng Hoà A	Sở GD&ĐT	100	
1991	GD1852	Nguyễn Thị Hội	10/10/1977	Ứng Hoà A	Sở GD&ĐT	100	
1992	GD1853	Nguyễn Thị Như Ngọc	8/18/1978	Ứng Hoà A	Sở GD&ĐT	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1993	GD1854	Nguyễn Văn Chát	6/20/1987	Ứng Hoà A	Sở GD&ĐT	100	
1994	GD1855	Nguyễn Thị Thúy	3/2/1987	Ứng Hoà A	Sở GD&ĐT	100	
1995	GD1856	Nguyễn Ngọc Báu	12/4/1978	Ứng Hoà A	Sở GD&ĐT	100	
1996	GD1857	Phạm Văn Tuyền	11/3/1984	Ứng Hoà A	Sở GD&ĐT	100	
1997	GD1858	Trần Thị Thu	11/27/1982	Ứng Hoà A	Sở GD&ĐT	100	
1998	GD1859	Vương Thị Huyền	8/9/1978	Ứng Hoà B	Sở GD&ĐT	100	
1999	GD1860	Ngô Thị Mai	6/24/1980	Ứng Hoà B	Sở GD&ĐT	100	
2000	GD1861	Ngô Thị Mai Hương	11/18/1980	Ứng Hoà B	Sở GD&ĐT	100	
2001	GD1862	Lê Văn Giồng	12/25/1974	Ứng Hoà B	Sở GD&ĐT	100	
2002	GD1863	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	4/10/1978	Ứng Hoà B	Sở GD&ĐT	100	
2003	GD1864	Tạ Thế Trung	10/28/1978	Ứng Hoà B	Sở GD&ĐT	100	
2004	GD1865	Lại Vũ Anh	4/26/1985	Ứng Hoà B	Sở GD&ĐT	100	
2005	GD1866	Nguyễn Thị Thúy Hằng	11/30/1981	Ứng Hoà B	Sở GD&ĐT	100	
2006	GD1867	Tường Thị Thủy	8/18/1982	Ứng Hoà B	Sở GD&ĐT	100	
2007	GD1868	Bùi Văn Đại	2/1/1989	Ứng Hoà B	Sở GD&ĐT	100	
2008	GD1869	Đoàn Văn Huy	3/5/1981	Ứng Hoà B	Sở GD&ĐT	100	
2009	GD1870	Lê Thị Thu Hà	9/1/1985	Ứng Hoà B	Sở GD&ĐT	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)
2010	GD1871	Nguyễn Thị Tuyết Lan	7/2/1987	Ứng Hoà B	Sở GD&ĐT	100	
2011	GD1872	Phạm Thị Huyền	3/30/1979	Ứng Hoà B	Sở GD&ĐT	100	
2012	GD1873	Nguyễn Thị Kim Ngân	6/13/1982	Ứng Hoà B	Sở GD&ĐT	100	
2013	GD1874	Đào Thị Hải Yến	11/30/1986	Ứng Hoà B	Sở GD&ĐT	100	
2014	GD1875	Nguyễn Thị Luyến	2/9/1988	Ứng Hoà B	Sở GD&ĐT	100	
2015	GD1876	Nguyễn Thị Hoài Hân	10/13/1985	Ứng Hoà B	Sở GD&ĐT	100	
2016	GD1877	Nguyễn Việt Bình	12/23/1963	Vân Cốc	Sở GD&ĐT	100	
2017	GD1878	Trần Thị Quỳnh Anh	1/8/1976	Vân Cốc	Sở GD&ĐT	100	
2018	GD1879	Bùi Thị Nga	4/10/1986	Vân Cốc	Sở GD&ĐT	100	
2019	GD1880	Đặng Văn Chung	2/12/1976	Vân Cốc	Sở GD&ĐT	100	
2020	GD1881	Đoàn Thị Toan	1/2/1973	Vân Cốc	Sở GD&ĐT	100	
2021	GD1882	Đào Thị Ánh Tuyết	6/21/1982	Vân Cốc	Sở GD&ĐT	100	
2022	GD1883	Hoàng Thị Lan Anh	5/11/1984	Vân Cốc	Sở GD&ĐT	100	
2023	GD1884	Lê Thị Hiền	12/1/1986	Vân Cốc	Sở GD&ĐT	100	
2024	GD1885	Vũ Thị Lợi	3/23/1976	Vân Cốc	Sở GD&ĐT	100	
2025	GD1886	Hà Hợp Hưng	4/10/1982	Vân Cốc	Sở GD&ĐT	100	
2026	GD1887	Nguyễn Thị Thúy Hồng	2/13/1978	Vân Cốc	Sở GD&ĐT	100	
2027	GD1888	Bùi Thị Hồng	3/30/1978	Vân Cốc	Sở GD&ĐT	100	
2028	GD1889	Trần Thị Hương	5/12/1981	Vân Cốc	Sở GD&ĐT	100	
2029	GD1890	Khuất Thị Thúy Liên	2/9/1983	Vân Cốc	Sở GD&ĐT	100	
2030	GD1891	Lưu Thị Thu	5/9/1983	Vân Cốc	Sở GD&ĐT	100	
2031	GD1892	Nguyễn Thúy Hạnh	4/9/1985	Vân Cốc	Sở GD&ĐT	100	
2032	GD1893	Nguyễn Diệu Linh	12/19/1986	Vân Cốc	Sở GD&ĐT	100	
2033	GD1894	Hoàng Thị Thúy	1/9/1987	Vân Cốc	Sở GD&ĐT	100	
2034	GD1895	Dương Ngọc Hiếu	9/5/1984	Vân Cốc	Sở GD&ĐT	100	
2035	GD1896	Đặng Thị Thu Hà	10/18/1980	Vân Cốc	Sở GD&ĐT	100	
2036	GD1897	Nguyễn Thị Thanh Tâm	6/24/1985	Vân Cốc	Sở GD&ĐT	100	
2037	GD1898	Dương Thị Hiền	10/14/1986	Vân Cốc	Sở GD&ĐT	100	
2038	GD1899	Nguyễn Thị Thùy	4/7/1990	Vân Cốc	Sở GD&ĐT	100	
2039	GD1900	Đặng Văn Hòa	11/7/1975	Vân Cốc	Sở GD&ĐT	100	
2040	GD1901	Nguyễn Văn Khoa	9/25/1975	Vân Cốc	Sở GD&ĐT	100	
2041	GD1902	Trần Thị Kim Nhung	7/20/1973	Vân Nội	Sở GD&ĐT	100	
2042	GD1903	Nguyễn Thị Vinh Hiền	9/24/1977	Vân Nội	Sở GD&ĐT	100	
2043	GD1904	Phạm Văn Sinh	11/20/1963	Vân Nội	Sở GD&ĐT	100	
2044	GD1905	Lê Anh Đại	8/22/1973	Vân Nội	Sở GD&ĐT	100	
2045	GD1906	Nguyễn Đăng Trung	3/13/1980	Vân Nội	Sở GD&ĐT	100	
2046	GD1907	Nguyễn Đăng Tường	12/21/1974	Vân Nội	Sở GD&ĐT	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
2047	GD1908	Nguyễn Quốc Tân	12/29/1975	Vân Nội	Sở GD&ĐT	100	
2048	GD1909	Phan Văn Khang	4/13/1967	Vân Nội	Sở GD&ĐT	100	
2049	GD1910	Nguyễn Thị Liên	6/8/1982	Vân Nội	Sở GD&ĐT	100	
2050	GD1911	Nguyễn Thị Huyền	7/16/1976	Vân Nội	Sở GD&ĐT	100	
2051	GD1912	Nguyễn Kiều Oanh	1/2/1975	Vân Nội	Sở GD&ĐT	100	
2052	GD1913	Nguyễn Văn Nhâm	10/26/1975	Vân Nội	Sở GD&ĐT	100	
2053	GD1914	Nguyễn Đức Dũng	10/4/1976	Vân Nội	Sở GD&ĐT	100	
2054	GD1915	Vương Thị Thoa	5/22/1977	Vân Nội	Sở GD&ĐT	100	
2055	GD1916	Phan Thị Hương	2/27/1979	Vân Nội	Sở GD&ĐT	100	
2056	GD1917	Lại Hồng Hương	12/25/1982	Vân Nội	Sở GD&ĐT	100	
2057	GD1918	Nguyễn Tự Sinh	2/27/1977	Vân Nội	Sở GD&ĐT	100	
2058	GD1919	Nguyễn Hữu Huynh	11/28/1982	Vân Nội	Sở GD&ĐT	100	
2059	GD1920	Vũ Thị Hồng Nhung	9/11/1977	Vân Nội	Sở GD&ĐT	100	
2060	GD1921	Nguyễn Thị Ngọc	5/6/1985	Vân Nội	Sở GD&ĐT	100	
2061	GD1922	Lê Thị Huyền	3/30/1980	Vân Nội	Sở GD&ĐT	100	
2062	GD1923	Đỗ Thị Thu Thảo	12/19/1976	Vân Tảo	Sở GD&ĐT	100	
2063	GD1924	Phạm Việt Hải	1/18/1978	Vân Tảo	Sở GD&ĐT	100	
2064	GD1925	Lãnh Thị Chăm	5/21/1977	Vân Tảo	Sở GD&ĐT	100	
2065	GD1926	Phùng Thị Tuyết Mai	10/21/1977	Vân Tảo	Sở GD&ĐT	100	
2066	GD1927	Từ Thị Thoa	8/16/1981	Vân Tảo	Sở GD&ĐT	100	
2067	GD1928	Phạm Lệ Thủy	3/8/1981	Vân Tảo	Sở GD&ĐT	100	
2068	GD1929	Nguyễn Lan Anh	8/20/1981	Vân Tảo	Sở GD&ĐT	100	
2069	GD1930	Hà Thị Diễm Lộc	3/10/1986	Vân Tảo	Sở GD&ĐT	100	
2070	GD1931	Nguyễn Thị Hồng Nhung	9/4/1986	Vân Tảo	Sở GD&ĐT	100	
2071	GD1932	Đặng Thị Lan	5/5/1977	Vân Tảo	Sở GD&ĐT	100	
2072	GD1933	Lương Thị Hoa	11/29/1976	Vân Tảo	Sở GD&ĐT	100	
2073	GD1934	Nguyễn Thị Thúy Ngân	8/28/1975	Vân Tảo	Sở GD&ĐT	100	
2074	GD1935	Nguyễn Thị Dung	05/12/1988	Vạn Xuân - HĐ	Sở GD&ĐT	100	
2075	GD1936	Tuấn Thị Mai Khanh	12/11/1976	Vạn Xuân - HĐ	Sở GD&ĐT	100	
2076	GD1937	Nguyễn Thị Hạnh	11/9/1978	Vạn Xuân - HĐ	Sở GD&ĐT	100	
2077	GD1938	Phú Thị Hoài Thu	29/7/1982	Vạn Xuân - HĐ	Sở GD&ĐT	100	
2078	GD1939	Đặng Thị Thanh Trà	27/11/1976	Vạn Xuân - HĐ	Sở GD&ĐT	100	
2079	GD1940	Đỗ Thị Nga	10/11/1984	Vạn Xuân - HĐ	Sở GD&ĐT	100	
2080	GD1941	Nguyễn Minh Hương	28/3/1985	Vạn Xuân - HĐ	Sở GD&ĐT	100	
2081	GD1942	Nguyễn Thúy Hạnh	02/11/1976	Vạn Xuân - HĐ	Sở GD&ĐT	100	
2082	GD1943	Nguyễn Thị Huế	05/10/1976	Vạn Xuân - HĐ	Sở GD&ĐT	100	
2083	GD1944	Nguyễn Thị Thanh Xuân	15/7/1979	Vạn Xuân - HĐ	Sở GD&ĐT	100	
2084	GD1945	Doãn Thị Bình	07/7/1976	Vạn Xuân - HĐ	Sở GD&ĐT	100	
2085	GD1946	Phạm Thị Mai Oanh	01/9/1981	Vạn Xuân - HĐ	Sở GD&ĐT	100	
2086	GD1947	Phạm Thanh Loan	15/02/1979	Vạn Xuân - HĐ	Sở GD&ĐT	100	
2087	GD1948	Nguyễn Thị Chanh	12/6/1977	Vạn Xuân - HĐ	Sở GD&ĐT	100	
2088	GD1949	Đặng Thị Thu Hương	14/9/1976	Vạn Xuân - HĐ	Sở GD&ĐT	100	
2089	GD1950	Nguyễn Thị Minh Hằng	15/10/1977	Vạn Xuân - HĐ	Sở GD&ĐT	100	
2090	GD1951	Nguyễn Thế Mạnh	31/10/1977	Vạn Xuân - HĐ	Sở GD&ĐT	100	
2091	GD1952	Đinh Thị Liên	02/12/1983	Vạn Xuân - HĐ	Sở GD&ĐT	100	
2092	GD1953	Phan Thị Thanh Bình	2/7/1979	Việt Đức	Sở GD&ĐT	100	
2093	GD1954	Trần Thanh Bình	4/27/1974	Việt Đức	Sở GD&ĐT	100	
2094	GD1955	Lê Văn Chính	8/11/1975	Việt Đức	Sở GD&ĐT	100	
2095	GD1956	Nguyễn Thu Hà	12/18/1972	Việt Đức	Sở GD&ĐT	100	
2096	GD1957	Lê Minh Hải	8/15/1983	Việt Đức	Sở GD&ĐT	100	
2097	GD1958	Bùi Lệ Hằng	1/30/1976	Việt Đức	Sở GD&ĐT	100	
2098	GD1959	Phan Vũ Diễm Hằng	8/5/1981	Việt Đức	Sở GD&ĐT	100	
2099	GD1960	Nguyễn Thị Diệu Ly	6/23/1985	Việt Đức	Sở GD&ĐT	100	
2100	GD1961	Bùi Thị Thà	9/16/1976	Việt Đức	Sở GD&ĐT	100	
2101	GD1962	Đồng Thị Kim Thủy	4/15/1977	Việt Đức	Sở GD&ĐT	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
2102	GD1963	Nguyễn Thị Thanh Thức	4/5/1977	Việt Đức	Sở GD&ĐT	100	
2103	GD1964	Nguyễn Thị Thu Trang	12/10/1988	Việt Đức	Sở GD&ĐT	100	
2104	GD1965	Nguyễn Thị Khánh Vân	6/5/1977	Việt Đức	Sở GD&ĐT	100	
2105	GD1966	Lê Thúy Vân	1/22/1976	Việt Đức	Sở GD&ĐT	100	
2106	GD1967	Mai Kim Bình	11/5/1983	Việt Đức	Sở GD&ĐT	100	
2107	GD1968	Vi Thị Ánh Nguyệt	12/22/1984	Việt Đức	Sở GD&ĐT	100	
2108	GD1969	Nguyễn Thu Hiền	3/3/1987	Việt Đức	Sở GD&ĐT	100	
2109	GD1970	Nguyễn Văn Hải	6/26/1983	Việt Đức	Sở GD&ĐT	100	
2110	GD1971	Nguyễn Thanh Mai	6/14/1980	Việt Đức	Sở GD&ĐT	100	
2111	GD1972	Nguyễn Thị Giang	11/26/1984	Việt Đức	Sở GD&ĐT	100	
2112	GD1973	Nguyễn Thị Thoan	8/12/1986	Việt Đức	Sở GD&ĐT	100	
2113	GD1974	Trần Thế Công	5/8/1968	Việt Nam-Ba Lan	Sở GD&ĐT	100	
2114	GD1975	Tổng Minh Hải	1/26/1977	Việt Nam-Ba Lan	Sở GD&ĐT	100	
2115	GD1976	Phùng Thị Hồng Nhung	7/2/1981	Việt Nam-Ba Lan	Sở GD&ĐT	100	
2116	GD1977	Nguyễn Thị Hồng Hải	11/26/1975	Việt Nam-Ba Lan	Sở GD&ĐT	100	
2117	GD1978	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	11/14/1980	Việt Nam-Ba Lan	Sở GD&ĐT	100	
2118	GD1979	Nguyễn Bảo Anh	1/30/1985	Việt Nam-Ba Lan	Sở GD&ĐT	100	
2119	GD1980	Trình Mỹ Hạnh	2/6/1985	Việt Nam-Ba Lan	Sở GD&ĐT	100	
2120	GD1981	Nguyễn Thu Hằng	11/8/1986	Việt Nam-Ba Lan	Sở GD&ĐT	100	
2121	GD1982	Trần Thanh Thúy	7/13/1988	Việt Nam-Ba Lan	Sở GD&ĐT	100	
2122	GD1983	Hoàng Thị Mai Thu	4/9/1978	Việt Nam-Ba Lan	Sở GD&ĐT	100	
2123	GD1984	Hà Hồng Chuyên	5/4/1978	Việt Nam-Ba Lan	Sở GD&ĐT	100	
2124	GD1985	Nguyễn Thị Thanh Hương	6/25/1973	Việt Nam-Ba Lan	Sở GD&ĐT	100	
2125	GD1986	Phan Thị Phương Thảo	9/18/1976	Việt Nam-Ba Lan	Sở GD&ĐT	100	
2126	GD1987	Nguyễn Thị Hải	12/22/1976	Việt Nam-Ba Lan	Sở GD&ĐT	100	
2127	GD1988	Nguyễn Anh Tuấn	4/14/1977	Việt Nam-Ba Lan	Sở GD&ĐT	100	
2128	GD1989	Trần Thị Như Hoa	9/3/1978	Việt Nam-Ba Lan	Sở GD&ĐT	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CD 7, 8)
2129	GD1990	Mai Thị Liên	9/27/1978	Việt Nam-Ba Lan	Sở GD&ĐT	100	
2130	GD1991	Kiều Thị Kim Liên	10/22/1978	Việt Nam-Ba Lan	Sở GD&ĐT	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CD 7, 8)
2131	GD1992	Hứa Thị Thu Thủy	3/22/1979	Việt Nam-Ba Lan	Sở GD&ĐT	100	
2132	GD1993	Phạm Thị Mơ	3/13/1980	Việt Nam-Ba Lan	Sở GD&ĐT	100	
2133	GD1994	Ngô Thị Vân	5/1/1980	Việt Nam-Ba Lan	Sở GD&ĐT	100	
2134	GD1995	Vũ Thị Mai Thanh	3/19/1981	Việt Nam-Ba Lan	Sở GD&ĐT	100	
2135	GD1996	Vũ Thị Thanh	1/10/1982	Việt Nam-Ba Lan	Sở GD&ĐT	100	
2136	GD1997	Hoàng Thị Trần Chuyển	10/16/1984	Việt Nam-Ba Lan	Sở GD&ĐT	100	
2137	GD1998	Nguyễn Thị Hải Lý	7/6/1985	Việt Nam-Ba Lan	Sở GD&ĐT	100	
2138	GD1999	Trần Thị Quỳnh Vân	7/19/1985	Việt Nam-Ba Lan	Sở GD&ĐT	100	
2139	GD2000	Nguyễn Thị Thanh An	8/31/1986	Việt Nam-Ba Lan	Sở GD&ĐT	100	
2140	GD2001	Nguyễn Minh Nguyệt	2/9/1988	Việt Nam-Ba Lan	Sở GD&ĐT	100	
2141	GD2002	Mai Trí Trung	7/6/1981	Việt Nam-Ba Lan	Sở GD&ĐT	100	
2142	GD2003	Trần Mạnh Hùng	2/14/1984	Việt Nam-Ba Lan	Sở GD&ĐT	100	
2143	GD2004	Phan Thị Thanh Hoài	2/9/1969	Việt Nam-Ba Lan	Sở GD&ĐT	100	
2144	GD2005	Nguyễn Thị Thu Hằng	11/30/1978	Việt Nam-Ba Lan	Sở GD&ĐT	100	
2145	GD2006	Nguyễn Thị Tuyết Thanh	3/5/1980	Việt Nam-Ba Lan	Sở GD&ĐT	100	
2146	GD2007	Nguyễn Thanh Hoa	4/30/1984	Việt Nam-Ba Lan	Sở GD&ĐT	100	
2147	GD2008	Nguyễn Thị Sửu	6/19/1985	Việt Nam-Ba Lan	Sở GD&ĐT	100	
2148	GD2009	Lê Thị Hường	7/18/1985	Việt Nam-Ba Lan	Sở GD&ĐT	100	
2149	GD2010	Vũ Thị Minh Tâm	12/30/1985	Việt Nam-Ba Lan	Sở GD&ĐT	100	
2150	GD2011	Từ Ngọc Lan	7/20/1988	Việt Nam-Ba Lan	Sở GD&ĐT	100	
2151	GD2012	Trần Thị Hồng Thẩm	12/1/1988	Việt Nam-Ba Lan	Sở GD&ĐT	100	
2152	GD2013	Trần Thị Hà Thu	9/18/1987	Việt Nam-Ba Lan	Sở GD&ĐT	100	
2153	GD2014	Nguyễn Thị Thanh	7/7/1977	Xuân Đình	Sở GD&ĐT	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
2154	GD2015	Nguyễn Thị Thu Thủy	7/20/1983	Xuân Đình	Sở GD&ĐT	100	
2155	GD2016	Trịnh Thị Thu Hà	8/27/1975	Xuân Đình	Sở GD&ĐT	100	
2156	GD2017	Nguyễn Hoàng Hoa	7/27/1983	Xuân Đình	Sở GD&ĐT	100	
2157	GD2018	Ngô Thành Trung	7/16/1982	Xuân Đình	Sở GD&ĐT	100	
2158	GD2019	Đinh Thị Hải Yến	7/3/1979	Xuân Đình	Sở GD&ĐT	100	
2159	GD2020	Nguyễn Thị Thu Huyền	10/15/1983	Xuân Đình	Sở GD&ĐT	100	
2160	GD2021	Đỗ Thị Thanh	3/10/1982	Xuân Đình	Sở GD&ĐT	100	
2161	GD2022	Ngô Thị Phụng	7/17/1976	Xuân Đình	Sở GD&ĐT	100	
2162	GD2023	Nguyễn Tuấn Phương	9/14/1986	Xuân Đình	Sở GD&ĐT	100	
2163	GD2024	Nguyễn Thị Hương	8/3/1979	Xuân Đình	Sở GD&ĐT	100	
2164	GD2025	Phạm Thị Thanh Thủy	11/29/1982	Xuân Đình	Sở GD&ĐT	100	
2165	GD2026	Nguyễn Thị Yến	6/15/1983	Xuân Đình	Sở GD&ĐT	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CD 7, 8)
2166	GD2027	Chu Thị Tuyết Thanh	5/4/1977	Xuân Đình	Sở GD&ĐT	100	
2167	GD2028	Vũ Thị Loan	5/17/1980	Xuân Đình	Sở GD&ĐT	100	
2168	GD2029	Nguyễn Thị Duyên	11/3/1981	Xuân Đình	Sở GD&ĐT	100	
2169	GD2030	Nguyễn Thị Hồng	10/6/1977	Xuân Đình	Sở GD&ĐT	100	
2170	GD2031	Bùi Thị Hòa	10/6/1978	Xuân Đình	Sở GD&ĐT	100	
2171	GD2032	Lê Thị Hằng	6/26/1984	Xuân Đình	Sở GD&ĐT	100	
2172	GD2033	Đỗ Trọng Tám	10/3/1975	Xuân Giang	Sở GD&ĐT	100	
2173	GD2034	Lê Hồng Nam	6/20/1984	Xuân Giang	Sở GD&ĐT	100	
2174	GD2035	Nguyễn Thị Minh Huệ	8/29/1977	Xuân Giang	Sở GD&ĐT	100	
2175	GD2036	Phạm Thị Thanh Hà	9/26/1978	Xuân Giang	Sở GD&ĐT	100	
2176	GD2037	Nguyễn Thị Loan	10/6/1982	Xuân Giang	Sở GD&ĐT	100	
2177	GD2038	Nguyễn Thị Minh Tâm	12/30/1979	Xuân Giang	Sở GD&ĐT	100	
2178	GD2039	Trần Thị Thanh Hà	11/2/1980	Xuân Giang	Sở GD&ĐT	100	
2179	GD2040	Nguyễn Thị Thu Thủy	7/26/1979	Xuân Giang	Sở GD&ĐT	100	
2180	GD2041	Vũ Thị Hồng Phụng	12/26/1978	Xuân Giang	Sở GD&ĐT	100	
2181	GD2042	Nguyễn Thị Hiền	4/7/1988	Xuân Giang	Sở GD&ĐT	100	
2182	GD2043	Hoàng Thị Thủy	1/12/1985	Xuân Giang	Sở GD&ĐT	100	
2183	GD2044	Nguyễn Thị Hà	2/10/1984	Xuân Giang	Sở GD&ĐT	100	
2184	GD2045	Nguyễn Thị Thu Hà	4/15/1977	Xuân Giang	Sở GD&ĐT	100	
2185	GD2046	Trần Thị Hà	8/15/1978	Xuân Giang	Sở GD&ĐT	100	
2186	GD2047	Lê Thị Hương	11/9/1984	Xuân Giang	Sở GD&ĐT	100	
2187	GD2048	Nguyễn Thị Bích Vân	10/10/1977	Xuân Giang	Sở GD&ĐT	100	
2188	GD2049	Nguyễn Đình Thắng	7/29/1972	Xuân Khanh	Sở GD&ĐT	100	
2189	GD2050	Nguyễn Ngọc Hiếu	8/8/1982	Xuân Khanh	Sở GD&ĐT	100	
2190	GD2051	Nguyễn Thị Huế	1/4/1984	Xuân Khanh	Sở GD&ĐT	100	
2191	GD2052	Phùng Bá Hải	8/30/1976	Xuân Khanh	Sở GD&ĐT	100	
2192	GD2053	Nguyễn Thị Nga	11/25/1972	Xuân Khanh	Sở GD&ĐT	100	
2193	GD2054	Nguyễn Thị Đàm Huế	1/22/1976	Xuân Khanh	Sở GD&ĐT	100	
2194	GD2055	Nguyễn Thị Phương Chiên	11/10/1978	Xuân Khanh	Sở GD&ĐT	100	
2195	GD2056	Vũ Huy Tùng	5/7/1977	Xuân Khanh	Sở GD&ĐT	100	
2196	GD2057	Nguyễn Thị Mai Hương	2/4/1979	Xuân Khanh	Sở GD&ĐT	100	
2197	GD2058	Lê Thị Thanh Thủy	12/20/1979	Xuân Khanh	Sở GD&ĐT	100	
2198	GD2059	Nguyễn Thị Minh Hiền	28/2/1969	Xuân Mai	Sở GD&ĐT	100	
2199	GD2060	Phạm Thị Hường	14/4/1972	Xuân Mai	Sở GD&ĐT	100	
2200	GD2061	Đoàn Mạnh Hiếu	22/9/1976	Xuân Mai	Sở GD&ĐT	100	
2201	GD2062	Bùi Văn Hạnh	14/2/1977	Xuân Mai	Sở GD&ĐT	100	
2202	GD2063	Nguyễn Lưu	4/29/1984	Xuân Mai	Sở GD&ĐT	100	
2203	GD2064	Nguyễn Thị Thu Hằng	30/11/1975	Xuân Mai	Sở GD&ĐT	100	
2204	GD2065	Lê Thị Thúy Nhạ	15/4/1975	Xuân Mai	Sở GD&ĐT	100	
2205	GD2066	Ngô Thị Huệ	3/1/1976	Xuân Mai	Sở GD&ĐT	100	
2206	GD2067	Lê Văn Kiên	1/14/1981	Xuân Mai	Sở GD&ĐT	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
2207	GD2068	Trần Thị Thu Hiền	5/27/1981	Xuân Mai	Sở GD&ĐT	100	
2208	GD2069	Đào Danh Nam	8/5/1979	Xuân Mai	Sở GD&ĐT	100	
2209	GD2070	Hà Thị Ngọc Tân	6/4/1981	Xuân Mai	Sở GD&ĐT	100	
2210	GD2071	Lại Thị Minh Thuỷ	10/24/1980	Xuân Mai	Sở GD&ĐT	100	
2211	GD2072	Nguyễn Thế Văn	9/9/1982	Xuân Mai	Sở GD&ĐT	100	
2212	GD2073	Nguyễn Thị Thanh Hà	2/12/1979	Xuân Mai	Sở GD&ĐT	100	
2213	GD2074	Nguyễn Tiến Dũng	6/25/1975	Xuân Mai	Sở GD&ĐT	100	
2214	GD2075	Nguyễn Thị Kim Oanh	1/16/1982	Xuân Mai	Sở GD&ĐT	100	
2215	GD2076	Nguyễn Thị Nhung	7/11/1976	Xuân Mai	Sở GD&ĐT	100	
2216	GD2077	Nguyễn Thị Thu Hà	1/1/1975	Xuân Mai	Sở GD&ĐT	100	
2217	GD2078	Trần Thị Minh Tuyết	10/15/1975	Xuân Phương	Sở GD&ĐT	100	
2218	GD2079	Trần Thị Tuyết Lê	2/19/1976	Xuân Phương	Sở GD&ĐT	100	
2219	GD2080	Lê Thị Phương Lan	7/31/1975	Xuân Phương	Sở GD&ĐT	100	
2220	GD2081	Trần Thị Hương Giang	6/4/1984	Xuân Phương	Sở GD&ĐT	100	
2221	GD2082	Trần Thị Xuyên Chi	4/1/1985	Xuân Phương	Sở GD&ĐT	100	
2222	GD2083	Vũ Thị Hoa	1/10/1980	Xuân Phương	Sở GD&ĐT	100	
2223	GD2084	Bùi Thị Đan Hoài	12/23/1972	Xuân Phương	Sở GD&ĐT	100	
2224	GD2085	Phạm Thị Hồng Luyến	6/22/1982	Xuân Phương	Sở GD&ĐT	100	
2225	GD2086	Trịnh Vũ Bảo	12/26/1982	Xuân Phương	Sở GD&ĐT	100	
2226	GD2087	Nguyễn Thị Huyền	6/3/1982	Xuân Phương	Sở GD&ĐT	100	
2227	GD2088	Hà Thị Huyền	2/2/1984	Xuân Phương	Sở GD&ĐT	100	
2228	GD2089	Lý Đức Hưng	9/15/1984	Xuân Phương	Sở GD&ĐT	90	Thiếu chứng chỉ bồi dưỡng CDNN
2229	GD2090	Bùi Thị An	11/16/1987	Xuân Phương	Sở GD&ĐT	100	
2230	GD2091	Ngô Thị Hoa	11/11/1986	Xuân Phương	Sở GD&ĐT	100	
2231	GD2092	Nguyễn Thị Phương Thu	8/21/1980	Xuân Phương	Sở GD&ĐT	100	
2232	GD2093	Nguyễn Thị Thu	9/20/1983	Xuân Phương	Sở GD&ĐT	100	
2233	GD2094	Đỗ Thị Ngân	11/10/1989	Xuân Phương	Sở GD&ĐT	100	
2234	GD2095	Nguyễn Song Toàn	10/19/1977	Yên Hòa	Sở GD&ĐT	100	
2235	GD2096	Trần Thị Hương Giang	6/13/1983	Yên Hòa	Sở GD&ĐT	100	
2236	GD2097	Nguyễn Thanh Mai	8/3/1981	Yên Hòa	Sở GD&ĐT	100	
2237	GD2098	Nguyễn Thị Thuý Nga	11/4/1977	Yên Hòa	Sở GD&ĐT	100	
2238	GD2099	Nguyễn Hữu Hương	3/23/1982	Yên Hòa	Sở GD&ĐT	100	
2239	GD2100	Hoàng Việt Hưng	2/10/1982	Yên Hòa	Sở GD&ĐT	100	
2240	GD2101	Phạm Thị Thuý	2/14/1984	Yên Hòa	Sở GD&ĐT	100	
2241	GD2102	Nguyễn Thị Hoa	4/5/1982	Yên Hòa	Sở GD&ĐT	95	Không có bản đánh giá xếp loại viên chức năm học 2021-2022
2242	GD2103	Lê Thị Quý	11/27/1985	Yên Hòa	Sở GD&ĐT	100	
2243	GD2104	Phạm Ngọc Thụ	9/27/1978	Yên Hòa	Sở GD&ĐT	100	
2244	GD2105	Nguyễn Thị Lan Phương	10/9/1983	Yên Hòa	Sở GD&ĐT	100	
2245	GD2106	Hoàng Thị Vân	9/27/1987	Yên Hòa	Sở GD&ĐT	100	
2246	GD2107	Vũ Thị Vân	4/1/1978	Yên Hòa	Sở GD&ĐT	100	
2247	GD2108	Phạm Thị Thương	11/16/1987	Yên Hòa	Sở GD&ĐT	100	
2248	GD2109	Cao Thị Mai Hương	11/7/1984	Yên Hòa	Sở GD&ĐT	100	
2249	GD2110	Lê Tuấn Bình	3/15/1985	Yên Hòa	Sở GD&ĐT	100	
2250	GD2111	Nguyễn Thị Thuý Ngọc	11/7/1973	Yên Hòa	Sở GD&ĐT	100	
2251	GD2112	Hà Thị Duyên	6/7/1986	Yên Hòa	Sở GD&ĐT	100	
2252	GD2113	Nguyễn Thị Thu Hiền	8/2/1980	Yên Hòa	Sở GD&ĐT	100	
2253	GD2114	Nguyễn Thị Thu Hương	8/5/1975	Yên Hòa	Sở GD&ĐT	100	
2254	GD2115	Đoàn Thị Thuý Ngân	10/1/1985	Yên Hòa	Sở GD&ĐT	100	
2255	GD2116	Vũ Anh Tuấn	5/23/1973	Yên Hòa	Sở GD&ĐT	100	
2256	GD2117	Đàm Liên Quân	8/20/1971	Yên Hòa	Sở GD&ĐT	100	
2257	GD2118	Phạm Thế Đức	10/2/1967	Yên Hòa	Sở GD&ĐT	100	
2258	GD2119	Dương Thu Trang	6/18/1985	Yên Hòa	Sở GD&ĐT	100	
2259	GD2120	Trương Thị Hồng Vân	8/6/1987	Yên Hòa	Sở GD&ĐT	100	
2260	GD2121	Lại Phú Quân	7/26/1977	Yên Hòa	Sở GD&ĐT	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
2261	GD2122	Mai Thị Hà	1/14/1974	Yên Hòa	Sở GD&ĐT	100	
2262	GD2123	Dương Thị Viên	10/29/1980	Yên Hòa	Sở GD&ĐT	100	
2263	GD2124	Doãn Đình Thanh	2/16/1970	Yên Hòa	Sở GD&ĐT	100	
2264	GD2125	Lê Thị Thu Giang	1/4/1988	Yên Hòa	Sở GD&ĐT	100	
2265	GD2126	Nguyễn Thị Hồng Lê	1/15/1983	Yên Hòa	Sở GD&ĐT	100	
2266	GD2127	Nguyễn Thị Đan Quế	4/10/1971	Yên Hòa	Sở GD&ĐT	100	
2267	GD2128	Ngô Mạnh Cường	3/8/1989	Yên Lãng	Sở GD&ĐT	100	
2268	GD2129	Đặng Thị Kim Dung	1/12/1978	Yên Lãng	Sở GD&ĐT	100	
2269	GD2130	Nguyễn Văn Hiền	5/29/1981	Yên Lãng	Sở GD&ĐT	100	
2270	GD2131	Nguyễn Thị Hường	10/2/1982	Yên Lãng	Sở GD&ĐT	100	
2271	GD2132	Phạm Thị Nhu	2/1/1982	Yên Lãng	Sở GD&ĐT	100	
2272	GD2133	Lưu Văn Phòng	10/22/1981	Yên Lãng	Sở GD&ĐT	100	
2273	GD2134	Nguyễn Thu Trang	6/11/1989	Yên Lãng	Sở GD&ĐT	100	
2274	GD2135	Ngô Xuân Trường	1/26/1974	Yên Lãng	Sở GD&ĐT	100	
2275	GD2136	Nguyễn Đình Tuấn	5/28/1977	Yên Lãng	Sở GD&ĐT	100	
2276	GD2137	Nguyễn Thị Dang	12/18/1978	Yên Viên	Sở GD&ĐT	85	Chưa đủ thời gian giữ CDNN hạng III
2277	GD2138	Nguyễn Thị Kim Huế	8/13/1977	Yên Viên	Sở GD&ĐT	100	
2278	GD2139	Đinh Thị Thu Hương	10/15/1977	Yên Viên	Sở GD&ĐT	100	
2279	GD2140	Nguyễn Thị Thu Ninh	11/11/1975	Yên Viên	Sở GD&ĐT	100	
2280	GD2141	Nguyễn Thị Hoài Thư	10/30/1984	Yên Viên	Sở GD&ĐT	85	Chưa đủ thời gian giữ CDNN hạng III
2281	GD2142	Nguyễn Thu Trang	2/2/1987	Yên Viên	Sở GD&ĐT	100	
2282	GD2143	Đặng Thị Vòng	4/27/1978	Yên Viên	Sở GD&ĐT	100	
2283	VH003	Trần thị Vân Uyên	09/02/1977	PTNK TDTT HN	Sở VH&TT	100	
2284	VH004	Hoàng Thị Minh	10/05/1983	PTNK TDTT HN	Sở VH&TT	100	
2285	VH005	Chu Văn Minh	28/10/1983	PTNK TDTT HN	Sở VH&TT	100	
2286	VH006	Nguyễn Thị Vân Anh	3/5/1975	PTNK TDTT HN	Sở VH&TT	100	
2287	VH007	Nguyễn Thị Thu Hiền	6/11/1981	PTNK TDTT HN	Sở VH&TT	100	
2288	VH008	Lưu Văn Hưng	10/20/1976	PTNK TDTT HN	Sở VH&TT	100	
2289	VH009	Phạm Thị Vĩnh Hà	10/12/1974	PTNK TDTT HN	Sở VH&TT	100	
2290	VH010	Đồng Thị Mai Anh	08/11/1987	PTNK TDTT HN	Sở VH&TT	100	
2291	VH011	Trần Thị Băng Tâm	12/25/1984	PTNK TDTT HN	Sở VH&TT	100	
2292	VH012	Dương Thị Hiền	4/10/1987	PTNK TDTT HN	Sở VH&TT	100	
2293	VH013	Bùi Dương Hiếu	6/22/1970	PTNK TDTT HN	Sở VH&TT	100	
2294	VH014	Hoàng Thị Kim Mai	04/02/1978	PTNK TDTT HN	Sở VH&TT	100	

** Danh sách gồm 2294 người*